



# THÔNG LUẬN

ISSN 1145-9557

NGUYỆT SAN THÔNG TIN NGHỊ LUẬN

Publiée par Association Vietnam Fraternité, 7 allée Bouleau Carreau, 77600 Bussy-Saint-Georges, France

Inscrite à la Commission Paritaire des Publications et Agences de Presse sous le No 70359

Adresse Web: <http://www.thongluan.org> □ Directeur de publication: Diệp Tường Bào

Xã luận

## Ủng hộ linh mục Nguyễn Văn Lý và hòa thượng Quảng Độ

Sáng sớm ngày 17-5-2001, giữa lúc linh mục Nguyễn Văn Lý đang sửa soạn hành lễ thì một lực lượng công an đông đảo xông vào nhà thờ xứ An Truyền bắt ông và hành hung thô bạo những thanh niên công giáo chuẩn bị dự lễ mừng bệnh vực ông. Từ đó, theo nhiều nguồn tin chính xác, linh mục Lý đã tuyệt thực để phản đối. Vũ khí tự vệ cuối cùng của một người không còn phương tiện nào khác để bày tỏ sự bất bình này đã khiến ông suy nhược nhanh chóng và đang phải điều trị.

Ngày hôm sau, đến lượt hòa thượng Thích Quảng Độ bị gọi lên thẩm vấn và dọa nạt tại trụ sở công an Phú Nhuận.

Nếu người ta chưa quên rằng tại Hải Phòng ông Vũ Cao Quận đã bị bắt giam vô cớ trong vòng mười ngày từ 24-4 đến 4-5-2001 trong khi ông Hoàng Minh Chính và Lê Hồng Hà liên tiếp bị sách nhiễu và hăm dọa thì phải kết luận rằng đại hội IX của Đảng Cộng sản Việt Nam không có dấu hiệu đổi mới nào cả. Không những thế, từ nay các biện pháp đàn áp còn có khả năng gia tăng. Cũng đừng quên là Hà Sĩ Phu mới bắt đầu chịu lệnh quản chế hai năm, và hai tín đồ Phật giáo Hòa Hảo vừa bị những bản án tù nặng nề.

Một lần nữa dư luận Việt Nam và thế giới phản nộ, tự hỏi phải làm gì.

Trường hợp linh mục Nguyễn Văn Lý có thể giải thích là vì ông đã công khai thách thức chế độ cộng sản khi tuyên bố không chấp nhận và không tuân hành quyết định quản chế ông. Nhưng quyết định này tự nó cũng là một

thách đố thô bạo. Nó dựa trên nghị định 31/CP, một nghị định vi phạm trắng trợn chính hiến pháp và luật pháp của chế độ cộng sản Việt Nam. Vô lý hơn nữa nó còn vượt quá cả ranh giới của mọi luật pháp vì nó còn cấm linh mục Lý không được hành lễ trong thời gian quản chế, trong khi ở mọi nước văn minh, ngay cả những tu sĩ đang chịu án tù, cũng không mất quyền làm lễ của tôn giáo mình.

Chúng ta cần nhận định rằng linh mục Lý đã không đấu tranh với tư cách của một linh mục mà với tư cách của một người Việt Nam đòi tự do và dân chủ. Vì thế, việc Giáo hội Công giáo Việt Nam không cảm thấy có bổn phận phải tích cực ủng hộ ông là điều đáng tiếc nhưng không quan trọng. Nguyễn Văn Lý tranh đấu cho dân chủ và nhân quyền với tư cách một người Việt Nam, do đó ông xứng đáng được mọi người dân chủ Việt Nam yểm trợ. Chúng ta yểm trợ ông vì lòng biết ơn đối với một người hiếm hoi đã dám đem an ninh cá nhân của mình đòi cho dân tộc một cuộc sống xứng đáng hơn.

Trường hợp hòa thượng Thích Quảng Độ lại khác. Ông hoàn toàn không làm gì có thể bị coi là thách thức chính quyền cả. Điều ông dự định làm, ra Quảng Ngãi đón hòa thượng Huyền Quang về Sài Gòn, là hoàn toàn hợp pháp. Hơn thế nữa đó là việc mà lương tâm buộc ông phải làm. Hòa thượng Huyền Quang năm nay đã 83 tuổi và đang bệnh nặng, lại phải sống cô độc trong chùa Quan Phước, mỗi ngày chỉ được một Phật tử

mang cơm đến cho ăn. Ban đêm cụ già đau yếu này phải ở một mình. Ông rất có thể lâm bệnh bất ngờ và ai sẽ ở đó để săn sóc ông? Biện pháp cô lập này không phải chỉ dã man, nó còn là một sự phạm pháp khó tưởng tượng vì hòa thượng Huyền Quang hiện không chịu bất cứ một bản án nào, ngay cả lệnh quản chế ông cũng đã chính thức chấm dứt từ năm 1997. Đáng lẽ ra, sau khi đã mãn hạn lưu đày, một biện pháp tự nó đã rất thô bạo, chính quyền cộng sản phải đưa ông về nơi ông cư trú trước đó, Sài Gòn.

Hòa thượng Quảng Độ đã không để bị uy hiếp tinh thần, ông giữ nguyên dự định đi đón hòa thượng Huyền Quang. Ông có lý hoàn toàn và cũng không thể làm khác được. Nếu không thì, như ông đã tuyên bố, chính ông cũng có lỗi. Chính quyền cộng sản sẽ làm gì? Họ sẽ ngăn cản không cho hòa thượng Quảng Độ ra khỏi Thanh Minh Thiền Viện? Họ sẽ bắt giam ông? Đó sẽ chỉ là những hành động ngu muội, làm cho chế độ bị thù ghét thêm, cô lập hơn và sụp đổ nhanh chóng hơn.

Ngày 7-6-2001 sắp tới, mọi người Việt Nam sẽ tiễn đưa hòa thượng Quảng Độ lên đường. Hàng chục triệu tấm lòng sẽ hướng về ông. Mỗi người, mỗi nhà sẽ thắp một ngọn nến hay một nén hương để nghĩ đến ông và hiện diện bên ông. Chính quyền cộng sản sẽ không phải chỉ đương đầu với hòa thượng Thích Quảng Độ mà với toàn dân Việt Nam, và hơn thế nữa với cả lương tâm của loài người văn minh.

**Thông Luận**

Năm giờ sáng ngày 17-5-2001, một toán người đột nhập vào khuôn viên nhà thờ xứ An Truyền bắt linh mục Nguyễn Văn Lý dẫn đi, sau khi đã lục soát và mang theo nhiều vật dụng. Giáo dân tràn ra ngăn cản liền bị những người này dùng roi điện đánh đập để giải tán. Đây là đội công an bảo vệ chính trị của tỉnh Thừa Thiên, phối hợp với công an địa phương, đến bắt vị chủ chiên giáo xứ An Truyền đem về Huế giam về tội "không thi hành lệnh quản chế, tiếp tục phá rối trị an, xáo động nhân dân chống lại chính quyền".

Trước sự bất bớ này, các chính phủ dân chủ, dư luận quốc tế và cộng đồng người Việt hải ngoại đều lên tiếng bày tỏ sự phản nộ và yêu cầu Hà Nội trả tự do cho linh mục Nguyễn Văn Lý.

Về phía Giáo hội Công giáo Việt Nam thì sao? Im lặng.

Không phải đây là lần đầu tiên Giáo hội Công giáo Việt Nam im lặng trước sự kiện một tu sĩ bị chính quyền cộng sản bắt giữ. Trong những ngày đầu dưới chế độ cộng sản trên toàn quốc năm 1975, Giáo hội Công giáo Việt Nam không hề lên tiếng bất cứ một lần nào trước việc các tu sĩ Công giáo bị bắt giữ hay bị xử án.

Tại sao lại im lặng? Có lẽ phải trở về quá khứ thành lập đạo Công giáo tại Việt Nam để tìm hiểu.

Từ đầu thế kỷ 17, nhiều tu sĩ Công giáo phương Tây đã đến Việt Nam truyền đạo và thành lập đoàn truyền giáo xứ Đàng Trong năm 1615 tại Cửa Hàn và đoàn truyền giáo xứ Đàng Ngoài tại Thăng Long năm 1627. Nhưng phải chờ đến năm 1658 Giáo hội Công giáo La Mã mới cử hai giám mục đến Đông Dương thành lập các giáo hội địa phương: giám mục Lambert de La Motte cai quản giáo hội xứ Đàng Trong, trụ sở đặt tại Hội An (1672), và giám mục François Pallu cai quản giáo hội xứ Đàng Ngoài, trụ sở đặt tại Phố Hiến (1669). Dưới sự cai quản của các giáo sĩ phương Tây, đạo Công giáo tại Việt Nam phát triển mạnh cho đến cuối thế kỷ 17. Năm 1639 có hơn 100 000 người

gia nhập đạo Công giáo, một dòng tu đầu tiên được thành lập năm 1666.

Nhưng kể từ 1696 trở đi, phong trào cấm và giết đạo trở nên rầm rộ, tàn bạo và qui mô nhất là từ cuối thế kỷ 18 đến nửa cuối thế kỷ 19, nhưng không vì thế số người tòng đạo kém đi. Tổng cộng có trên 190 000 người Công giáo đã bị giết (tử vì đạo); chỉ riêng dưới thời hai vua Minh Mạng và Tự Đức khoảng 150 000 người đã bị hành quyết. Sự dã man của các vụ cấm và giết đạo tại Việt Nam gây phản nộ trong dư luận châu Âu. Các chính phủ phương Tây đã tới tập gởi các phái đoàn đến Việt Nam yêu cầu triều đình Huế bãi bỏ các lệnh cấm đạo nhưng không thành công, phong trào cấm và giết đạo không những vẫn tiếp tục mà còn gia tăng cường độ. Trước tình thế tuyệt vọng này, các vị đại diện Giáo hội Công giáo tại Việt Nam, đa số là người Pháp, đã phải nhờ các sĩ quan Eugénie can thiệp với hoàng đế Napoléon III, làm áp lực với triều đình Huế ngưng giết người theo đạo Công giáo. Sự ngoan cố và yếu kém của triều đình Huế đã khiến vài chiến thuyền và một năm nhỏ binh sĩ Pháp có thể đánh bại dễ dàng quân lực nhà Nguyễn và lần lượt đặt nước Việt Nam dưới sự thống trị của người Pháp.

Giáo hội Công giáo Việt Nam dưới quyền lãnh đạo của các giáo sĩ phương Tây đã tỏ ra tích cực trong thời gian đầu dưới thời Pháp thuộc, nhưng không nhờ đó mà phát triển hơn. Quần chúng Việt Nam nhìn những người theo đạo Công giáo như những kẻ nổi giáo cho giặc, đã dẫn quân Pháp vào xâm chiếm Việt Nam. Phong trào Cần Vương và Văn Thân đã nổi lên không phải để chống người Pháp mà để sát hại những người Công giáo, thêm 20 000 người Công giáo đã chết dưới tay đồng bào của họ.

Nỗ lực chính của Giáo hội Công giáo Việt Nam trong giai đoạn này, vẫn do các giáo sĩ phương Tây lãnh đạo, là bảo vệ giáo hội và không để giáo dân bị bách hại thêm nữa. Nhưng vết thương trong lòng người Công giáo Việt Nam

đã quá lớn để có thể tìm lại chỗ đứng bình thường trong lòng dân tộc, họ đã sống gần như tách biệt với phần còn lại của đất nước. Nhiều làng và trường học được thành lập riêng cho người Công giáo và qua các trường này, thanh thiếu niên Công giáo đã hấp thụ những kiến thức mới và trở thành giai cấp lãnh đạo, nhưng trí thức Công giáo chỉ đảm nhiệm vai trò lãnh đạo trung gian vì thực quyền lãnh đạo đất nước vẫn nằm trong tay người Pháp. Chính vì thế một số đồng trí thức Công giáo tập trung cố gắng vào các lãnh vực văn hóa và giáo dục, rất ít người dấn thân vào con đường chính trị hay xét lại vai trò của người Pháp tại Việt Nam.

Chỉ sau này, kể từ 1930 trở đi, khi hai lực lượng chính trị lớn do người Việt Nam thành lập (Việt Nam Quốc dân Đảng và Đảng Cộng sản Đông Dương), một số trí thức Công giáo tích cực tham gia vào phong trào chống Pháp, nhưng phần lớn chọn đấu tranh bằng tư tưởng ý kiến qua báo chí và các phương tiện truyền thông, vì họ là những người có trình độ. Nhưng cùng chính trong giai đoạn này, và cùng cùng một mục tiêu giành độc lập, phong trào Việt Minh đặt lại vai trò của người Công giáo trong việc chống Pháp; không những họ đã loại người Công giáo ra khỏi mọi vai trò lãnh đạo mà còn tấn công các làng Công giáo, bị tố cáo là làm tay sai cho Pháp, và đã được đông đảo quần chúng nghe theo. Chỗ đứng của người Công giáo trong lòng dân tộc một lần nữa bị lung lay. Năm 1954, hiệp định Genève vừa ký kết, hàng trăm ngàn người Công giáo đã rời miền Bắc vào Nam tị nạn.

Tại miền Nam, sự dấn thân của người Công giáo có phần tích cực hơn, vì được coi là thành phần chống cộng triệt để và được các chính quyền miền Nam chấp nhận. Người Công giáo chiếm đa số trong các địa vị lãnh đạo, trong công quyền cũng như ngoài dân sự. Không phải chính quyền Ngô Đình Diệm hay các chính quyền kế tiếp ưu đãi người Công giáo hơn những thành phần khác mà vì những người thực sự có khả năng

lãnh đạo miền Nam vào thời đó chỉ có thể là người Công giáo hay được đào tạo trong các trường Công giáo. Tình trạng này kéo dài cho tới 1975 khi miền Nam lọt vào tay phe cộng sản.

Sau 1975, chính quyền Việt Nam Cộng hòa sụp đổ, những người lãnh đạo một số đã ra nước ngoài, số còn lại bị bắt giam và đưa đi "học tập" trong các trại cải tạo. Giáo hội Công giáo Việt Nam tự nhiên được coi là tổ chức "chống cộng" có tầm vóc và có hậu thuẫn quốc tế còn ở lại trong nước. Dư luận quốc tế, người Việt trong và ngoài nước chờ đợi phản ứng của Giáo hội Công giáo Việt Nam trước các vụ đàn áp tôn giáo mà người Công giáo là nạn nhân để ủng hộ và tất cả đều thất vọng. Chỉ có một sự im lặng nặng nề.

Sự im lặng này có những lý do của nó.

Giáo hội Công giáo Việt Nam trước hết là một tổ chức vừa nặng nề vừa chặt chẽ; chính vì vừa nặng nề vừa chặt chẽ này mà giáo hội Công giáo đã tồn tại và tiếp tục phát triển trong suốt bốn trăm năm qua với những ưu và khuyết điểm của nó.

- Nặng nề vì phải tuân theo một thủ tục hành chánh rườm rà, không ai có quyền đi tắt. Muốn đạo đạt một ý kiến hay đề nghị, giáo dân phải trình lên ban chấp hành của giáo xứ, giáo xứ là một đơn vị sinh hoạt độc lập nằm dưới quyền quản trị của giáo phận; nếu đề nghị được chấp thuận vị đại diện giáo xứ trình lên ban chấp hành của giáo phận, giáo phận là cơ quan lãnh đạo địa phương dưới quyền quản trị của một hội đồng giám mục và các hội đồng giám mục họp lại thành Giáo hội Công giáo Việt Nam (với ba hội đồng giám mục và 23 giáo phận). Thời gian giải quyết hay thi hành một quyết định từ trên xuống dưới phải mất ít nhất vài ngày và ngược lại một ý kiến hay đề nghị từ dưới lên trên phải mất ít nhất từ một tuần đến vài tháng. Thêm vào đó Giáo hội Công giáo Việt Nam trực thuộc Giáo hội Công giáo La Mã, tức Tòa Thánh Vatican, qua trung gian điều hợp của Giáo hội Công giáo châu Á. Các thủ tục hành chánh kéo dài lâu hay mau tùy thuộc mức độ quan trọng của từng vấn đề, không ai có thể tùy tiện làm theo ý riêng của mình. Chính vì thế, trước các vấn đề chính trị

tâm cỡ quốc gia, Giáo hội Công giáo Việt Nam không trực tiếp lên tiếng mà phải đạo đạt lên Tòa Thánh Vatican để vị đại diện tối cao lên tiếng thay.

- Chặt chẽ vì hệ thống phân quyền trong nội bộ giáo hội rất phức tạp, mỗi người tùy theo vị trí đã định của mình mà hành xử theo đúng vị trí đó. Chức năng của mỗi tu sĩ [sư huynh (frère), chị (sœur), linh mục, giám mục, tổng giám mục], tuy mang cùng tên nhưng rất khác nhau và bổ túc cho nhau. Mỗi dòng tu (đào tạo linh mục hay tu sĩ) có một chức năng riêng mà chức năng đầu tiên là triệt để vâng lời các bậc bề trên và phát triển đạo. Cách đào tạo này gần giống như trong quân đội, nghĩa là rất cứng nhắc. Khi cấp trên quyết định điều gì, cấp dưới phải triệt để tuân hành, bất kể tuổi tác, kiến thức và danh tiếng xã hội mà tu sĩ cấp dưới có được.

Lý do thứ hai là kinh nghiệm tổ chức. Hàng giáo phẩm Việt Nam chỉ mới đảm nhiệm chức vụ lãnh đạo giáo hội gần đây mà thôi, do đó còn rất non yếu. Sự non yếu này phần lớn là lỗi của các tu sĩ phương Tây, họ không chú tâm nâng cao vai trò lãnh đạo của các vị giáo sĩ địa phương mà chỉ giao những vai trò lãnh đạo trung gian hay thứ yếu. Trước kia mọi quyết định lớn liên quan đến người Công giáo Việt Nam đều do các tu sĩ phương Tây đảm nhiệm, do đó khi đứng trước một bất công xã hội hay chính sách đàn áp của chính quyền hàng giáo phẩm Việt Nam thường chọn thái độ im lặng (không dám bày tỏ thẳng thắn quan điểm hay thái độ của mình, cố tránh lấy những thái độ hay quyết định cá nhân). Kinh nghiệm này có lý do lịch sử của nó. Sau khi đạo Công giáo đã được truyền bá tại Việt Nam trên 300 năm và đã có hơn một triệu tín đồ, năm 1933 hàng giáo phẩm Việt Nam mới có một giám mục, Nguyễn Bá Tông. Từ 1954 trở đi, mặc dù đã có trên hai triệu giáo dân, hàng giáo phẩm Việt Nam chỉ mới đảm nhận 50% chức vị giám mục, số còn lại vẫn do người phương Tây nắm giữ; đó là chưa kể hằng chục trường học và dòng tu vẫn do các tu sĩ người Pháp đang quản lý. Chỉ khi nào một giám mục ngoại quốc qua đời, Tòa Thánh Vatican mới bổ nhiệm một giám mục người bản xứ. Cho đến tháng 4-1975 vẫn còn một vị giám mục

người Pháp cai quản giáo phận Kontum, Paul Seitz, và nhiều giám mục ngoại quốc làm việc trong các Tòa Tổng Giám Mục Sài Gòn và Huế. Sau 1975, tất cả các giáo sĩ ngoại quốc đều bị trục xuất khỏi Việt Nam, hàng giáo phẩm Việt Nam mới thực sự cai quản giáo hội của mình dưới sự điều hợp chặt chẽ của tòa thánh Vatican.

Những diễn giải dài dòng vừa rồi chỉ để nói lên một điều, kinh nghiệm lãnh đạo Giáo hội Công giáo Việt Nam còn rất non trẻ mặc dầu tuổi đời của các vị lãnh đạo khá cao. Biết rõ sự non trẻ và yếu kém này, chính quyền cộng sản đã sử dụng mọi biện pháp, vừa mềm mỏng vừa cứng rắn, để vô hiệu hóa vai trò lãnh đạo của Giáo hội Công giáo và họ đã thành công, Giáo hội Công giáo Việt Nam thường tỏ ra bối rối trước những vấn đề lớn của quốc gia hay trong việc tổ chức giáo hội. Đối đầu hay khuất phục? Đó là những chọn lựa khó khăn. Cuối cùng, hàng giáo phẩm Việt Nam đã chọn thái độ im lặng. Chính sự im lặng này mà Giáo hội Công giáo đã được để yên và giữ được một số cơ sở để làm nơi thờ phượng mặc dù đã mất khá nhiều. Tuy vậy không ai cấm cản hay ngăn chặn các tu sĩ phát biểu ý kiến với tư cách cá nhân, như linh mục Chân Tín hay Nguyễn Văn Lý đã làm. Đòi hỏi hơn không thể có.

Im lặng có phải là biện pháp hữu hiệu nhất không? Rất khó trả lời. Im lặng nhiều lúc được hiểu là đồng lõa. Lịch sử Giáo hội Công giáo thế giới đã nhiều lần im lặng trước các vấn đề lớn của thế giới, để rồi sau đó các vị lãnh đạo tối cao của Giáo hội Công giáo phải nhân danh giáo hội xin lỗi, như giáo hoàng Johannes-Paulus II và hồng y Lustiger (Pháp) đã làm. Nhưng im lặng cũng là một thái độ khôn ngoan trước một đối thủ hung dữ. Một nhện chính lãnh, cứ để giông tố qua đi bình yên sẽ trở lại. Nhưng có bao nhiêu người có đủ suy luận để biết hậu ý tích cực của sự im lặng này? Chính vì sự im lặng kéo dài quá lâu mà Giáo hội Công giáo Việt Nam thường bị dư luận nhìn dưới một con mắt lạnh lùng.

Những người còn nặng lòng với đất nước trong hàng ngũ giáo hội đã rất khổ tâm. Bộc lộ thế nào đây ý kiến của mình  
(xem tiếp trang 27)

## Lời phản kháng của linh mục Chân Tín về vụ bắt giam linh mục Nguyễn Văn Lý

Sáng nay, 17-5-2001, lúc 5 giờ, hàng trăm công an đã bao vây nhà thờ An Truyền và bắt linh mục Nguyễn Văn Lý mang đi, lúc linh mục chuẩn bị dâng thánh lễ cho giáo dân. Công an đã dùng dùi cui và roi điện đánh đập tàn nhẫn những người bảo vệ cha Lý.

- Xét rằng linh mục Nguyễn Văn Lý đã đấu tranh ôn hòa cho quyền con người và tự do tôn giáo, bằng tự do ngôn luận mà Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền và cả hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam đã chấp nhận.

- Xét rằng những đòi hỏi của linh mục Nguyễn Văn Lý, trong những lời kêu gọi gần nửa năm nay, là một sự phản ánh trung thực về chính sách đàn áp tôn giáo của chính quyền cộng sản Việt Nam.

- Xét rằng từ nhiều chục năm qua, nhiều âm mưu thủ đoạn có hệ thống nhằm bóp nghẹt tinh thần tự do tôn giáo của nhân dân.

- Xét rằng điều 4 hiến pháp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam là nguồn gốc phát sinh mọi vi phạm về nhân quyền, dân quyền và bóp nghẹt tự do tôn giáo, nên linh mục Nguyễn Văn Lý đã cùng với những người đấu tranh cho nhân quyền, yêu cầu chính quyền cộng sản Việt Nam phải hủy bỏ điều 4 hiến pháp là điều hợp lẽ phải.

- Xét rằng quyết định số 961 của ủy ban nhân dân Thừa Thiên - Huế cấm linh mục Nguyễn Văn Lý "không được thực hiện chức trách, chức vụ tôn giáo ở xã An Truyền và trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên - Huế trong thời gian bị quản chế hành chính" là một vi phạm trắng trợn đến quyền tự do tôn giáo. Và ngay việc quản chế hành chính linh mục Nguyễn Văn Lý trong hai năm là luật rừng, muốn chụp mũ phản động cho bất cứ ai và cầm tù họ tại gia, mà không có một tòa án vô tư xét xử.

Bởi các lẽ trên, tôi, linh mục Chân Tín, cực lực phản đối và đòi hỏi giới cầm quyền cộng sản Việt Nam :

1. Tức khắc trả tự do cho linh mục Nguyễn Văn Lý và những giáo hữu An Truyền đã bị bắt cùng với linh mục.

2. Tức khắc giải tỏa lệnh quản chế hai năm cho các nhà yêu nước như cụ Nguyễn Hộ, tướng Trần Độ, hòa thượng Thích Huyền Quang, hòa thượng Thích Quảng Độ, cụ Lê Quang Liêm, giáo sư Hà Sĩ Phu, bác sĩ Nguyễn Đan Quế, ông Hoàng Minh Chính, v.v. (1).

3. Phải để cho các giáo hội hoạt động tôn giáo, xã hội, văn hóa một cách tự do.

4. Trả lại cơ sở tôn giáo cho các giáo hội.

5. Phải để cho mọi tôn giáo tự do tổ chức sinh hoạt của các giáo hội.

6. Chấm dứt mọi âm mưu, thủ đoạn nhằm bóp chết tôn giáo.

Sài Gòn, ngày 17-5-2001  
*Linh mục Chân Tín*

(1) Có sự làm lẩn của linh mục Chân Tín. Các ông Nguyễn Hộ, Trần Độ, Quảng Độ, Nguyễn Đan Quế, Hoàng Minh Chính, Mai Thái Linh bị sách nhiễu rất nhiều nhưng không có lệnh quản chế hai năm. Sự sách nhiễu này (cắt điện thoại, cô lập, đe dọa người thân) còn tùy tiện và tàn nhẫn hơn cả sự quản chế chính thức. TL.

### "Những Mảnh Đời Rách Nát"

do Nguyễn Văn Huy và Phan Minh Hiến biên soạn (350 trang, bìa màu), là tên một tuyển tập gồm 15 bài tự thuật ghi lại cuộc đời của tập thể anh em thương phế binh và cô nhi quả phụ Việt Nam Cộng hòa đang sống dưới chế độ cộng sản trong nước.

Đây là một tài liệu quý giá dành cho những người quan tâm đến hiện trạng xã hội Việt Nam sau 1975.

Giá bán 120 FRF hay tương đương (đã kể cước phí gửi). Ngân phiếu xin đề Mr NGUYEN và gửi về:

Nguyễn Văn Huy, 9 rue Jehan Scarron, 77185 Lognes, France

## THÔNG LUẬN

Phát hành đầu tháng, mỗi năm 11 số (tháng 7 & 8 chỉ ra một số)

Giá báo một năm: 200 FF

Ngân phiếu xin đề

VIETNAM FRATERNITE

(xin dùng đề Thông Luận)

Địa chỉ liên lạc mới:

THÔNG LUẬN

7 allée Bouleau Carreau

77 600 Bussy Saint Georges,

FRANCE

Bạn đọc tại Đức có thể liên lạc với đại diện Thông Luận tại Đức:

Nguyễn Thanh Lương

Habsburgerallee 104

60385 Frankfurt aM.

Tel: 069-4940048; Fax: 069-443913

và thanh toán tiền mua báo dài hạn (60 DM/năm) vào trương mục:

Frankfurt Volksbank e G

THANH LUONG, NGUYEN

Konto-Nr: 00 77 70 82 94

Bankleitzahl: 50 19 00 00

Bạn đọc tại Hoa Kỳ và Canada có thể liên lạc và góp ý kiến với

Thông Luận qua địa chỉ:

Thong Luan, P.O. Box 7592

Fremont, CA 94537 - 7592

e-mail: qml@juno.com

Khi thanh toán tiền mua báo (40 USD hay 50 CAD), xin đề tên:

Mrs Quan-My-Lan

## THÔNG LUẬN

### Ấn bản Hòa Lan

do Hội Bảo Vệ Nhân Quyền Việt Nam

(Stichting Mensenrechten voor Vietnam)

Đại diện nhóm chủ trương: Phan Bá Việt

Địa chỉ liên lạc: Thông Luận Hòa Lan

Braamlanden 76

7542 CJ Enschede

Telefax: 053.476 75 56 - 024.373.06 52

Giá báo một năm: 30 Euro, xin chuyển vào trương mục của hội:

Giro nr 6234112

Bạn đọc tại Úc xin liên lạc với đại diện Thông Luận tại Úc:

Mr. Võ Thanh Liêm

5 Fira Court

Narre Warren VIC 3805

# Mười lăm linh mục Việt Nam tại Đà Loan ủng hộ linh mục Nguyễn Văn Lý

Kính gửi Đức Hồng y Phaolô Giuse Phạm Đình Tụng, chủ tịch Hội đồng Giám mục Việt Nam,  
Tổng giáo phận Hà Nội  
Số 40 Phố Nhà Chung  
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

C/c:

- Tổng giám mục Stephanô Nguyễn Như Thế (tổng giáo phận Huế)
- Giám mục Gioan Baotixita Phạm Minh Mẫn (tổng giáo phận Sài Gòn)
- Giám mục Nguyễn Sơn Lâm (Hội đồng Giám mục Việt Nam)
- Văn phòng thư ký Hội đồng Giám mục Việt Nam
- Đức hồng y Phanxicô Nguyễn Văn Thuận, chủ tịch Ủy ban Công lý và Hòa bình
- Các cơ quan truyền thông báo chí để phổ biến

Đà Loan, 22-5-2001

Trọng kính Đức Hồng y Chủ tịch,

Chúng con, một số linh mục Việt Nam hiện đang phục vụ tại Đà Loan, rất đau buồn khi nghe tin linh mục Tadeo Nguyễn Văn Lý đã bị chính quyền cộng sản Việt Nam bắt giam vào sáng ngày 17 tháng 5 năm 2001 vừa qua khi ngài đang chuẩn bị cử hành thánh lễ cùng với giáo dân tại giáo xứ An Truyền. Chúng con cùng lo lắng và quan tâm đến sự an toàn về tính mạng của linh mục Nguyễn Văn Lý, người đã can đảm đứng lên đòi hỏi quyền tự do tôn giáo là quyền thiêng liêng của mỗi con người trong tinh thần bất bạo động dựa trên sự thật và công lý.

Chúng con xin khẳng định lập trường thật rõ ràng của chúng con là chúng con ủng hộ bất cứ cá nhân nào có tinh thần can đảm dám đứng lên tranh đấu và đòi hỏi, trong tinh thần bất bạo động, cho những quyền căn bản của con người (trong đó có quyền tự do tôn giáo) như đã được công bố trong Bản Tuyên ngôn Quốc tế Nhân Quyền của Liên hiệp Quốc mà Việt Nam là một thành viên.

Chúng con không ngạc nhiên gì khi nghe tin linh mục Nguyễn Văn Lý bị bắt vì đó là bản chất của cộng sản là dùng võ lực để đàn áp, khống chế và tiêu diệt bất cứ ai không có cùng quan điểm lập trường với họ. Nhưng điều làm chúng con kinh ngạc là cho đến nay Hội đồng Giám mục Việt Nam vẫn chưa có tiếng nói chính thức nào về việc khủng bố, xách nhiễu và chiến thuật dùng báo chí, truyền hình và truyền thanh nhằm bôi nhọ và xuyên tạc việc làm cùng như con người của linh mục Nguyễn Văn Lý trong nhiều tháng qua một cách bất công và tàn nhẫn; và nay là cuộc huy động một lực lượng khoảng 600 công an để chỉ vây bắt một linh mục trong tay không có một tác sất. Chúng con cùng cảm thấy đau đớn, thống khổ và tủi nhục trước sự im lặng hoàn toàn một cách khó hiểu này của Hội đồng Giám mục Việt Nam nói chung và của từng vị giám mục Việt Nam nói riêng.

Là chi thể của thân thể màu nhiệm Chúa Kitô chúng con có quyền được biết tiếng nói và đường hướng chính thức của Hội đồng Giám mục Việt Nam để làm chứng cho tin mừng và cùng làm kim chỉ nam cho đời sống đức tin của chúng con.

Chúng con hiểu sâu xa rằng các giám mục là những người kế vị các thánh tông đồ, là mục tử chăn dắt đoàn chiên mà Chúa trao cho các ngài. Cho nên các giám mục phải là những tấm gương sống động và can đảm trong đức tin của mình để nêu gương cho đoàn chiên noi theo. Các ngài phải là tiếng nói cho những người không có tiếng nói. Các ngài phải là những tiên tri dùng cảm cho thời đại của mình. Hơn bao giờ hết chúng con cảm nghiệm cách sâu xa câu trả lời can đảm công khai của hai vị tông đồ Phêrô và Gioan khi các Ngài nói: *"Xin hỏi: nghe lời các ông hơn nghe lời Thiên Chúa, điều ấy có phải là trước mặt Thiên Chúa không? Các ông xét xem! Phần chúng tôi, những gì tai đã nghe, mắt đã thấy, chúng tôi không thể không nói ra"* (Cv. 4:19-20).

Trong khi chờ đợi tiếng nói chính

thức công khai của Hội đồng Giám mục Việt Nam, chúng con xin hiệp thông với giáo hội Việt Nam trong lời cầu nguyện thiết tha cho sự tự do và hạnh phúc thực sự cho dân tộc Việt Nam thân yêu nói chung và Giáo hội Việt Nam nói riêng. Xin Đức Mẹ La Vang cầu bầu cùng Thiên Chúa cho đất nước Việt thân yêu của chúng ta.

Trọng kính,

*Peter Dương B. Hoạt  
Dominic Đinh T. Hòa  
John Đoàn Q. Trường  
Simon Nguyễn  
Peter Nguyễn M. Chính  
Peter Nguyễn H. Cường  
Peter Nguyễn L. Ghi  
Peter Nguyễn V. Hùng  
John Nguyễn Đ. Nhuận*

## THÔNG LUẬN

Phát hành đầu tháng, mỗi năm  
11 số (tháng 7 & 8 chỉ ra một số)  
Giá báo một năm: 200 FF  
Ngân phiếu xin đề  
VIETNAM FRATERNITE

Địa chỉ liên lạc mới:  
THÔNG LUẬN  
7 allée Bouleau Carreau  
77 600 Bussy Saint-Georges,  
FRANCE

Bạn đọc tại Đức có thể liên lạc với  
đại diện Thông Luận tại Đức:  
Nguyễn Thanh Lương  
Habsburgerallee 104  
60385 Frankfurt aM.  
Tel: 069-4940048; Fax: 069-443913

và thanh toán tiền mua báo dài hạn  
(60 DM/năm) vào trương mục:  
Frankfurt Volksbank e G  
THANH LUONG, NGUYEN  
Konto-Nr: 00 77 70 82 94

*"Thông Luận" hoan nghênh  
mọi ý kiến và đóng góp tài  
chánh của quý độc giả*

## Vũ Cao Quận được trả tự do Một biểu hiện đổi mới tích cực

Trần Dũng Tiến

Có lẽ Bài 1a-Chào mừng thời kỳ đổi mới Nông Đức Mạnh (\*) của tôi đã đến tay tổng bí thư Nông Đức Mạnh rất kịp thời. Kết quả là cựu chiến binh Vũ Cao Quận đã được trả tự do sau 9 ngày giam giữ. Hoan hô tân tổng bí thư Nông Đức Mạnh ! Chắc hẳn đây là một biểu hiện đổi mới tích cực rất đáng biểu dương. Tôi coi đây là một tín hiệu đáng mừng tân tổng bí thư Nông Đức Mạnh cần phát huy. Tin này làm lương tri trong và ngoài nước thở phào nhẹ nhõm. Hôm Vũ Cao Quận rời trại giam về đến nhà, hàng xóm ùa đến thăm hỏi. Một cụ già 80 tuổi chống gậy đến trong lớp người đầu tiên, không nói được gì đã quệt nước mắt mấy lần. Một chị bán bia đầu phố nhắc bồng ông lên xem ông đã tốp đi mất bao nhiêu cân.

Ngày 7-5 đoàn chúng tôi gồm Trần Dũng Tiến (trưởng đoàn) cùng tiến sỹ - viện sỹ Nguyễn Thanh Giang, cựu chiến binh Nguyễn Văn Sặc, thương binh hai lần tái ngũ, trên ngực lấp lánh 19 huân chương nguyên phó tổng giám đốc Liên hiệp dệt 8/3 và 2 đại tá Quân đội Nhân dân Việt Nam : Nguyễn Hữu Ích nguyên Tư lệnh Phòng không và đại tá Thế Kỷ, được nguyên phó chủ tịch hội đồng bộ trưởng Trần Phương mời về Hưng Yên dự lễ truy tặng danh hiệu "Anh hùng các lực lượng vũ trang" cho liệt sỹ Vũ Thị Kính, tức Trần Thị Khang, em gái Trần Phương, chỉ huy đội nữ du kích Hoàng Ngân, bị địch bắt tra tấn dã man, cắt cổ và quăng xác xuống sông Luộc. Tôi là người đã đề nghị với cựu tổng bí thư Lê Khả Phiêu tôn vinh chị là anh hùng. Sau buổi lễ, theo đề nghị của ông Giang, chúng tôi kéo nhau về Hải Phòng thăm người cựu chiến binh đã từng chiến đấu trong tiểu đội Phụng Văn Khâu nhân ngày giải phóng Điện Biên 47 năm trước. Ông Quận ra đón chúng tôi trong chiếc áo cộc và chiếc quần xoóc lủng phò hết hai cánh tay xe điếu, đôi chân cẳng gà, bước đi xiêu vẹo. Không biết ông quá xúc động hay vẫn còn bàng hoàng, hoảng hốt mà nét mặt vừa như là thoảng vui, vừa như là ngơ ngác ! Trong

câu chuyện, mấy anh em chúng tôi có người nói ngắt quãng như để nén lại cho khỏi bật ra tiếng khóc. Ông Quận có lấysức bình sinh bày tỏ chân thành lời cảm ơn bạn bè, đồng đội, hàng xóm láng giềng ... Đến đoạn cảm ơn và "ca ngợi" công an, ông dướn người lên, nói rất to. Khi ra đường, ông ghé tai thì thầm : trong nhà tôi có máy ghi âm đấy !

Bà vợ thì bồn chồn lo lắng thật là tội nghiệp. Bà vợ kéo một trong những người khách vào nhà trong van xin. "Các bác đến thăm là quý lắm nhưng xin các bác thông cảm cho nhà em. Bấy ông công an đang bao vây quanh nhà em đấy !". Hôm qua, lương y Nguyễn Đắc Kính cùng từ Hà Nội đi cùng người em rể ông Quận đến thăm mang biểu ông Quận 10 thang thuốc bổ dưỡng và 1 550 000 đồng của một số chiến hữu ở Hà Nội gửi tặng. Bà vợ khăng khăng chối từ vì sợ hãi. Thuyết phục, giảng giải mãi bà mới chịu nhận. Khách về, hai công an liền đến "hỏi thăm" bà một cách nhẹ nhàng. Tuổi chưa nhiều, là người có dung nhan, nhưng lưng bà đã cong nom rất vất vả và già trước tuổi. Những buổi đi tiếp tế thực phẩm cho chồng vừa qua không biết được bản tin đe dọa thế nào mà tối về mẹ con thì thảo bàn bạc, tưởng như không còn có thể sống nổi trong cái xã hội mang danh cộng sản này. Con ái ngại phàn nàn may bây giờ còn gần, ít lâu nữa họ đưa vào Thanh Hóa, mẹ lợm khộm thế thì đi đứng làm sao. Mẹ cả quyết nếu bố bị chuyển vào trại giam Thanh Hóa thì mẹ sẽ đi theo ở hẳn với bố. Ai cũng lắc đầu thán phục tài uy hiếp, trấn áp và tài luôn lọt đánh vào tung thâm gia đình của công an ta. Biết bao người muốn thẳng thắn trung thực và tỏ ra có nghĩa khí như : Nguyễn Trung Thành, Phạm Vũ Sơn, Trần Các ... đều bị họ mua chuộc, hù dọa, xúi bẩy vợ con cầm lấy cái xiềng của họ xiềng vào chân, vào cổ chồng mình, cha mình ! Chiêm nghiệm bản thân tôi cũng đủ rõ. Hai lần công an mời chỉ vì tôi viết bài quốc nạn tham nhũng, chỉ đích danh ông Đỗ Mười. Sáu lần cơ quan điều tra CA HN viết giấy

triệu tập do trung tá Bạch Hưng Khang ký vẫn không khuất phục nổi tôi để ép tôi phải buộc tội nhà trí thức Nguyễn Thanh Giang. Cuối cùng, họ triệu tập vợ con tôi ra đồn đánh đòn cân não, phá tan cái gia đình hạnh phúc ba thế hệ của tôi. Họ dọa nếu không khuyên giải chồng, cha thì sẽ ảnh hưởng đến ba đời (khác nào thời xưa bị chu di tam tộc).

Xe ô tô chúng tôi vừa về đến Quán Toan thì bị tuýt còi. Biển quy định tốc độ ở đây là 20km/giờ nhưng xe chạy 52 km. Chuyện này đáng nhẽ công an chỉ được làm việc với lái xe nhưng ba bốn chú công an ra tận xe xun xoe khẩn khoản mời cho được các cụ vào bớt ngồi chờ làm biên bản cho đỡ nóng. Họ hết sức lễ phép, lại đem cả nước giải khát đất tiền ra tiếp chúng tôi. Khi nhận ra đây chỉ là trò xảo trá, cốt điều tra họ tên, địa chỉ những người vừa vào thăm Vũ Cao Quận, mấy cụ cựu chiến binh bực mình định mắng cho mấy cậu công an một trận nhưng ông Giang can ngăn và nói : dẫu sao thì đây cũng chỉ là mấy kẻ tay sai làm vì miếng ăn thôi mà, nên thương họ vì họ cũng phải đóng kịch khổ sở và tỏ ra rất lễ phép đấy chứ. Cùng may là họ không dám ập vào nhà ông Quận để làm cái việc điều tra đề tiện này ngay khi chúng tôi đang ngồi trong nhà ông Quận để chúng tôi chủ động cho họ một bài học làm gương. Họ lúc thì hung hãn, tàn bạo đập lên cả luật pháp (như khi ập vào khám xét, bắt bố Hoàng Minh Chính, Hà Sỹ Phu, Nguyễn Thanh Giang, Vũ Cao Quận, lục soát nhà Lê Hồng Hà từ chập tối đến nửa đêm), lúc thì quanh co xảo quyệt để che dấu tội ác và sự bất nhân vô đạo. Cho đến bây giờ họ vẫn không chịu công khai xin lỗi nhà trí thức Nguyễn Thanh Giang. Chẳng những thế, họ vẫn ngoan cố, chây ì, không chịu đề nghị bưu điện nói lại điện thoại cho ông Giang. Rồi đây không biết đến lúc nào thì họ biết phục thiện và bảo nhau công khai xin lỗi ông Vũ Cao Quận ? Có lẽ bài học lấy nhân nghĩa thắng hung tàn, lấy trí nhân thay cường (xem tiếp trang 21)

## Một thời để nói

Võ Thanh Liêm

Nhìn dưới bất kỳ lăng kính nào, nhân quang nào, tổ quốc cùng bao hàm, không chỉ yếu tố địa dư mà cả một cấu tạo chung ràng buộc bởi văn hóa và tập quán của một nhóm con người có cùng một lịch sử. Điều đó nói lên tầm quan trọng của lịch sử và văn hóa. Lịch sử và văn hóa đóng vai trò của một sợi giây vô hình điều kiện hóa con người có cùng tập quán, văn hóa sống chung trong một xã hội. Hầu hết những cá nhân sống trong một xã hội chịu áp lực của nền văn hóa chung để chấp nhận lẫn nhau, một áp lực rất khó cảm nhận trong cuộc sống hàng ngày. Tốt hơn, chúng ta không nên nhạy cảm về áp lực này vì dù không thích, chúng ta cũng không thể cưỡng lại nó.

Tuy vậy có những giai đoạn trọng đại làm cho con người phải khựng lại để mang những ràng buộc lịch sử và văn hóa chung này ra ánh sáng để đánh giá, để khẳng định, để chất vấn. Một sự mở xẻ sâu rộng giúp cho những con người chịu sự ràng buộc đó đi tới một kết luận rằng dưới hình thức nào xã hội sẽ tồn tại và dưới hình thức nào xã hội sẽ bại vong. Có khi những thử thách trọng đại khẩn trương có khi làm mờ nhạt đi những khó khăn bình thường. Sự phá sản tập thể và chết chum là một thí dụ của một giai đoạn quan trọng. Giai đoạn khẳng định, mở xẻ, đánh giá lại những giá trị xã hội nền tảng này vô cùng cần thiết và quan trọng mà tôi xin tạm gọi là "một thời để nói". Thông thường người ta vẫn miệt thị "năng thuyết bất năng hành", "đánh vô mồm", và chỉ thích những ai không nói gì cả nhưng "đùng một cái làm ầu". Tôi hy vọng rằng qua bao thất bại chua cay của những lãnh tụ bốc đồng đó mà hệ lụy kéo dài hàng trăm năm, tập thể người Việt chúng ta đã trưởng thành hơn.

Trong một cuốn sách tựa đề *Tổ quốc Ân năn*, ông Nguyễn Gia Kiểng đã thẳng thắn nêu lên những giá trị văn hóa mạnh và yếu của người Việt chúng ta qua nhiều thời đại cho tới nay. Tôi thành thật hy vọng rằng ngoài ông Nguyễn Gia Kiểng ra, ngày nay còn có

những học giả uyên bác, có uy tín khác sẽ mau mắn nhập cuộc, trước khi quá muộn. Cuộc thảo luận thẳng thắn minh bạch cho tiền đồ dân tộc và những giá trị chung ràng buộc chúng ta với nhau thật vô cùng cần thiết. Phải nhìn nhận một cách lương thiện rằng người Việt chúng ta không có thói quen thảo luận. Những thành quách của thời trung cổ đã đóng khung cách hành xử của chúng ta với nhau do đó không ngẫu nhiên và cũng không ngạc nhiên khi hiện tại của chúng ta là như vậy và tương lai của chúng ta tùy thuộc vào những người làm thịnh nhưng "đùng một cái thì làm ầu".

Ở những xứ thuộc văn hóa Anh như Úc, Mỹ, Tân Tây Lan v.v. những buổi diễn thuyết công cộng bất vụ lợi, mọi người có thể tham gia đã từ lâu đóng vai trò quan trọng của xã hội dân chủ tự do. Những diễn giả thuộc những thành phần ưu tú được mời đến nói lên ý nghĩ của mình về một phạm vi chuyên nghiệp vẫn được coi là một phần của nhiệm vụ xã hội của người đó. Người Anh và người Úc có truyền thống tôn trọng mọi ngành nghề như nhau. Cho đến ngay bây giờ các tước phong quý tộc như hiệp sĩ, nam tước, bá tước v.v. vẫn được ban cho những người lỗi lạc đến từ mọi ngành nghề. Những thí dụ điển hình gần đây như nam ca sĩ đồng tính luyến ái Sir Elton John với bài ca tuyệt vời *Blue eyes*, tài tử đẹp trai lão từng đóng vai điệp viên 007 Sir Sean Connery, minh tinh *Dame Elizabeth Taylor*, cựu thủ tướng *Baroness Margaret Thatcher*, *Sir William Deane* đều đã mang huân chương hiệp sĩ hay bá tước. Bà góa phụ *Dame Elizabeth Murdoch* đối với chúng tôi là chỗ quen biết, suốt đời tận tụy với những hoạt động từ thiện, hay nhà bác học có giải Nobel là ông giáo sư *Sir Gustav Nossal*, người có văn phòng ở cùng hành lang với tôi đều nhận được tước phong. Những nhà thể thao tài giỏi và những thương gia thành công cũng được quý trọng không kém. Những vị huân tước, công hầu này được quần chúng trong khối Thịnh vượng Chung gồm 53 nước gọi bằng "ngài" (*sir/dame*).

Chúng ta thường thấy những nhân vật xuất chúng này xuất hiện trong những buổi nói chuyện lớn nhỏ tùy hoàn cảnh để nói cho mọi người nghe những gì họ biết, chia sẻ những nỗi lo hoặc niềm vui và từ đó làm tròn một nhiệm vụ không được xã hội ưu đãi. Không phải quần chúng lúc nào cũng ngu đần cần phải có người dẫn tay đưa tới vùng đất hứa. Nhưng những hoạt động "nói" trên chứng tỏ tầm quan trọng của sự giao lưu tư tưởng, của thông tin, của trí tuệ, một điều kiện không thể thiếu trong sinh hoạt dân chủ.

De Tocqueville rất đúng khi ông nói rằng: "*Le gouvernement démocratique qui se fonde sur une idée si simple et si naturelle, suppose toujours cependant l'existence d'une société très civilisée et très savante*". De Tocqueville đã công nhận rằng một xã hội dân chủ lành mạnh, đơn giản, phải được xây dựng trên một xã hội văn minh và hiểu biết. Sự hiểu biết đó không thể có được khi bất kỳ ai, bất luận là thầy giáo đại học, đại đức tăng ni, linh mục hay cựu quân nhân vừa mở miệng ra là bị đàn áp như đang xảy ra tại Việt Nam. Linh mục Nguyễn Văn Lý vừa bị chính quyền mang 600 quân sĩ tới giáo xứ An Truyền bắt đi tra tấn vì ông đã làm nhiệm vụ xã hội của ông là nói ! Nếu ở Úc, ông sẽ được mời ăn bánh tây và uống trà pha sữa sau khi nói chuyện.

Cả nước Việt Nam ngày nay chỉ có một mình bà Phan Thúy Thanh là nói nhiều. Không biết nên phong cho bà ta tước hiệp sĩ nào cho xứng đáng. Phía nam giới, nhà báo Nguyễn Như Phong, dù là đờn ông nhưng cùng cả vú lấp miệng em khi lên án Hà Sĩ Phu mà không cho người ta quyền lên tiếng. Hiệp sĩ hay không, chúng ta không nhất thiết cần những người anh hùng hoặc muốn trở thành anh hùng; nhưng chúng ta cần những người có hành vi và tư cách anh hùng khi hoàn cảnh đưa họ vào một vị trí quyết định, khi hữu ý hoặc vô tình họ có ảnh hưởng sâu rộng trong quần chúng nhờ địa vị hay tài ba. Đùng bạo

lực với người nói phải là kém văn minh, để cho bà Phan Thúy Thanh đọc quyền nói bậy là kém hiểu biết. Đã đến lúc nhà cầm quyền Việt Nam nên lương thiện, học theo những nước văn minh, cho mọi người cùng nói và tôn trọng người nói lẫn người nghe. Vấn đề này cũng cần phải áp dụng cho sinh hoạt chính trị hải ngoại của cộng đồng người Việt. Lên án nhau, chửi rủa nhau không thể là một hành vi lương thiện được.

Khi tôi muốn rằng thời điểm hôm nay là "một thời để nói", nói với nhau, với mọi người về văn hoá, đạo đức, truyền thống và những giá trị tinh thần ràng buộc người Việt với nhau, tôi không ngại thơ mà tin rằng chúng ta sẽ tìm ra một liều thuốc giải. Vì có ai cho những giá trị truyền thống và tinh thần của chính mình là một cái bịnh đau? Nếu như giữa sự độc quyền chân lý không chấp nhận thảo luận và hàng loạt những tai họa đã và đang xảy ra cho chúng ta có một mối giây liên hệ mật thiết thì ít ra sự thảo luận chính chắn (đáng tiếc đã không xảy ra), có thể đã dẫn dân tộc đến một con đường sáng sủa hơn. Những cuộc thảo luận quần chúng thường không có thời gian ấn định là một hay hai tuần mà thường xảy ra trong một thời gian dài. Điều đó có một giá trị khoa học. Một là trong quá trình thảo luận người ta đưa ra giả thuyết, người ta tìm giải đáp, so sánh các kết quả của những người khác, ở những nơi khác, cân nhắc thiết hơn và đi tới một kết luận khoa học có biện chứng. Hai là người ta sẽ cố hết sức để dự đoán những hệ quả phải có trong tương lai. Quyết định để đưa một giả thuyết thành thực tiễn tùy thuộc vào cái lợi áp đảo cái hại mà con người có thể thấy được. Không có gì huyền bí cả.

Ngay bây giờ bất kỳ khách du nào có dịp bước chơn tới một thành phố của Việt Nam đều cảm nhận được một năng lực khổng lồ trong sinh hoạt của tuổi trẻ Việt Nam. Một rừng người xuôi ngược ở khắp nơi, từ mọi ngả. Thật khó tưởng tượng rằng rừng người kia có thể tách rời và vô tư với môi trường mà họ đang sống. Năng lượng có thể đến từ nhiều nguồn gốc. Năng lượng có thể đến từ mặt trời, than đá, dầu thô, nguyên tử, nước và thậm chí từ gió. Nhạc sĩ Trịnh

Công Sơn đã diễn tả trong bài ca, cát bụi vô tri có thể vươn hình hài lớn dậy để rong chơi dưới ánh nắng mặt trời. Việc còn lại là cách thức chuyển hóa những cơn gió thoảng thành năng lượng vô biên. Một cuộc thảo luận ngay thẳng, một quá trình tự đánh giá ngay tại Việt Nam (chính thức hay không chính thức) về tương lai của chính người Việt Nam được tham gia và xuất phát từ mọi tầng lớp xã hội sẽ là chìa khóa để chuyển luân cát bụi nên một hình hài có dáng người.

Ai cũng biết câu "*nhất nghệ tinh, nhất thân vinh*". Đó là di sản "túi khôn" của dân tộc ta. Không phải đợi tới thời kỳ cuộc cách mạng công nghiệp thế kỷ 19 mới có tổ chức phân công, mỗi người một nghề làm việc theo chức năng và sở trường. Cách làm việc này đã có từ lâu, thể hiện qua câu ngạn ngữ xưa của Việt Nam vừa kể. Người Tây Âu thường lấy họ bằng những cái nghề tổ tiên làm để gọi nhau. Ấy vậy mà cụ Hồ và Lê Duẩn làm thình ình một cái làm ầu chủ trương mọi người trong xã hội phải và chỉ được phép làm nghề nông mà thôi. Quyết định này xảy ra ở thời đại nguyên tử thế kỷ 20 mới thật bất hạnh cho chúng ta. Tôi trưởng thành sau 1975, do đó tôi không thể tham gia vào việc lên tiếng lúc những vị này làm ầu. Từ ngày Nhà Nguyễn chấm dứt vương quyền năm 1945 đến nay cả nước Việt Nam lẫn xã hội xộn trong nỗ lực hay chỉ là chiêu bài xóa bỏ đói nghèo và tin rằng sự phân biệt giai cấp, phân biệt chức năng xã hội là thủ phạm của đói nghèo. Người ta chém giết và chặt đầu mổ bụng nhau. Thực tế chứng minh ngược lại. Sau khi xóa bỏ giai cấp, nước Việt Nam và dân tộc Việt Nam đã trở nên khánh tận, quốc phá gia vong. Bây giờ sau khi "trở lại cù" đã hơn 10 năm vẫn tiếp nối truyền thống cầm đèn đỏ. Chỉ một cuộc nói chuyện, nếu có cơ hội cùng có thể vạch bày sự điên rồ này. Nhưng sự việc đã chẳng xảy ra như thế.

Ngày nay "chủ nghĩa cộng sản", "chủ nghĩa xã hội" hay "*Xô viết vạn tuế*" của các ông Hồ Chí Minh, Đỗ Mười, Lê Duẩn cũng chỉ là một đề tài hoàn toàn có tính chất lịch sử, hàn lâm của phạm vi nghiên cứu mà thôi nếu như

phong trào ác ôn này không bám rễ vào đất như một thứ tôn giáo. Một tà giáo thì đúng hơn. Một tính đặc thù của tôn giáo là niềm tin không cần biện chứng. Trong giai đoạn mà khoa học đang ngự trị trên khắp lãnh vực hoạt động của con người trên toàn thế giới, niềm tin không thôi không đủ. Mọi lý thuyết cần chứng minh và trắc nghiệm. Chế độ cộng sản Việt Nam dựa vào "đức tin nói Mác-Lênin". Mọi thí điểm áp dụng lý thuyết và niềm tin huyền bí này đều thất bại ê chề. Các nhà lãnh đạo Việt Nam đã không làm thình nhưng họ không cho ai khác nói. Ngày nay các vị lãnh đạo chỉ nói mà không muốn nghe này chỉ dựa vào lịch sử cách mạng kéo dài giống như các vị vua dựa vào mệnh trời. Ngay bây giờ đã tới thời kỳ phải nói. Lịch sử phải cần nhìn lại, mệnh trời cũng cần chứng minh và những kẻ nói đi quá nhiều như bà Phan Thúy Thanh và Nguyễn Như Phong cần có người nói lại. Nói theo tiếng Nam kỳ là phải nói cho huych tẹt ra đi.

**Võ Thanh Liêm**

*Giới thiệu báo mới*

## **Đàn Chim Việt**

Nguyệt san thông tin, văn nghệ, bình luận, xuất bản tại Ba Lan từ hơn một năm nay

Địa chỉ liên lạc :  
03-893 Warsaw  
str. Bukowiecka 92/15

E-mail : chimviet@poczta.wp.pl  
ĐT : 67 89 550 xin số 109  
Fax : 67 89 943

**Thông Luận hoan nghênh  
mọi ý kiến đóng góp  
và ủng hộ tài chánh  
của quý độc giả**

# Luồng tư tưởng Nguyễn Gia Kiểng

Sông Lô

Chỉ riêng về mặt văn chương thì tác giả *Tổ quốc Ấn nấn* đã rất thành công. Cuốn sách - nói "cuốn sách" cho gọn vì chữ "tác phẩm" đã mất nhiều ý nghĩa - lời cuốn từ đầu, thôi thúc người đọc, nếu không vì mỗi mắt và thềm một hơi thuốc lá, phải đi từ chương đầu cho đến hai dòng cuối với tất cả sự sò và kinh ngạc bởi giọng văn thao thiết và cuộn chảy. Chỉ có hai lỗi nhỏ là tất cả các chữ "sáp nhập" được (hay bị) viết thành "sát nhập" (trừ hai trường hợp viết đúng ở trang 418 và 430). Lỗi thứ hai là dư một chữ "trước" ở trang 574. Sách tiếng Việt hiếm khi có cuốn nào lại ít lỗi đánh máy như vậy. Ngoại trừ hai lỗi trên thì hình thức cuốn sách xấu.

Nhưng Nguyễn Gia Kiểng không làm văn chương.

Một điều cần nói lại dù nhiều người đã nói là ở trang nào cũng có một vấn đề có thể gây tranh luận. Những người thích tranh luận đều có thể giở bất kỳ trang nào hay thậm chí một đoạn nào đó ra để "đánh". Nguyễn Gia Kiểng không khiêu khích nhưng cách đặt vấn đề, lối phân tích, tổng hợp, dẫn chứng, rồi kết luận rất lạ lùng của ông khiến đôi lúc ta ngó ra và tự hỏi: "Không biết cái thằng cha này tính nói cái gì đây, có bằng có gì chẳng?"

Quả thật nếu đi tìm những chứng cứ, tức thói quen tìm nguồn tư liệu để kiểm chứng, thì hầu như cả cuốn sách không có, trừ phần ghi chú về tài liệu tham khảo ở đầu sách và rải rác tên vài cuốn sách ở một vài trang trong. Điều này chắc khiến không ít người bực mình vì muốn phản biện hay cãi cho sướng phải tự mình vất công đi tìm tư liệu, là một công việc mất khá nhiều thì giờ và tẻ nhạt. Chỉ riêng điểm này thôi cũng đủ để người khác cho rằng đó là điểm yếu nhất của cuốn sách.

Nhưng đây không phải là điểm yếu của cuốn sách, ngược lại. Chúng ta đã đọc nhiều sách nghiên cứu tiếng Việt, không kể sách nước ngoài, trong đó các tác giả đã trưng dẫn nhiều nguồn tư liệu, có khi nguồn trích dẫn có liệt kê chiếm gần một phần ba số chữ của bài viết.

Chúng ta cũng thấy nhiều tác giả viết sách hay bài nghiên cứu thường chua tiếng Anh hay tiếng Pháp với ý làm rõ nghĩa một từ tiếng Việt. Và chúng ta cũng đôi khi thấy những chữ chua thêm đó trật lất, nghĩa là người viết cơ hồ không rõ nghĩa của từ hay khái niệm trong tiếng Anh hay tiếng Pháp nhưng cứ chú thích bừa vào. Tôi đã đọc một cuốn sách về ngữ học của một nhà nghiên cứu nổi tiếng nước ngoài, anh ta giải thích chữ "*metallanguage*" bằng cách mở ngoặc đơn và chua tiếng Việt "*Ừ, phải*" và không giải thích thêm gì cả. Tệ hơn, còn lấy các bài viết nhập môn bằng tiếng Anh và thản nhiên viết qua tiếng Việt coi như đó là khám phá mới mẻ của mình, và tệ hơn hết, được nhiều người tán thưởng.

Những thái độ thiếu lương thiện như thế không phải là ít và cũng không phải là không có cách giải thích. Cách giải thích có lẽ hợp lý và dễ mất lòng hơn cả là: đó là biểu hiện của tinh thần nô lệ đã ăn sâu trong tâm thức những con người thuộc nền văn hóa nông dân, thường dị ứng và đầy mặc cảm với sách vở, cho nên khi tiếp xúc với nền văn hóa không thuộc bản sắc nông dân cũng không thuộc bản chất coi trọng bằng cấp của mình, họ choáng ngợp, ngỡ ngàng vì lóa mắt, rồi vì muốn trút bỏ mặc cảm không cần thiết đó (nông dân thì đã sao), họ trích dẫn, ghi xuất xứ, và làm những động tác có vẻ thuộc thành phần trí thức nhưng thật ra là bất lương, chứ không phải chỉ như Nguyễn Gia Kiểng viết: "*chúng ta là một dân tộc không biết đọc, không biết viết, và không biết nói*".

Nguyễn Gia Kiểng không có mặc cảm sách vở mà hơn thế nữa, ông tiêu hóa được tất cả những gì mà ông đọc được, biết được, và hiểu được, để sản sinh ra chất liệu của riêng ông, đọc đáo. Ta có thể kiểm chứng các lập luận của ông căn cứ trên nhiều nguồn tư liệu để có thể phản bác, bác bỏ hay chấp thuận, hoặc có khi không cả bác bỏ lẫn chấp thuận mà là một vấn đề còn tồn nghi. Thí dụ tác giả nói "*Giao Châu là một xã hội Phật giáo trong khi Trung Quốc là*

*một xã hội Khổng giáo*". Quả có phần đúng, Giao Châu (Bắc Việt Nam) là nơi hội tụ của những thuyền buôn từ Ấn Độ và Trung Quốc, Phật giáo đến Giao Châu khoảng thế kỷ thứ hai sau Công nguyên với sự hiện diện của các thầy tu nước ngoài. Tuy có thể nói Giao Châu là một xã hội Phật giáo nhưng ảnh hưởng Phật giáo ở mức độ nào vào lúc đó lại là một vấn đề tồn nghi. Bởi không lấy gì làm chắc là thuyền buôn Trung Quốc và Ấn Độ đều đến Giao Châu nhưng ảnh hưởng của Phật giáo lại lớn hơn Khổng giáo.

Cho nên những điểm tranh luận trong cuốn sách, nếu có (và đã có) thì có lẽ do cách viết có tính khẳng định của ông, chứ không phải do hình thức trình bày không ghi xuất xứ của ông, vì tất cả những khẳng định của tác giả đều căn cứ trên các cứ liệu có thể tìm thấy. Lập luận của Nguyễn Gia Kiểng thông qua cách viết khẳng định. Thí dụ ở trang 163, khi nói về giai đoạn Thiên Chúa giáo phát triển ở Việt Nam, ông viết: "*Quần chúng Việt Nam không còn nhìn các vua chúa như những đại diện của Trời mà họ phải phục tùng vô điều kiện nữa*". Chữ "*không*" của tác giả khẳng định quá, trong khi câu kể đó ông nhận định rất đúng là "bớt sợ".

Nhưng có phải những điểm trích trên là sơ hở của tác giả không. Lần này tôi lại "khẳng định" là không. "Không" nếu chúng ta đọc toàn bộ cuốn sách không phải là để hiểu chữ hay vận vẹo nghĩa chữ mà để nắm bắt luồng tư tưởng của Nguyễn Gia Kiểng. Ta hãy đọc *Tổ quốc Ấn nấn* bằng cách như thế này - một đề nghị rất chú quan - là nghe một người (Nguyễn Gia Kiểng) đang nói, hay đang thuyết trình, hay đang trả lời một câu hỏi từ hàng thánh giả. Nghĩa là ta đang nghe một người đang trình bày luồng tư tưởng của mình trước một cử tọa biết lắng nghe, tốt hơn nữa nếu có thể hình dung người đó đang đứng trước mặt mình, nhìn rõ tay chân, diện mạo, cách diễn đạt, khi nào nghe mệt thì có thể nghỉ giải lao năm mười phút (hết một phần hay một chương sách), trong

thời gian nghỉ (ngồi) đó người nghe cứ nghỉ (suy) về phần đã nghe, sau đó lại vào nghe tiếp.

Tôi đã đọc *Tổ quốc Ấn năn* bằng cách nghe như vậy, và luôn luôn cảm thấy hứng thú, cảm thấy bị thuyết phục với lời biện luận hùng hồn, súc tích nhưng đủ thông tin, có khi hơi dư thông tin vì có nhiều lúc luồng tư tưởng của người trình bày lặp lại nhiều lần, thí dụ về văn hóa vô tổ quốc của Khổng giáo, nhưng dù có lặp lại, thì mỗi lần lặp lại này sinh một biện luận mới, làm dà cho một luồng tư tưởng mới, có khi nghe xong rất lấy làm khoái trá.

Khoái trá bởi những câu khẳng định rất đặc cách và đột ngột của người trình bày. Thí dụ: "*Nguyễn Huệ xuất thân là một tướng cướp*". Trong lịch sử Việt Nam chưa nghe ai nói như vậy, dù có thể có người đã nói như thế sau khi Gia Long thống nhất đất nước. Hay "*Đinh Bộ Lĩnh chỉ là một đứa trẻ ngỗ nghịch và vô giáo dục*". Đây là giọng văn của một nhà hùng biện biết rõ mình đang nói gì sau khi thu tóm dữ liệu, nghiền ngẫm trước khi phân tích, rồi tổng hợp, sau đó mới đi đến những câu "phán" đột ngột không báo trước. Nói nghiền ngẫm rồi phân tích không có gì quá đáng như ta có thể tìm thấy nhiều nhận xét xác đáng, dù không hẳn đã mới lạ, của ông. Chẳng hạn Nguyễn Gia Kiểng nhận xét rằng người Pháp cố gắng phá vỡ giềng mối quốc gia của các nước thuộc địa để thống trị trong khi người Anh thành lập những quốc gia ngay cả những nơi không có quốc gia để có đối tác kinh doanh. Điều này có thể kiểm chứng không cần tư liệu nếu so sánh sự tiến bộ về mặt kinh tế của các nước từng là thuộc địa của Pháp với những nước cựu thuộc địa của Anh.

Đọc bằng cách nghe như vậy chúng ta mới thấy dù có vài chỗ không hoàn toàn thuyết phục nếu chỉ đọc, vì khi đọc người đọc có thì giờ kiểm chứng hay đọc lại, nhưng những chỗ đó khi nghe thì lại rất thuyết phục vì cả một luồng tư tưởng được truyền đi, liên tục, mạch lạc, có những chỗ nhấn mạnh đột ngột và táo tợn khiến người nghe bàng hoàng vì chưa từng nghe những điều lạ tai như thế dù có thể đã nghĩ tới. Mạch lạc không đồng nghĩa với hợp lý, nó cùng không đồng nghĩa với bất hợp lý, mà chỉ đồng

nghĩa với văn tài. Chẳng hạn khi trình bày nguyên tắc tản quyền, Nguyễn Gia Kiểng thao thao bất tuyệt, nhưng vì là một nguyên tắc chưa hề được áp dụng đúng đắn trong suốt lịch sử Việt Nam, cho nên vài chỗ ông trình bày không đề cập đến thực tế dù không có nghĩa là sẽ không áp dụng được. Chẳng hạn ông gợi ý việc chia vùng, mỗi vùng có dân số từ năm đến mười triệu, có nghị viện và guồng máy hành chính riêng. Nguyên tắc hợp lý nhưng với thực trạng nghèo đói của Việt Nam hiện nay, thì cho dù chỉ tính từ khi nước ta là một xã hội dân chủ thực sự đi nữa, cũng khó thực hiện vì phải kể tới yếu tố hạ tầng cơ sở (giao thông, truyền thông, v.v.). Làm thế nào để trong cùng một vùng (gồm nhiều tỉnh hiện nay hợp lại) việc đi lại không khó khăn và mất thì giờ để một ông nghị viên ở Bình Dương, thí dụ, xuống Vũng Tàu họp không mất nửa ngày đường!

Nhưng tất cả những vấn đề cần đặt ra như vậy đều dứt khoát và hấp dẫn qua luồng tư tưởng của Nguyễn Gia Kiểng. Ông trình bày vấn đề Việt Nam, văn hóa Việt Nam, ý kiến về nhân sinh quan và vũ trụ quan dõng dạc, không quanh co khiến ta không khỏi hình dung hình ảnh một người đứng hiên ngang trước sóng biển và, trước những đôi mắt bất bình.

Ta thấy được tâm tình của người trình bày luồng tư tưởng thẳng thắn của mình bất chấp dư luận. Tất nhiên không phải một con người chỉ cần thẳng thắn và dõng dạc là đủ bảo đảm phẩm chất cho những gì mình nói ra. Thí dụ ông cho rằng Nguyễn Du không có cảm hứng và tư tưởng của chính mình khi viết *Đoạn Trường Tân Thanh*. Nguyễn Du mượn tư tưởng và cảm hứng của tác giả Trung Quốc. Nhận xét này chỉ đúng một nửa, có lẽ Nguyễn Du không có tư tưởng thật vì phải mượn cốt truyện của tác giả Trung Quốc, nhưng khó nói rằng ông không có cảm hứng. Một người cầm bút khó lòng viết ra những lời xúc động nếu chính tác giả không có cảm hứng. Nguyễn Gia Kiểng chắc không viết nổi *Tổ quốc Ấn năn* nếu ông không có cảm hứng về chuyện nước non, dù đó là cảm hứng dẫn vật, đau khổ, nhục nhã, thất vọng, hy vọng, thao thức hay buồn ngủi. Chúng ta có thể thấy trong nhiều chương sách, tác giả sôi nổi, sắc sảo, khiêu khích người đọc phải suy nghĩ,

nhưng cũng có những chương, nhất là những chương cuối, giọng văn trở nên dẫn vật, có chỗ nghẹn ngào, như thể tác giả đang đọc thoại (chương *Tổ quốc Ấn năn*), đang nói giùm tâm sự của những con người ngày đêm nhưng nhớ non sông:

*"Tổ quốc bỏ tù và hạ nhục hàng triệu người. Tổ quốc đánh tư sản, tống cổ con cái "ngụy quân, ngụy quyền" ra khỏi trường học và lừa đi vùng kinh tế mới. Tổ quốc khống chế và hăm dọa bằng công an thành, công an tỉnh, công an huyện, công an phường. Biết dân chúng không còn chịu đựng được nữa và muốn bỏ nước ra đi, tổ quốc đứng ra tổ chức vượt biên bán chính thức để lấy tiền chuộc mạng của những người muốn chạy trốn nhanh vượt của mình. Tổ quốc hành động như bọn giặc cướp. Đến khi bị dư luận thế giới lên án dử dội vì hành động bỉ ổi này, tổ quốc dẹp luôn đợt vượt biên bán chính thức và di nhiên không trả lại tiền. Tổ quốc đều cáo và lật lọng.*

*Đối với những người ra đi, tổ quốc là sóng gió, hải tặc, là cái chết trong bụng cá, may mắn hơn là những ngày é chề trong những trại tập trung trước khi tìm được một quê hương mới. Tổ quốc là một di vãng cần quên đi. Đối với những người ở lại, tổ quốc đòi tiền mấy lần để cướp giết, tổ quốc sách nhiễu từng ngày. Tổ quốc nói trắng cùng được, nói đen cũng xong, cấm rồi lại cho phép, cho phép rồi lại cấm, muốn bắt hay tha tùy ý, người dân chịu đựng hết. Vì tổ quốc có súng" (trang 571).*

Tưởng như nghe có tiếng thở dài đau đó, dù tiếng thở dài rất khè, rất ngắn, để rồi lại dồn dập và thao thiết những gọi kêu, đánh thức những con người chỉ muốn quên hết, quên tất cả vì biết là bao dập bầm đang đổ quá sức chịu đựng một đời người. Chữ nghĩa Việt Nam đầy những tiếng than dài, nhưng chưa có tiếng gọi kêu ăn năn. *Tổ quốc Ấn năn*, nên là một biểu tượng để trở thành hành động thay thế những tượng đài "Tổ quốc ghi công" đang mọc khắp sáu mươi mốt tỉnh thành đất nước. Không biết có phải đó là ước mơ của Nguyễn Gia Kiểng hay của nhiều người khác, rằng, cần thay thế ngay vì đã quá trễ, các tấm huân chương trở bày giữa xiết mấy làm than.

**Sông Lô**

## Giới thiệu tác giả Nam Dao

Nguyễn Gia Kiểng

Nguyễn Lữ thực ra là con của Nguyễn Thiếp bị một tay vũ phu dữ tợn họ Hà bắt mang vào Nam. Họ Hà thực ra là dòng dõi Hồ Quý Ly phải đổi họ để tránh nạn. Dòng nhà Hồ lập nghiệp ở Nghệ An, chặn dòng sông Mê làm cho cả vùng bị khô cạn để mong đất khô cháy cho Rồng bay lên mà dựng lại cơ đồ. Hà công là Hồ Phi Phúc giết con gái là nàng Mây vì Mây đã yêu chồng chỉ cách phá đập sông Mê cho nước chảy về tưới cánh đồng của bộ lạc chồng. Nàng Mây biến thành hồn ma tụ trong một cục đá, sau này hiện ra trở thành người tình của Nguyễn Trọng Thức, con nuôi của Nguyễn Thiếp, nhà tư tưởng dân chủ đầu tiên của Việt Nam. Loạn kiêu binh sở dĩ thành công và làm sụp đổ cơ nghiệp họ Trịnh và thay đổi hẳn lịch sử Việt Nam là do quyết định cá nhân bất ngờ của Võ Toàn Nhật, tay kiếm vô địch của Việt Nam nửa sau thế kỷ 18, tinh thông cả kiếm pháp Việt Nam lẫn kiếm pháp Nhật. Hoàng Tê Lý bị chết về tay đám kiêu binh là do bị Võ Toàn Nhật chặn đường tẩu thoát. Nhật lại chính là con rơi của Hoàng Tê Lý muốn trả thù cho mẹ đã chết thảm vì bị bỏ rơi. Cùng chính Võ Toàn Nhật đã phản bội Nguyễn Huệ, đi theo Nguyễn Lữ buộc Huệ phải giảng hòa với Nguyễn Nhạc rút quân về Phú Xuân. Võ Toàn Nhật luôn luôn phản nhưng lại là con người quả cảm và trung hậu nhất thời đại. Nguyễn Lữ, bị phục binh của chính Tây Sơn, không biết là quân Nhạc hay quân Huệ chán nản tình đời và đi tu, Võ Toàn Nhật chôn xong người yêu, em út của gia đình Tây Sơn, trở thành một hòa thượng. Nguyễn Trọng Thức chết tức tuổi dậy con sau này đặt tên cháu nội mình là Nguyễn Trường Tộ. Vợ của Trọng Thức, Đặng Thị Mai, em ruột vương phi Đặng Thị Huệ, thành bà sơ sãi sóc người cùi. Dân tộc Việt Nam khốn khổ như ngày nay là do lỗi nguyên của Chế Mân, yếm cho cái bệnh anh hùng, khi thì tự coi là đỉnh cao của trí tuệ, lúc thì cho mình là tiền đồn của thế giới tự do. Rồi giết nhau và khốn khổ.

Người viết đã sử dụng toàn quyền tưởng tượng. Trong trường hợp Nam

Dao, tưởng tượng còn là một bắt buộc để nói lên hết ... sự thực. Bởi vì Nam Dao muốn nói đến tận cùng của sự thực và tìm ra căn nguyên của số phận Việt Nam. Không có cách nào khác hơn là hư cấu và tưởng tượng. Bởi vì những chuyện có thực không bao giờ trình bày được tất cả thực trạng của một xã hội. Mà cũng chẳng ai có thể mô tả được hết một chuyện thực. Muốn viết hết về một ngày của một người không làm gì có lẽ cũng phải vài ngàn trang giấy.

Trí tưởng tượng của Nam Dao qua thực là phong phú.

*Gió Lửa* là cuốn tiểu thuyết đã sử dụng gần 500 trang với vô số tình tiết éo le, lâm ly và kinh dị. Có đạo pháp, có ma quỷ, có kiếm hiệp, có tình dục. Có những câu đối đáp lúc triết lý, lúc sống sượng nhưng lúc nào cũng chắc nịch. Không nhà văn Việt Nam nào viết đối thoại đặc sắc như Nam Dao.

Nhưng *Gió Lửa* cũng là một thông điệp để làm lại đất nước cho những ai còn quan tâm. Nam Dao viết trong một thư riêng cho tôi: "*Gió Lửa là Tổ quốc Ân nã, chỉ khác với mây là tao chạy tội cho Nguyễn Huệ*". Những ai bất mãn với những gì tôi viết về Nguyễn Huệ trong *Tổ quốc Ân nã* chắc chắn sẽ thoải mái với *Gió Lửa* của Nam Dao. Tại sao Nam Dao lại chọn giai đoạn Trịnh - Nguyễn - Tây Sơn? Chắc chắn đó là vì giai đoạn lịch sử này là khúc quanh quan trọng nhất đã quyết định vận mệnh của nước ta và đã khiến chúng ta là chúng ta hiện nay. Đó là giai đoạn của một chuyển hóa thất bại. Chúng ta đã bỏ lỡ một cơ hội canh tân sau gần ba thế kỷ tiếp xúc với phương Tây. Có nhiều người không ý thức được tầm quan trọng của giai đoạn này. Nhưng chắc chắn Nam Dao thì khác, ông không phải chỉ là một nhà văn mà còn là một học giả, và một học giả uyên bác. Theo thiên ý của tôi Nam Dao là một trong những người mở đầu văn chương bác học Việt Nam.

Nam Dao đến với văn học như một người đi tu vì thất tình. Những người đó thường là chân tu.

Nam Dao tên thật là Nguyễn Mạnh Hùng, sinh năm 1944, đi du học Canada năm 1963, và hiện là giáo sư kinh tế tại đại học Laval. Tóm tắt như thế, như người ta bắt buộc phải làm trong nhiều trường hợp thì chẳng có gì đáng nói. Đó chỉ là một cuộc đời may mắn và bình thường. Nhưng cuộc đời hẳn không phẳng lặng như thế, nó đầy gian truân và bi kịch. Dòng dõi nhà quan, nhưng cha hẳn lại theo Việt Nam Quốc dân Đảng làm cách mạng. Đảng bị tan, ông đi theo Việt Minh để chống Pháp. Rồi cũng không yên thân với Việt Minh nên đào ngũ đi lính Pháp đánh lại cộng sản. Và thất bại, đáp tàu há mồm từ Hải Phòng đem vợ con vào Nam. Thất bại, và ê chề, chắc chắn trong thâm tâm ông cũng nuôi mộng những đứa con sẽ làm nên một sự nghiệp nào đó, giải tỏa cho ông nỗi đau của kẻ bất đắc chí. Nhưng đứa con mà có lẽ ông kỳ vọng nhất sau khi du học và "thành tài" tại Canada lại giở chứng đi theo những kẻ mà ông hận thù nhất. Nguyễn Mạnh Hùng trở thành một "trí thức yêu nước", tích cực ủng hộ cuộc "đấu tranh chống Mỹ cứu nước", rồi sau 1975 áo gấm hồng được chế độ trọng vọng.

Nhưng không ai chạy trốn được chính mình. Nguyễn Mạnh Hùng trở mang bản chất lương thiện và có tội hiểu biết như phần lớn các "trí thức yêu nước" trong lứa tuổi của hắn. Chế độ cộng sản không có chỗ đứng cho những người như hắn. Hắn không thể nói dối, nói leo, nói vuốt đuôi. Hắn trở thành cái gai và một đe dọa. Lê Đức Thọ nổi giận: "*Tao đã trải chiếu hoa cho nó ngồi mà nó không chịu ngồi thì tống cổ nó đi*". Hắn bị tống cổ khỏi Việt Nam, có lần hắn cố mò về với cả một phái đoàn chuyên gia quốc tế người ta vẫn tống cổ hắn đi, bất chấp cả việc phái đoàn cùng bỏ về luôn và Việt Nam mất một khoản viện trợ. Có lẽ đây là lần họ đánh giá hắn cao nhất. Hắn cũng còn muốn làm một cái gì đó cho đất nước hắn. Nhưng với ai? Các bạn bè hắn đã bỏ cuộc, hay vẫn còn cố làm nhưng theo những chọn lựa mà hắn không thỏa mãn. Cuộc đời chính trị của hắn là một thất bại. Nhưng

đòi tư có lẽ còn thất bại đau đớn hơn. Hai lần ly dị trong đời và bị ngay cả những người mà hẳn tưởng đã cứu bằng cách đem ra nước ngoài kiện ra tòa đòi cấp dưỡng. Tôi vẫn thường tự hỏi tại sao chúng ta không có được những nhà văn lớn với những tác phẩm lớn trong khi lịch sử và xã hội của chúng ta đầy rẫy những xáo động và những thảm kịch. Có lẽ vì môi trường không đủ mà cũng cần chính mình phải sống và thấm thía một số thảm kịch của xã hội; cũng cần có kiến thức và tình cảm để hiểu những thảm kịch đó.

Nam Dao đến với văn học vào cái tuổi đã khá muộn màng. *Gió Lửa* viết năm 1998, *Tiếng Cồng* và *Ba Vỏ kịch*, năm 2000. Nhưng hẳn đến với tất cả hành trang và quyết tâm. Như một nhà văn chuyên nghiệp. Hẳn có rất nhiều điều để viết và hẳn biết viết. Chắc hẳn coi viết là đóng góp quan trọng nhất trong quãng đời của hẳn. Và đây cũng là một điểm phúc cho văn học Việt Nam.

Các cốt truyện của Nam Dao lúc nào cũng mãnh liệt, ly kỳ, gay cấn, và lúc nào cũng như một chuỗi bí mật chỉ được phơi bày vào những trang cuối. Đó là những cuốn sách mà người ta không thể đọc một cách hồ hững.

*Tiếng Cồng* là một tiểu thuyết xoay quanh một số rất ít nhân vật Việt Nam và du khách Việt kiều có, Pháp có và Mỹ cũng có. Câu chuyện có vẻ chẳng có gì đáng nói lúc ban đầu: một thiếu nữ giúp mẹ trông coi khách sạn gia đình ở Sa Pa, một anh chàng Mỹ dờ hơi tối ngày đi bắt và ướp bướm. Vài người du khách đến đó để nghỉ ngơi. Lại gặp lúc Sa Pa vắng khách. Nhưng rồi biết bao nhiêu là bí mật được phơi bày. Và khi gấp cuốn sách lại người ta phải tự hỏi tại sao có thể có nhiều chuyện ly kỳ như vậy trong một cuốn sách khổ nhỏ chưa đầy 200 trang? Và người ta cũng rất băn khoăn tự hỏi tại sao những bí ẩn trong tâm hồn con người có thể được mô tả tài tình đến thế.

Truyện của Nam Dao bao giờ cũng sôi động ở khúc cuối, với điều kiện là người ta phải đọc chậm phần đầu. Văn của Nam Dao là lối văn rất cô đọng và cũng rất giản dị, cái giản dị mà chỉ có những người rất hiểu biết và rất thoải mái với tiếng Việt mới có được.

Nam Dao cũng chủ yếu là một tác

giả kịch, ngay cả khi ông viết tiểu thuyết, bởi vì cốt truyện luôn luôn chỉ bộc lộ, và bộc lộ một cách dồn dập, vào đoạn cuối. Những câu độc đáo nhất cũng thường là những câu đối đáp.

Kịch của Nam Dao thì phải nói là tuyệt. biệt tài của Nam Dao là làm cho người đọc, và tôi hy vọng một ngày không xa người xem, khám phá ra sự kinh dị trong những cái có vẻ rất bình thường. Thí dụ như *Kịch Cầm*, một trong ba vở kịch trong cuốn *Ba Vỏ kịch*. Đó là câu chuyện của những người chẳng ai thèm để ý, những người không có nhà sống trong một nghĩa trang, Xã hội không biết đến họ nữa. Địa chỉ của họ là ngôi mộ mà họ ngủ bên cạnh. Dần dần tên người chết trở thành tên của họ. Một thương binh cộng sản, cựu sĩ quan đặc công, nay được gọi là "trung tá" vì anh ta ngủ bên mộ một trung tá Việt Nam Cộng hòa. Anh chuẩn úy trẻ của quân đội Việt Nam Cộng hòa mang tên một bà. Chẳng có gì quan trọng vì họ không còn lý lịch. họ sống với nhau trong một thế giới riêng, ở một nơi dành cho người chết. Anh chuẩn úy trẻ cụt chân dắt anh sĩ quan đặc công mù, hợp tác với một ông già và một con chó làm một gánh hát rong xin ăn. tài sản của gánh hát chỉ là một vở kịch, tựa đề *Lý Nhân Tông lên làm vua*, do anh chuẩn úy sáng tác và một cái ghế gỗ được dùng làm ngai vàng. Lợi tức của gánh hát không bằng tiền ăn xin của chị vợ anh chuẩn úy. Họ nghĩ là cuộc đời sẽ mãi mãi trôi qua như thế, nhưng số phận không để họ yên. Tình cờ họ được một ký giả trẻ lưu ý và đưa lên truyền hình. Họ bỗng nhiên trở thành biểu tượng của sức sáng tạo nhân dân chứng minh cho tính hơn hẳn của chủ nghĩa xã hội. Hạnh phúc đến với họ một cách quá đột ngột. Nhưng những ngày sung sướng đó không kéo dài. Tai họa dồn dập đến. Ông già chết. Chôn cất ông là cả một vấn đề. Khai tử thế nào, ông già này có sống đâu mà chết? Nhưng không khai tử thì làm sao chôn? Trong khi vẫn còn cái xác rất cụ thể nằm đó phải giải quyết. Rồi sau đó gánh hát không còn vua, hai diễn viên phải vái cái ghế trống mà "tâu bệ hạ". Thu nhập giảm sút. nhưng không phải chỉ có thế, tình trạng này lọt vào cặp mắt cảnh giác của một anh công an. Họ bị kiểm điểm là cổ võ cho tình trạng

vô chính phủ. Hai anh thương binh bàn nhau và tìm ra một giải pháp: sử dụng con chó, bọc nó lại, đội mũ cho nó để nó đóng vai vua. Tưởng thế là xong, ai ngờ lần này thì tội nặng tày trời: dám mỉa mai quyền lực, coi Đảng và nhà nước là chó!

Tôi không kể đoạn chót của vở kịch, cũng như hai vở kịch kia, để độc giả tự khám phá và thưởng thức. Nam Dao là một tác giả lý tưởng để đọc trong mùa hè này. Cuốn sách nào của Nam Dao cũng đáng đọc, và phải đọc.

Đọc Nam Dao tôi không thể nào không nghĩ tới Paul Claudel. Claudel cũng là một nhà viết kịch uyên bác. Tôi biết đến Claudel chỉ vì ông là một tác giả mà tôi phải học trong chương trình thi tuyển. Nhưng tôi mê Claudel đến độ có một thời gần như thuộc lòng những tác phẩm chính của ông. Claudel dùng kịch để trình bày tư tưởng của ông về giai đoạn Cách mạng 1789, giai đoạn đã nhào nặn ra nước Pháp hiện đại. Claudel đã khá thành công trong sự nghiệp chính trị, đã giữ những chức vụ quan trọng nhưng chỗ đứng sau cùng của ông vẫn là chỗ đứng của một nhà văn lớn. Tôi rất hâm mộ Claudel, nhưng ngày nay tác giả ưa thích nhất của tôi là một người Việt. Và tôi thấy rất vui.

**Nguyễn Gia Kiểng**

Sách của Nam Dao:

- *Gió Lửa*, tiểu thuyết dã sử, 1998, 20 USD
- *Tiếng Cồng*, tiểu thuyết, 2000, 10 USD
- *Ba Vỏ kịch*, kịch, 2000 12 USD

Liên lạc mua sách:

Nguyễn Mạnh Hùng  
2699 avenue Morgan  
Québec G1W 4R9, Canada

email: thivan@videotron.ca

Tìm lại *Thông Luận* và nhiều tiết mục khác trên mạng lưới web :

<http://www.thongluan.org>

## Một thoáng quê hương

Nguyễn Văn Man

Nhìn qua cửa sổ chiếc máy bay chở khách của hãng hàng không Malaysia khi nó hạ thấp độ cao bay vào không phận Hà Nội, tôi chỉ thấy một màu xám xám mênh mang ở dưới mặt đất, đôi chỗ điểm thêm những ô màu đỏ, hoặc màu trắng ... Khi máy bay xuống thấp hơn, tôi mới hay màu xám ấy là màu của cây cỏ mùa đông. Ủ nhỉ, tôi bỗng nhớ ra mình về thăm quê vào dịp tết Tân Tị, tiết xuân, nhưng vẫn lạnh.

Sân bay Nội Bài (1), thoáng nhìn, không khác bao nhiêu so với cách đây 12 năm, khi tôi từ đó bước lên thang máy bay ra nước ngoài. Lúc bước vào căn phòng lớn để qua cửa nhập cảnh, tôi chuẩn bị sẵn tâm lý sẽ phải đối mặt với những "tiêu cực", sách nhiễu, vạ vạ, "xin đều" của nhân viên ở sân bay đối với những "kiều bào" về thăm quê như vợ chồng tôi mà tôi đã từng được nghe kể khá nhiều. Nhưng sự việc lại không hẳn như thế ! Khi vừa nhìn thấy chúng tôi và những hành khách khác bước vào phòng, các nhân viên sân bay gần như đồng loạt nhoẻn miệng cười, vừa giơ cao tay vẫy vẫy, vừa cất giọng râm ran mời chúng tôi: "*Mời anh, mời chị, mời bác, mời cô ... đi vào cửa này*". Miệng nói, tay họ chỉ vào cửa nơi họ đang đứng. Tôi không nhớ khi đó trên môi tôi có bật nở một nụ cười theo cơ chế "phản xạ tự nhiên" mà cụ Pavlov (2) đã tìm ra hay không. Nhưng chắc chắn trong tâm trí tôi có nụ cười ấy. Và đồng thời, một câu hỏi vụt hiện lên : Phải chăng "cơ chế thị trường" đã là tác giả của sự thay đổi diệu kỳ về thái độ phục vụ của nhân viên sân bay Nội Bài, nơi trước đây vẫn được coi là một trong những cửa khẩu khét tiếng lắm "tiêu cực" ? Chẳng phải lâu la và khó nhọc gì, ngay sau đó tôi đã nhìn thấy câu trả lời. Hầu hết người gốc Việt Nam (mang quốc tịch gì cũng thế, miễn là mũi tẹt da vàng), khi qua cửa kiểm soát, đều có nhà ý "biểu" nhân viên sân bay "một chút gọi là", năm, mười đô-la Mỹ ... Mặc dù người Việt ta sống rải ra khắp thế giới, nhưng hình như ai cũng biết cái "lệ" ấy, thì cũng đủ biết rằng cái hủ tục này nổi tiếng đến mức nào. Qua báo chí, tôi biết ở trong nước người ta

đang chống tham nhũng, hối lộ mạnh mẽ. Đã có những cán bộ cấp cao mất chức vì trót dính đến tham nhũng, quan liêu. Trong số đó có cả ủy viên trung ương đảng ... Nhưng ở đây, nơi cửa ngõ thông ra quốc tế này, thì kỷ cương, phép nước vẫn cứ gọi là thua cái ... "lệ sân bay".

Với những thao tác thành thục, anh công an còn khá trẻ kiểm tra giấy tờ của tôi bằng máy vi tính rất nhanh, có lẽ không quá hai phút đồng hồ. Đồng thời, anh cũng làm một động tác khác thiện nghệ không kém là rút rất kín đáo tờ giấy bạc 10 đô-la mà tôi đã ý tứ kẹp vào trong cuốn hộ chiếu tị nạn của tôi để phòng xa, khi đưa nó cho anh kiểm tra. Mặt anh lạnh như ... kem, chứ không xối lỗi, hồ hởi như "cánh" nhân viên sân bay đứng của kia. Tôi thầm thán phục anh. Chỉ có "cao thủ" về "nghệp vụ" thì mới có bản lĩnh vững vàng như vậy. Còn tôi, hai bên má có vẻ tăng nhiệt độ vì ... ngượng cho việc làm của mình.

Gặp những người thân trong gia đình ra đón, vợ chồng chúng tôi không khỏi bồi hồi. Nỗi xúc động của đứa con, của đứa em xa gia đình đã khá lâu choán ngập trong tôi đã xua tan rất nhanh những cảm giác bất thường trước đó vài phút. Dù đã cố nén, nhưng mắt tôi vẫn cay cay. Liếc sang vợ tôi, thì đã thấy cô nằng nước mắt lưng tròng, sụt sịt sụt sịt. Ra khỏi sân bay, tôi nói người nhà "bắt" ngay một chiếc tắc-xi 12 chỗ ngồi, đủ để cả những người ra đón và hai vợ chồng tôi cùng những va-li, túi xách lỉnh kỉnh, rồi "dông" thẳng một mạch về Thái Bình, nơi chôn rau cắt rốn của tôi.

Chiếc xe lao nhanh trong ánh hoàng hôn dát vàng ở cuối chân trời. Mặt đường rộng thênh thang không phải 8 thước, mà là hơn 30 thước rải nhựa bê tông nhẵn bóng. Chỉ có tiếng gió ù ù và tiếng máy êm êm của chiếc xe vọng vào tai tôi.

Chúng tôi về đến đầu làng khi trời đã sầm sập tối. Ngồi trên xe, tôi cứ nghĩ, tôi sẽ lại được thấy rặng tre đen sẫm in hình trên nền trời tím mờ như ngày nào khi tôi trở về làng lúc chiều muộn. Rồi tôi được nghe tiếng "lộc cộc" trâu bò gõ

sừng vào những gióng tre trên cái nền âm thanh rỉ rả của dàn đồng ca ếch, nhái, côn trùng. Tôi sẽ được ngửi thấy mùi thơm của bếp lửa đun khói rơm, mùi ngai ngái của những cây bèo Nhật Bản, mùi nồng nồng của bùn ao và đủ những thứ mùi gần gũi khác của thôn quê. Nhưng không, trước mắt tôi, cảnh vật đã khác hẳn ! Từ xa, tôi đã nhìn thấy làng tôi lơ nhô mái nhà cao thấp, hiện rõ dưới một quãng sáng mà khi đến gần, tôi mới nhận ra đó là ánh sáng tỏa ra từ những ngọn đèn điện được treo trên hàng cột xi-măng thẳng tắp, chạy dọc theo đường làng phẳng lý bê-tông. Ở nước ngoài, tôi biết tỉnh Thái Bình quê tôi nổi tiếng với bốn mục tiêu kinh tế và xã hội, gọi tắt là "điện, đường, trường, trạm". Bây giờ tôi đang thấy tận mắt hai chữ "điện" và "đường" đây. Tôi nghe thấy tiếng nói, tiếng nhạc vọng ra từ những chiếc loa thùng trong những ngôi nhà ở hai bên đường. Như đoán được ý nghĩ của tôi, anh tôi nói : "*Làng ta giờ có nhiều truyền hình rồi, cả máy màu, cả karaoke*".

Đi suốt con đường làng về đến nhà tôi, tôi không thấy một mái nhà tranh nào, mặc dù đã có ý tìm. Tất cả các mái nhà đã được "ngói hóa", hoặc "mái bằng hóa". Có nhà lên hai, ba tầng, khang trang, bề thế. Có điều, kiến trúc của các ngôi nhà không dễ xếp vào trường phái nào mà tôi đã từng biết. Ngăn cách giữa các ngôi nhà và các khoảnh sân không còn những hàng rào bằng tre, những hàng giậu bằng cây chuối, cây cúc tần, cây dâm bụt xanh mướt màu lá nứa. Thay vào đó là những bức tường cao quá đầu người, trên cắm những mảnh chai nhiều màu sắc, nhọn hoắt, dày vẻ "răn đe" bọn đạo chích. Những bức tường đó chia làng tôi thành những "lô", trông rất nhức mắt. Sự "đô thị hóa" làng tôi đã phá vỡ không thương tiếc không gian kiến trúc của làng quê, mà theo tôi rất cần được giữ lại. Tôi thoáng nghĩ tới mảng văn hóa làng xã trong việc bảo tồn văn hóa nói chung của dân tộc.

Đang mãi nghĩ, tôi bỗng thấy có bóng phụ nữ thấp thoáng trong những góc tranh tối tranh sáng. Anh tôi bảo: "*Điểm đấy*". Tôi buột miệng hỏi lại: "*Điểm ?*" Anh tôi không trả lời câu hỏi của tôi mà nói: "*Chú đi lâu quá, nên không biết làng ta thay đã đổi nhiều lắm*". Lại còn thế nữa ? Kinh tế thị

trường quả là có sức thẩm thấu ghê gớm. Hình thức kinh doanh lâu đời nhất của loài người bằng "vốn tự có" này đã hiện diện ở làng tôi, nơi chỉ có những người nông dân quê mùa, cục mịch, quen với việc đồng áng, chân lấm tay bùn.

Nhà tôi cũng được xây lại đẹp đẽ hơn trước nhiều. Cái gì cũng mới và lạ. Hai vợ chồng tôi chuyện trò rôm rả với người thân trong gia đình tới tận khuya. Đến nỗi, anh tôi phải nhắc mọi người để chúng tôi đi nghỉ, thì cuộc nói chuyện mới dừng. Máy anh chị em của chúng tôi có gia đình riêng cũng ngủ lại ở anh cả tôi.

Đặt lưng xuống chiếc giường "mô-đéc", dù đã có nệm, mà tôi vẫn cảm nhận được độ cứng của cái dát giường bằng gỗ. Tôi trần trọc. Không biết có phải chiếc đồng hồ sinh học trong tôi chưa kịp chỉnh lại cho hợp với thời giờ ở Việt Nam hay không, hay do tiếng ngáy, tiếng trở mình rột rạt trên chiếu, tiếng thở dài sườn sượt ... của ai đó. Đến hôm sau anh cả nói nhỏ với tôi là các anh chị tôi mất ngủ vì tôi chưa kịp chia quà nước ngoài thì tôi mới hiểu nguyên nhân của sự trần trọc và tiếng thở dài đó. Không biết anh cả có nói quá lên không, nhưng chắc là anh ấy hiểu anh chị tôi hơn tôi.

Mới hơn 5 giờ sáng, tôi đã bị đánh thức bởi tiếng nhạc hiệu ồn ã phát ra từ chiếc loa công cộng ở phía đầu làng. Hơn một thập kỷ tôi mới nghe lại tiếng nhạc hiệu của Đài tiếng nói Việt Nam. Thông tin đã về đến từng nhà. Ngoài sân, trời vẫn chưa sáng rõ. Có lẽ, nhà tôi vẫn chưa ai dậy, trừ tôi. Hình như mọi người hoặc đang say giấc, hoặc còn nằm cố. Lạ nhỉ ! Ngày trước, giờ này là đã nghe ối ối tiếng giục nhau ra đồng, râm râm tiếng chào nhau ngoài ngõ, "bình bịch" tiếng trâu bò giậm móng xuống đường ... Thế mà lúc này, tôi chỉ nghe thấy tiếng loa oang oang, ngoài ra, tịnh không thấy một tiếng động nào khác. Tôi nằm im và lan man nghĩ. Trời sáng dần. Vẫn chỉ có tiếng loa đưa tin. Ô, dân làng tôi lười đi hay cuộc sống của họ quả là không cần phải thức khuya dậy sớm như trước ? Tự tìm hiểu thì được biết, cuộc sống của nông dân bây giờ đã được "thị trường hóa". Nghĩa là làm gì ra tiền họ mới làm.

Sáng ra mà tôi không nghe thấy tiếng chim chuyền cành, tiếng chúng

hót líu lo chào đón bình minh bên cửa sổ như ngày nào. Một sự lạ ở làng tôi !

Đã mấy cái Tết nhà tôi không gói bánh chưng. Nhiều nhà khác cũng thế. Các cụ già và bọn trẻ không còn háo hức quây quần bên nồi luộc bánh chưng sôi sùng sục vào đêm 30 nữa. Bây giờ nhà nào cần bánh chưng thì mua. Làng tôi có người chuyên gói và luộc bánh chưng để bán vào dịp Tết. Mặt khác, đang có sự bùng nổ về "văn hóa nghe nhìn" ở một đất nước vốn ít được nghe nhìn, nhất là ở nông thôn, thành thử người ta đổ xô vào việc tận hưởng thú văn hóa nghe nhìn này. Các bộ phim tâm lý xã hội nhiều tập của Trung quốc, Nhật bản hay Hàn quốc có sức cuốn hút khán giả Việt Nam khá mạnh. Tối tối, từ trẻ mỗ đến các cụ già râu tóc bạc phơ đều dán mắt vào màn truyền hình xem *Tể tướng Lưu gù*, *Hoàn Châu cách cách* ... Các nam thanh nữ tú cứ ra đường là đua nhau điện một bắt chước các tài tử trong phim và lấy đó làm niềm tự hào của họ. Tôi phân vân tìm cách lý giải, không biết liệu có phải văn hóa làng xã ở quê tôi đang bị chèn lấn bởi những nền văn hóa khác hay không. Nhưng rõ ràng sự mặn mà với văn hóa làng xã ở những người dân làng tôi đã phai pha ít nhiều, không còn được như trước kia.

Không gọi mà nên, khi nói chuyện với tôi, vô tình hay hữu ý mà dân làng tôi hay nhắc đến "vụ Thái Bình". Người ta còn nhớ, cách đây bốn năm, năm 1997, cả tỉnh Thái Bình như trong chảo lửa. Một phong trào "khiếu kiện tập thể" (cụm từ này có lẽ có xuất xứ từ đó) đã lên đến độ sục sôi, cả về phạm vi rộng lớn lẫn chiều sâu tác động xã hội. Nguyên nhân thì ai cũng biết rồi. Đó là tình trạng vi phạm dân chủ nặng nề của các cơ quan đảng và chính quyền ở cả bốn cấp xã, huyện, tỉnh và trung ương, mà trầm trọng nhất là ở cấp xã. Chỉ sau một tuần xảy ra sự kiện Thái Bình, cấp lãnh đạo cao nhất ở tỉnh là bí thư tỉnh ủy và chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh bị cách chức. Các ủy viên bộ chính trị, từ cấp cao nhất là tổng bí thư, vợ và nhào về Thái Bình để thị sát tình hình. Một ủy viên bộ chính trị, cơ "thường trực", đặc trách về vấn đề dân vận, đã được "cắm" ở Thái Bình trong nhiều tháng để trực tiếp hạ hỏa lò lửa nguy hiểm này. Gần một năm sau, "Qui chế thực hiện dân chủ ở cơ sở"

được ban hành - một sự thừa nhận tình trạng vi phạm dân chủ ở nông thôn Việt Nam và những giải pháp ngăn ngừa một Thái Bình thứ hai xảy ra. Chỉ đổi mới kinh tế, trì hoãn đổi mới về chính trị không chỉ mang lại hậu quả "nhân tiền". Dân làng tôi sôi nổi tưởng thuật lại không khí hưng hực của làng xóm lúc bấy giờ. Họ không hề che giấu sự thoả mãn của họ khi chính họ đứng lên lập lại công lý. Tôi nhận thấy rất rõ trong giọng nói, ánh mắt của họ cái "dân khí" của "tiếng trống năm 30" của nông dân quê tôi nổi dậy chống ách áp bức của thực dân Pháp và chế độ phong kiến Việt Nam xưa kia mà tôi đã từng biết qua sách vở. Bây giờ ở Thái Bình không còn cảnh cán bộ xã xông vào nhà dân giật bao thóc cuối cùng phòng đói để truy thuế nữa. Nhưng dân làng tôi lại có nỗi sợ khác. Sợ đóng tiền học phí cho con cái đi học và sợ phải đi viện khi đau ốm. Với những nông dân thu nhập bình quân hàng tháng chỉ trên dưới 70 nghìn đồng, hàng trăm ngàn đồng chu cấp cho con đi học đại học hoặc để trả viện phí, mua thuốc men và lo lót cho các "lương y" không phải là gánh nặng, mà là nỗi kinh hoàng thực sự.

Nhân lúc tạt vào hiệu thuốc bắc ở thị trấn để mua mấy thang cho vợ tôi, tôi gọi chuyện ông chủ hiệu bằng cách nói xa xôi về "nền kinh tế thị trường được định hướng xã hội chủ nghĩa" với ông chủ hiệu thuốc. Nghe thấy tôi nói, ông đánh mắt nhìn tôi một cái, rồi im lặng quay đi. Còn ông thợ may đầu làng thì giương mục kính lên ngắm tôi như thể ngắm một sinh vật từ sao Hỏa ghé thăm Trái đất, khi nghe tôi nói những điều tương tự.

Thái Bình những ngày tôi về thăm quê cũng là những ngày chuẩn bị đại hội đảng toàn quốc lần thứ chín. Cờ, khẩu hiệu treo khắp nơi, rợp một màu đỏ. Tiếng loa truyền thanh ồn ào suốt ngày.

Thời gian của hai vợ chồng tôi bị tiêu tán khá nhiều vào những cuộc "tiếp tân". Thôi thì đủ hạng, đủ cấp. Từ những cuộc viếng thăm ông bác trưởng họ, bà thím cành trên, đến các anh, các chị họ hàng, bạn bè cùng lứa ... Đặc biệt, có cuộc tiếp đón bất đắc dĩ hai cán bộ của ngành an ninh tới "thăm" chúng tôi sau khi chúng tôi về tới nhà hai ngày. Bữa  
(xem tiếp trang 25)

# Vấn đề phát triển bền vững Việt Nam

Nguyễn Ngọc Hiệp

*LT:* Đây là phần tiếp bài viết của anh Nguyễn Ngọc Hiệp. Trong phần đầu, đăng trên Thông Luận số tháng trước, tác giả đã trình bày rõ ý niệm về phát triển bền vững và về ảnh hưởng của sự toàn cầu hóa trên phát triển. Sau đó tác giả đã đánh giá về kết quả của chính sách đổi mới kinh tế và đã phân tích những yếu kém cơ bản hiện nay của Việt Nam.

## Dự thảo chiến lược phát triển 2001-2010 của chính quyền Việt Nam

Chính quyền Việt Nam đang sửa soạn đưa dự thảo chiến lược phát triển kinh tế xã hội 2001-2010 ra biểu quyết tại đại hội IX Đảng Cộng sản Việt Nam vào tháng 3-2001. Dự thảo chiến lược xác định công cuộc phát triển có 6 trụ cột là: Tạo môi trường hỗ trợ cho doanh nghiệp; Chuyển đổi nền kinh tế nông thôn; Nâng cao năng lực con người; Cung cấp đầy đủ các dịch vụ cơ sở hạ tầng; Cải thiện chất lượng môi trường; Xây dựng khuôn khổ quản lý quốc gia hiện đại.

Thông qua dự thảo chiến lược phát triển, giới lãnh đạo Việt Nam chủ trương: Kinh tế sẽ tăng trưởng cao về cả số lượng lẫn chất lượng; Kinh tế sẽ phát triển nhanh và bền vững; Các doanh nghiệp sẽ có khả năng cạnh tranh trên thị trường thế giới; Chế độ kinh tế thị trường sẽ có định hướng xã hội chủ nghĩa; Việt Nam sẽ hội nhập vào tiến trình toàn cầu hóa; Xã hội Việt Nam sẽ có công bằng, ổn định; Mức sống của người dân sẽ được nâng cao; Việt Nam sẽ trở thành trong vòng 20 năm một nước công nghiệp hóa, có nền kinh tế dựa trên tri thức và công nghệ.

Sau cùng dự thảo chiến lược đưa ra các mục tiêu sau đây cho năm 2010: Xóa bỏ đói nghèo; Giảm tỷ số trẻ em suy dinh dưỡng từ 40% xuống 15%-20%; Nâng cao tỷ lệ đầu tư từ 22% GDP lên 30% GDP; Tăng GDP gấp hai lần vào năm 2010; Gia tăng xuất khẩu 14% mỗi năm; Phần của nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ chuyển đổi như sau: nông nghiệp từ 25% xuống 16%-17%, công nghiệp tăng từ 35% lên 40%-41% và dịch vụ tăng từ 40% lên 42%-43%.

Nói chung, dự thảo chiến lược phát triển kinh tế xã hội 2001-2010 có tham vọng không cao hơn nhiều chiến lược ổn định và phát triển 1991-2000. Tuy nhiên để thực hiện các mục tiêu cho năm 2010 cần có những chuyển đổi sâu rộng hơn về tất cả các mặt nhận thức, tri

thức và năng lực của người dân, vận động, phân bổ và sử dụng các phương tiện sản xuất, cơ chế hóa và thể chế hóa thuận lợi hệ thống quản lý quốc gia, quản lý kinh tế và xã hội Việt Nam.

Chiến lược phát triển 2001-2010 định rõ các chủ trương và mục tiêu, các yêu cầu và nguyên tắc, nhưng rất tổng quát và mơ hồ về những bước đi cụ thể. Các cuộc thảo luận giữa các quan chức cao cấp của chính quyền Việt Nam với đại diện các nhà tài trợ (Ngân hàng Thế giới, Ngân hàng Phát triển Á châu, Chương trình Phát triển của Liên hiệp Quốc) trong năm 2000 và nhất là tại cuộc họp nhóm tư vấn tổ chức ngày 14&15-12-2000, đã cho thấy tính khả thi của chiến lược phát triển là một dấu hỏi lớn. Chiến lược không trả lời cụ thể và rành rọt được các câu hỏi cơ bản sau đây: Chẳng hạn làm thế nào để tăng tiết kiệm và tích lũy tư nhân trong nước từ 7% GDP lên 12%-15% GDP, tăng tỷ lệ đầu tư quốc gia từ 23% GDP lên 30% GDP? Làm sao thu hút được hàng năm hai tỷ mỹ kim đầu tư nước ngoài (hiện nay đầu tư nước ngoài là 5,5% GDP) là quá cao so với mức trung bình 1% GDP? Làm thế nào tiếp cận tri thức và công nghệ mới để nâng cao hiệu suất đầu tư? Làm sao để toàn cầu hóa có lợi nhiều nhất cho Việt Nam và song song kinh tế vẫn quản lý được các bất buộc và phí tổn của toàn cầu hóa? Làm thế nào để có bình đẳng giữa doanh nghiệp nhà nước và kinh tế tư nhân? Những bước đi nào để tiến tới một nền kinh tế dựa trên tri thức? Vai trò của nhà nước trong nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa là gì? Doanh nghiệp nhà nước giữ vai trò chủ chốt trong những ngành nghề nào và thế nào là vai trò chủ chốt? Làm thế nào để phân bổ thuận lợi nhất các nguồn chi thu công cộng? Nhà nước hỗ trợ và làm gì, tư nhân giữ vai trò nào để nông thôn có thêm cơ hội tạo thu nhập và kiếm sống, có ổn định, dứt khoát xóa đói nghèo?

Như đã nêu ở trên, phát triển bền

vững kinh tế và xã hội đòi hỏi một chiến lược toàn bộ, thống nhất với những chủ trương và mục tiêu, những định hướng và bước đi thực tế đan xen chặt chẽ và hỗ trợ nhau. Từ khi có đổi mới, công cuộc phát triển kinh tế xã hội Việt Nam bị vướng mắc một vấn đề cơ bản nhất mà chính quyền nhà nước cho tới nay chưa có giải đáp. Đó là dung hòa định luật kinh tế thị trường với quy tắc xã hội chủ nghĩa. Hiện nay trong thành phần lãnh đạo Đảng Cộng sản Việt Nam không có sự thống nhất lập trường về vấn đề này.

Bước vào thế kỷ XXI, chính quyền Việt Nam cần phải nâng chính sách đổi mới lên một cấp bậc khác với những chuyển đổi có hệ thống, những cải tiến xuyên suốt về cơ cấu tổ chức, về cơ chế và định chế quản lý đời sống chính trị, kinh tế và xã hội Việt Nam. Thiếu những chuyển đổi và cải tiến này, chắc chắn chiến lược phát triển 2001-2010 sẽ gặp nhiều trắc trở và thành tựu sẽ thua kém chiến lược 1991-2000. Áp lực và cũng là báo động cho giới lãnh đạo Việt Nam để đáp ứng yêu cầu tăng trưởng và phát triển bền vững là hơn 50% dân số Việt Nam dưới 25 tuổi. Tuổi trẻ Việt Nam khát vọng một tương lai sáng tốt. Hàng năm thành phần lao động Việt Nam tăng thêm khoảng 1,2 triệu người. Họ cần được huấn luyện đào tạo, có việc làm để kiếm sống. Chỉ để tạo đủ việc làm cho 1,2 triệu người này, GDP phải tăng hàng năm 10% trong khi chiến lược phát triển 2001-2010 dự báo 7%! Chỉ bấy nhiêu điều cũng đủ để thôi thúc một chính quyền, một chính đảng có trách nhiệm trả lời quần chúng, phải thực sự và quyết tâm phát triển kinh tế xã hội Việt Nam một cách bền vững.

## Nhu cầu phát triển bền vững

Chính quyền Việt Nam đặt vấn đề phát triển kinh tế xã hội một cách rất lộn xộn. Giới lãnh đạo quan niệm rằng Việt Nam phải thận trọng để không rơi vào tình trạng bất ổn bấp bấp của nước Nga. Kinh tế nước này bị sa lầy, không vươn

lên được vì mở cửa, đổi mới, tự do hóa quá nhiều quá nhanh. Quan niệm đó cũng nêu lên rằng các nước Thái Lan, Phi Luật Tân có hệ thống kinh tế thị trường, tự do kinh doanh từ lâu mà nền kinh tế vẫn khi lên khi xuống, gặp khó khăn, bị khủng hoảng năm 1997 và xã hội vẫn thiếu ổn định. Giới lãnh đạo Việt Nam còn lập luận rằng đường lối của Trung Hoa cho phép vừa có những thành tựu kinh tế tốt đẹp, vừa giữ được ổn định xã hội, rồi xác định chiến lược phát triển kinh tế xã hội Việt Nam theo con đường "kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa" là đúng.

Đứng về phương diện lý thuyết, tư tưởng hoặc quy luật kinh tế, chính sách "kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa" hoàn toàn không có thực chất. Giá trị của nó chỉ giới hạn ở tính quá độ và tác dụng chuyển tiếp từ kinh tế xã hội chủ nghĩa sang kinh tế thị trường. Ngoài tính quá độ và tác dụng chuyển tiếp này, nó hoàn toàn chỉ là một phương kế để trì hoãn sự chuyển đổi đúng đắn trong thời gian hạn định từ cơ chế kinh tế kế hoạch hóa tập trung xã hội chủ nghĩa sang một hệ thống kinh tế thị trường dựa trên quyền sở hữu tư nhân và tự do kinh doanh. Bởi vậy nhìn lâu dài, chính sách "kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa" dứt khoát không phải là con đường đi cho Việt Nam để có phát triển kinh tế xã hội bền vững, tiến lên giàu mạnh.

Bước vào thế kỷ XXI, nhu cầu thực tế và khách quan cơ bản nhất của Việt Nam là :

- 1) Hoàn tất sớm, trong thời gian hạn định, sự chuyển đổi tổng thể cơ chế kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang hệ thống kinh tế thị trường;
- 2) Xây dựng một nền kinh tế dựa trên thành thị, công nghiệp, dịch vụ, tri thức và công nghệ;
- 3) Xây dựng một xã hội văn minh tiến bộ dựa trên xã hội dân sự và một hệ thống quản lý nhà nước lấy trung tâm là con người.

### **Các tiền đề để phát triển bền vững**

Để đáp ứng thỏa đáng các yêu cầu vừa nêu, một chiến lược phát triển bền vững Việt Nam cần dựa trên những nền tảng cơ bản là : một hệ thống chính trị có năng lực, hiệu lực thúc đẩy kinh tế xã hội phát triển lành mạnh và phục vụ đắc

lực đời sống người dân. Hệ thống chính trị có những cơ chế và thể chế thích hợp quy định khuôn khổ và phương thức quản lý quốc gia, quản lý hành chính nhà nước, tổ chức kinh tế và xã hội để thực hiện có hiệu quả các giai đoạn phát triển và công tác phát triển, xây dựng phúc lợi cho toàn dân.

Hệ thống chính trị Việt Nam hiện nay dành cho Đảng, nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước và các tổ chức Đảng quyền khống chế đời sống chính trị, kinh tế và xã hội. Hệ thống chính trị này có một đảng duy nhất cầm quyền và giữ địa vị độc tôn. Tổ chức xã hội vẫn bị trói buộc, không theo kịp đổi mới kinh tế, thiếu tính chủ động, thông thoáng. Chỉ riêng khu vực kinh tế có một hệ thống phần nào mở, gồm nhiều thành phần nhưng không có bình đẳng giữa doanh nghiệp nhà nước và kinh tế tư nhân. Hậu quả là hệ thống chính trị trở thành lực hạn chế sự tăng trưởng kinh tế nói riêng, kìm hãm sự phát triển kinh tế xã hội nói chung. Chính quyền Việt Nam cũng thừa nhận rằng hệ thống chính trị hiện nay đã trở thành lực cản sự phát triển. Họ thừa nhận có yêu cầu đổi mới hệ thống chính trị, nhưng chủ trương đổi mới chính trị bằng đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng (7) ! Quan điểm này không khác gì từ nhận định trình độ tri thức và công nghệ Việt Nam thấp kém và để đáp ứng yêu cầu nâng cấp hệ thống giáo dục chỉ cần đổi mới phương pháp giảng dạy và huấn luyện!

Tiền đề cho một chiến lược phát triển bền vững Việt Nam có hiệu lực là một hệ thống chính trị dựa trên nhà nước pháp trị, những quyền tự do dân chủ cần thiết để giải phóng năng lực con người, một chính quyền được tín nhiệm và có trách nhiệm trả lời công chúng, một bộ máy hành chính có hiệu lực và hiệu quả, một hệ thống kinh tế thị trường lành mạnh và một tổ chức xã hội có công bằng, đối thoại và hợp tác.

### **Một chiến lược để phát triển bền vững Việt Nam**

Triển vọng thành tựu của công cuộc phát triển bền vững Việt Nam tùy thuộc vào những bước chuyển có hiệu lực và thực hiện có ý nghĩa trong các công việc cốt trụ sau đây :

- 1) Xác định quyền hạn của nhà nước trong chế độ kinh tế thị trường;

- 2) Quy định một cách hợp lý vai trò của doanh nghiệp nhà nước;
- 3) Xây dựng những cơ chế và thể chế cần thiết để hệ thống kinh tế thị trường có hiệu quả cao nhất;
- 4) Hỗ trợ và đa dạng hóa nông nghiệp, xóa đói giảm nghèo ở nông thôn;
- 5) Tăng cường tri thức và công nghệ và hiện đại hóa nền kinh tế;
- 6) Xây dựng một hệ thống quản lý quốc gia tốt và hữu hiệu;
- 7) Hội nhập có lợi sự toàn cầu hóa.

Về quyền hạn nhà nước, điều vô cùng quan trọng là nhà nước phải giới hạn trong vai trò chỉ đạo và ổn định kinh tế tài chính vĩ mô, điều tiết, khuyến khích, hỗ trợ sản xuất kinh doanh ở mức vĩ mô. Nhà nước tránh can thiệp sâu và nhất là trực tiếp hoạt động sản xuất kinh doanh. Nhà nước bảo đảm có một hệ thống kinh tế mở, sự cạnh tranh được lành mạnh, quyền tư hữu được tôn trọng, doanh nhân có tự do mạo hiểm. Nhà nước có bốn phạm khuyến khích các thành phần kinh tế trao đổi, hợp tác trong tinh thần có lợi cho tất cả các đối tượng. Nhà nước tạo các điều kiện để các thành phần kinh tế vận hành chủ động và linh hoạt. Nhà nước bảo đảm cung cấp dịch vụ bảo trợ và an sinh cho các thành phần xã hội bị thiệt thòi. Nhà nước trách nhiệm những hoạt động kinh tế nào mà nếu hoàn toàn do tư nhân quản lý sản xuất kinh doanh thì sẽ không đáp ứng được yêu cầu của quần chúng, yêu cầu về phát triển bền vững Việt Nam. Nhà nước phải thẩm nhuần nhận thức "phát triển" thay vì tự giới hạn trong chức năng "quản lý" hẹp hòi, lạc hậu.

Về vai trò của doanh nghiệp nhà nước trong hệ thống kinh tế thị trường, quy tắc đầu tiên là chấm dứt mọi liên hệ giữa chức năng quản lý hành chính nhà nước với vai trò sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nhà nước. Quy chế của doanh nghiệp nhà nước không khác quy chế của doanh nghiệp tư nhân, ngoại trừ chế độ sở hữu công của doanh nghiệp nhà nước. Doanh nghiệp nhà nước cũng như tư nhân đều hoạt động theo các văn bản của pháp luật. Doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp tư nhân hoàn toàn bình đẳng về mọi phương diện, tín dụng, thuế khóa, lao động, v.v.

Hiện nay các cơ chế và thể chế là khâu thiếu sót và yếu kém nhất, vừa tương đối vừa tuyệt đối, trong các hệ

thống chính trị, kinh tế, xã hội, từ lãnh vực quản lý nhà nước tới tổ chức kinh tế tư nhân, xã hội dân sự. Giới lãnh đạo Việt Nam không phủ nhận thực tế này, nhưng chiến lược phát triển kinh tế xã hội 2001-2010 không đẩy mạnh xây dựng và hoàn thiện các cơ chế và thể chế. Yêu cầu phát triển bền vững đòi hỏi những cơ chế và thể chế phân định rành mạch chức năng, trách nhiệm, thẩm quyền của các ngành tư pháp, lập pháp, hành pháp cũng như nguyên tắc chỉ đạo nội bộ mỗi ngành. Bước đầu để đáp ứng yêu cầu về cơ chế và thể chế là dứt khoát thay thế các cơ chế và thể chế kế thừa từ hệ thống chính trị một đảng duy nhất cầm quyền và từ hệ thống kinh tế xã hội chủ nghĩa. Kế tiếp là xây dựng những cơ chế và thể chế mới công khai minh bạch có năng lực giải phóng nội lực kinh tế và xã hội Việt Nam.

Kinh tế không thể vững mạnh, xã hội không thể ổn định nếu một phần đáng kể quần chúng bị thiệt thòi, sống đói khổ. Bởi vậy, chiến lược phát triển bền vững kinh tế xã hội Việt Nam cần phải đặt phát triển nông thôn lên ưu tiên hàng đầu. Chương trình phát triển nông thôn, xóa đói giảm nghèo bắt buộc phải bao gồm nhiều phần, trong đó có nâng cao năng lực và hiệu suất nông nghiệp, đa dạng hóa nông nghiệp, mở mang các nghề phụ phi nông nghiệp, tăng cường tất cả các hoạt động tạo thu nhập cho nông dân. Nông thôn phải được đối xử công bằng, thụ hưởng cân xứng những lợi ích do phát triển kinh tế tạo ra. Cần phải hỗ trợ nông thôn tham gia đắc lực kinh tế thị trường, tạo điều kiện cho nông thôn tiếp cận một cách bình đẳng với các nguồn lực kinh tế, tài chính và xã hội. Đặc biệt, cần đáp ứng yêu cầu của nông thôn về tiếp cận với tín dụng, công nghệ mới, thông tin thị trường, tăng cường năng lực cạnh tranh, phát triển và quản lý.

Tri thức và công nghệ là những nhân tố góp phần nâng cao hiệu suất đầu tư, tạo ra tăng trưởng kinh tế và cải thiện đời sống của quần chúng. Kinh nghiệm phát triển của các nước tiên tiến trên thế giới cũng như của nhiều nước trong khu vực như Tân Gia Ba, Đài Loan, Hồng Kông, Đại Hàn cho thấy khu vực tư nhân, với tư cách là thành phần quản lý quốc gia, giữ một vai trò hết sức quan trọng trong công cuộc mở mang tri thức

và công nghệ, công nghiệp hóa và hiện đại hóa nền kinh tế quốc gia. Chiến lược phát triển bền vững Việt Nam cần dựa vào khu vực tư nhân để tiếp cận với tri thức và công nghệ mới, tiến tới thiết lập một nền kinh tế xã hội giàu mạnh.

Chiến lược phát triển bền vững Việt Nam sẽ thiếu hiệu lực, chỉ đạt được những thành tựu thấp kém nếu không có một hệ thống quản lý quốc gia tốt và hữu hiệu. Chiến lược cần phải xây dựng một hệ thống quản lý quốc gia gồm đủ ba thành phần bình đẳng là nhà nước, khu vực tư nhân và xã hội dân sự. Chiến lược phải cơ chế hóa và thể chế hóa sự hợp tác trao đổi giữa nhà nước, khu vực tư nhân và xã hội dân sự. Ngoài ra chiến lược cần phải đấu tranh bài trừ tham nhũng, tăng cường năng lực cũng như hiệu lực của hệ thống hành chính nhà nước. Sau cùng chiến lược phát triển Việt Nam cũng cần phải nhắm hội nhập thành công kinh tế Việt Nam vào tiến trình toàn cầu hóa. Công cuộc tiếp cận và trao đổi với kinh tế thế giới cần có tính cách toàn bộ bao gồm hàng hóa, dịch vụ, tư bản, thông tin, kỹ thuật, công nghệ, v.v. Hội nhập kinh tế thế giới của Việt Nam hiện nay không có ổn định. Những biểu hiện rõ ràng nhất là xuất khẩu của Việt Nam lên tới 44% GDP (mức trung bình là khoảng 25%-30%), 50% đầu tư nước ngoài ở Việt Nam thuộc những ngành sản xuất được bảo vệ bằng thuế quan lên tới 90%, mức độ đóng góp của đầu tư nước ngoài về chuyển giao công nghệ hầu như không đáng kể, v.v.

### **Đề đùng lãng phí năng lực phát triển**

Từ khi chính quyền Việt Nam mở cửa và đổi mới kinh tế tới nay, các chiến lược ổn định hoặc chính sách phát triển kinh tế xã hội luôn luôn và hoàn toàn thiếu nhận thức "phát triển", chỉ có chức năng "quản lý". Không những như vậy, sự quản lý này đã vô cùng lãng phí năng lực phát triển của đất nước. Mặc dù kinh tế xã hội Việt Nam đã có những bước tiến đáng kể, nhưng nét nổi bật nhất là những bước tiến này không bền vững. Dự thảo chiến lược phát triển kinh tế xã hội 2001-2010 còn bám víu vào hệ thống "kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa", vẫn thiếu sót nghiêm trọng về mặt thực hiện những cơ chế và thể chế thuận lợi cho "phát triển". Dự thảo chiến lược tiếp tục duy trì hệ

thống "quản lý" quốc gia với hệ thống chính trị một Đảng duy nhất, thiếu sự tham gia bình đẳng của khu vực tư nhân và xã hội dân sự. Những yếu kém này sẽ ảnh hưởng tiêu cực và cản trở rất nhiều việc thực hiện các mục tiêu của chiến lược phát triển 2001-2010.

**Nguyễn Ngọc Hiệp**

2-2001

(7) Báo cáo tổng hợp : đánh giá cải cách hành chính nhà nước, Ban Chỉ đạo Cải cách Hành chính, Hà Nội, 6-2000.

## **Tổ quốc Ân năn**

của Nguyễn Gia Kiểng

Một cuốn sách nhằm trả lời hai câu hỏi : Tại sao Việt Nam lại như hiện nay ? Phải làm gì để ra khỏi bế tắc và vươn lên ? Cuốn sách mở đầu bằng một quan sát mới về đất nước và con người Việt Nam, tiếp theo là một hành trình theo dòng lịch sử và một khảo sát về nền văn hóa và các giá trị nhào nặn con người Việt Nam. Phần cuối đề nghị một đồng thuận để làm lại đất nước.

- Tại Pháp : 200 FRF. Chi phiếu xin đề Nguyễn Gia Kiểng, 11 Mail Le Corbusier, 77185 Lognes

- Tại Đức : 60 DM. Chi phiếu xin đề Nguyễn Thanh Lương, Habsburgerallee 104, 60385 Frankfurt am Main, hoặc chuyển vào trương mục : Frankfurt Volksbank EG, Thanh Luong Nguyen, konto nr 00 77 70 82 94, Bankleitzahn 50 19 00 00

- Tại Hòa Lan : 70 NFL. Chi phiếu xin đề Trần Thị Mến, Braamlanden 76, 7542 CJ Enschede, hoặc chuyển vào trương mục : 0126440 (Postbank) của Trần Thị Mến, Enschede, phần ghi chú xin đề TQÃN.

- Tại Úc : 50 AUD. Chi phiếu xin đề Thu S. Duong và gửi về *Việt Luận Magazine*, P.O. Box 99, Bankstown NSW 1885.

- Tại Hoa Kỳ : 30 USD. Chi phiếu xin đề Dinh Quang Anh Thai, 12866 Main Street, Suite # 101, Garden Grove, CA 92840.

- Tại Anh : 20£. Chi phiếu xin đề Đoàn Xuân Kiên, 74 Swaffield Road, London SW 18 3 AE.

- Tại Canada : 45 CND. Chi phiếu xin đề That Thien Ton, 223 Britannia Road, Ottawa, ONT k2B 5X1.

# Thực chất việc đào tạo bậc đại học ở Việt Nam

Tôn Thất Long

Một vài hiện tượng về sự phân hóa và quy mô của hệ thống đào tạo ở bậc đại học Việt Nam, đặc biệt là của hệ đào tạo tại chức, đã được trình bày trước đây (*Sự phân hóa trong hệ thống đào tạo bậc đại học ở Việt Nam, Thông Luận* tháng 4-2001). Bài viết này đề cập tới một vài khía cạnh về thực chất của hệ đào tạo bình thường, tập trung dài hạn.

## Trình độ tổng quát của học viên trước khi được đào tạo

Khi mới bước vào ngưỡng cửa của các trường đại học, trình độ của sinh viên, vừa kết thúc bậc trung học phổ thông, đã là một trở ngại lớn cho các đào tạo chuyên môn ở bậc đại học. Trước năm 1975, khi chiến tranh chấm dứt, ở Việt Nam có hai hệ thống giáo dục phổ thông: miền Nam áp dụng hệ 12 năm với sự phân ban ở ba năm cuối, trong khi miền Bắc áp dụng hệ 10 năm không phân ban. Mãi cho tới năm 1979 cả hai miền mới thống nhất, trên nguyên tắc, tổ chức giáo dục phổ thông trên căn bản 12 năm với một chương trình duy nhất, không phân ban. Trong thực tế, ở miền Bắc vẫn tiến hành song song hai hệ thống phổ thông (10 và 12 năm), hệ 10 năm chỉ thực sự chấm dứt vào năm 1992. Sau Nghị định số 90/CP ngày 24-11-1993, sự phân ban lại được đặt ra ở ba năm cuối ở bậc phổ thông nhưng chỉ được áp dụng trên một số thí điểm (*Vấn đề phân ban ở phổ thông trung học, Thông Luận* tháng 2-2000). Cho đến niên khóa 1997-1998, đại đa số (trên 80%) vẫn áp dụng chương trình 12 năm không phân ban. Trong mùa hè 2000 vừa qua, khi có dịp tiếp xúc với một số giáo chức ở Việt Nam, tôi được biết rằng dự án cải tổ chương trình với sự phân ban ở trung học phổ thông vẫn chưa được áp dụng qui mô, ngay cả ở các thành phố lớn và có truyền thống văn hóa như Huế. Có dư luận là bộ còn đang do dự giữa hai giải pháp duy trì hay dẹp bỏ cải tổ này mà vẫn chưa có quyết định dứt khoát.

Lời trích dẫn sau đây cho ta thấy rõ trình độ này của bậc phổ thông đang

được áp dụng (2): "*Tuy rằng chương trình trung học từ năm học 1986-1987 có thay đổi đối với chương trình cải cách giáo dục trước đây nhưng sự cải cách cũng chỉ có tính cách chấp vá, nới dài của chương trình phổ thông 10 năm ở miền Bắc trước đây. Thực chất chương trình này không có gì mới và vẫn là tàn dư của chương trình 9 năm trong thời kháng Pháp [1945-1954] và chương trình 10 năm ở miền Bắc [trong thời kỳ 1960-1993] [...] Các chương trình này, cấp phổ thông chỉ có một hệ duy nhất, học sinh học xong lớp 12 thi lấy một chứng chỉ duy nhất [...] gọi là bằng Tốt nghiệp phổ thông trung học [...] Chương trình các môn vật lí, hóa học, ngoại ngữ, sinh vật được hạn chế đến mức tối đa, học sinh có học các môn này mà không có thi. Riêng môn ngoại ngữ, mỗi tuần chỉ có 3 tiết và trường nào không có giáo sư thì học sinh khỏi phải học [được bộ giáo dục cho phép]*".

## Các môn học bắt buộc trong chương trình cải cách sau thời đổi mới

Ở bậc đại học, mục tiêu chính của các cải tổ sau thời đổi mới là chia các hệ đào tạo ở bậc đại học thành hai giai đoạn, giai đoạn đầu đào tạo các kiến thức tổng quát, đa dạng, liên ngành, v.v. trong mục tiêu tạo điều kiện để các chuyên viên tương lai dễ dàng thích ứng với các phát triển đa dạng của khoa học kỹ thuật. Các đào tạo chuyên môn thật sự chỉ được thực hiện trong giai đoạn hai.

Khi đưa ra thực hiện thì giai đoạn đầu trở thành một loại bỏ tước trình độ thấp kém ở trung học phổ thông. Các môn học quá nhiều, không đủ để đề cập tới một khía cạnh chuyên môn nào hay các khía cạnh đào tạo liên ngành. Thêm vào đó, các môn học chính trị vẫn còn chiếm một phần quan trọng trong thời gian đào tạo. "*Quy định về kiến thức giáo dục đại cương tối thiểu cho chương trình đại học*" do bộ giáo dục và đào tạo ban hành vào cuối năm 1993 còn xác định rõ, trong số 90 đơn vị học trình của hai năm đầu đại học, sinh viên các ngành khoa học tự nhiên và kỹ thuật

phải học 23 đơn vị về "*khoa học xã hội và nhân văn theo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin*" và 10 đơn vị về "*kinh tế và triết học Mác-Lênin*". Đó là những môn học mà, trên thực tế, "thầy chẳng muốn giảng và trò chẳng còn nghe" nhưng vẫn luôn luôn hiện hữu.

Đoạn trích dẫn sau còn nói rõ hơn nữa thực chất của chương trình cải cách đại học mới nhất được áp dụng từ niên khóa 1994-1995(2): "*Chương trình giai đoạn một là một mớ òm đồm giàu lượng mà thiếu chất. Thí dụ như khoa văn gồm các môn lịch sử văn minh, thẩm mỹ học, triết học [Mác-Lênin], lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, kinh tế học, tin học, nghệ thuật, truyền thông học. Trong khi đó môn chính như ngành Văn học thì chỉ có 25 tiết văn học Việt Nam dạy về 7 thế kỉ [X-XVII]. Chương trình mới xem qua thì òm đồm mà thực chất giáo sư vẫn phải sử dụng giáo trình đã in cách đây hơn 30 năm tại Hà Nội! Các giảng viên, dù các khả năng vẫn phải dạy theo đúng giáo trình của bộ giáo dục đã qui định [vì giáo trình của bộ là pháp lệnh của nhà nước] không một ai được giảng khác giáo trình pháp lệnh ấy". Các lời trích dẫn này cũng nêu rõ một sai lầm căn bản trong ngành giáo dục: Các biện pháp duy trì sự thống nhất về giáo trình và giáo án, xuất phát từ nguyên tắc Đảng lãnh đạo trí thức, tiếp tục biến các người làm công tác giáo dục thành các "máy giảng bài tự động" theo các "sách giáo khoa quốc doanh" đã được biên soạn sẵn, làm cho các nhà giáo mất hết nhân cách và tinh thần trách nhiệm, ... làm cho trình độ các giáo chức không phát triển được, làm cho ngành giáo dục phân hóa, đình trệ và ngày càng trở nên lạc hậu ... Tài liệu trên còn nêu rõ hơn nữa mục tiêu của các môn chính trị trong quá trình đào tạo ở bậc đại học: "*Chương trình học (của khoa văn) nặng về chính trị. Môn chính trị, sinh viên học các môn này trong suốt 4 năm với 280 tiết, ngang với môn Văn học Việt Nam, mà Văn học Việt Nam càng nhấn mạnh đến khía cạnh chính trị này!. Bên ngành khoa học tự nhiên cũng vậy,**

chương trình cải cách bắt đầu thực thi trong niên khóa 1991-1992 môn chính trị lại tăng lên đến 340 tiết [...] Sang giai đoạn hai (năm 3 và 4) sinh viên chỉ học chuyên đề, cuối năm thứ 4 sinh viên sẽ được thi tốt nghiệp. Trước năm 1992, trong kỳ thi tốt nghiệp môn thi bắt buộc là môn chính trị, sinh viên hồng môn này coi như hồng tất cả các môn khác. Sau năm 1992, môn chính trị không còn gọi là môn bắt buộc nữa mà thay bằng một danh từ khác, với một danh xưng mới "thi điều kiện", mà hệ số lại rất cao, tức thí sinh nào có điều kiện đã đỗ môn chính trị rồi mới được thi môn chính của mình đang theo học. Như vậy thực chất môn chính trị vẫn là môn bắt buộc, nay chỉ đổi cách xưng hô mà thôi". Hiện nay quy trình đào tạo hai giai đoạn đã bị đình chỉ, các sinh viên được trao lại cho các trường chuyên ngành như trước nhưng, dưới áp lực của các phần tử bảo thủ của chế độ, các môn học về triết lý Mác-Lênin và lịch sử Đảng vẫn tồn tại trong chương trình đào tạo, nội dung các đào tạo chuyên môn ở bậc đại học bình thường vẫn rất sơ lược.

### Hậu quả của các tiêu chuẩn tuyển học viên

Một khía cạnh căn bản khác, có thể gọi là một tai ương số một cho xã hội Việt Nam là sự duy trì các chính sách và các biện pháp về các đối tượng lý lịch trong các đào tạo.

Trước đây có 13 đối tượng lý lịch, năm 1993 còn lại 9, mỗi đối tượng lý lịch áp dụng một điều kiện tuyển sinh riêng biệt và những tiêu chuẩn kiểm tra kiến thức riêng biệt trong suốt thời gian đào tạo. Mặc dầu đã có sự nói lỏng về lý lịch lúc tuyển sinh nhưng vấn đề này lại được đặt ra dưới các hình thức khác, gay gắt hơn nhiều, trong quá trình đào tạo với các môn học chính trị và nhất là khi muốn được bổ dụng lúc tốt nghiệp hay khi muốn tiếp tục được đào tạo ở bậc sau đại học (2) : "Sinh viên tốt nghiệp sẽ được nhà nước trả về nguyên quán, nơi có hộ khẩu thường trú trước khi nhập học và, tùy theo nhu cầu địa phương, mới được sắp xếp nơi làm việc. Nhưng việc bổ dụng này còn tùy theo lý lịch, tình cảm đối với Ban giáo dục chuyên nghiệp từng tỉnh [...] rồi sau đó mới được cơ quan chọn cho đi học thạc sĩ".

Một ví dụ phổ biến là trường hợp đào tạo các y sĩ (3) : "Thời gian đào tạo y khoa quá dài, phí tổn đào tạo quá cao mà các điều kiện khác còn nản lòng các học viên. Khi hết học trình, các y sĩ tương lai bắt buộc phải tập sự và làm việc 5 năm trong các bệnh viện công cộng với một tiền lương không đáng kể. Không những vậy mà số chỗ thực tập lại rất hạn hẹp, danh sách chờ đợi rất dài. Các sinh viên xuất phát từ tầng lớp "đại chúng" không có các điểm tựa trên các cán bộ đương chức cao cấp khó có thể tìm được một nơi làm thực tập, thường phải từ bỏ học. Con em của các tầng lớp quân đội và công chức trong chế độ cũ miền Nam không hy vọng gì tìm được chỗ thực tập vì lý lịch xấu và trở thành thất nghiệp. Một cán bộ cao cấp, khi công cán ở Paris, cho biết năm 1993 có 400 y sĩ trẻ thất nghiệp ở Thành phố Hồ Chí Minh và hiện nay hàng năm cũng như vậy". Nói chung, các chính sách này nhằm loại trừ những thành phần bất lợi cho chế độ vẫn được áp dụng và đưa đến một hậu quả trầm trọng là đã chỉ đào tạo ra một tầng lớp cán bộ không có khả năng nhưng lại nắm giữ mọi quyền lực trong mọi cơ cấu chính quyền.

### Tình trạng chung về các đại học ở Việt Nam

Khi xét đến thực chất của hệ thống đào tạo đại học ở Việt Nam, có ba yếu tố chính mà ta cần xem xét. Đó là tình trạng của đội ngũ cán bộ giảng dạy, các cơ sở vật chất giảng dạy và chất lượng của các sản phẩm đã được đào tạo. Trước thời đổi mới, vấn đề đã được đặt ra một cách trầm trọng, các giáo chức phần lớn được đào tạo trong hệ thống xã hội Đông Âu trong một số ngành lý thuyết, không thích hợp các phát triển của khoa học kỹ thuật hiện đại.

Các số thống kê cho thấy, trong suốt một thời gian dài kể từ sau thời đổi mới, tổng số cán bộ giảng dạy gần như không thay đổi trong khi tổng số sinh viên trong thời gian này gia tăng ba lần. Khó khăn thứ nhất hiện nay của các đại học Việt Nam là tình trạng thiếu các cán bộ giảng dạy và nhất là các chuyên viên khoa học đầu đàn. Thống kê cho biết 90% cán bộ giảng dạy đã ở trên lứa tuổi 50, đội ngũ từ 30-40 tuổi hầu như không

được đào tạo sau đại học, các cán bộ có trình độ sau đại học phần đông bỏ đi Phi châu kiếm sống. Sau nữa, chương trình giảng dạy lỗi thời, không thích hợp với các đòi hỏi của các xí nghiệp ngoại quốc được thành lập sau thời đổi mới.

Trích dẫn sau đây nêu rõ các vấn đề (4) : "Về đội ngũ cán bộ giảng dạy, tỷ lệ bình quân sinh viên/giáo viên hiện nay [niên khóa 1997-1998] là 26,50. Ở một số trường không ít, tỷ lệ này đã lên tới 50, có lúc có nơi tới 80, thậm chí 100 [...] đứng hàng cao nhất khu vực và thế giới!. Đội ngũ giáo viên còn đang thiếu cả về số lượng lẫn chất lượng. Trong số 22544 cán bộ giảng dạy, chỉ có 7,04% là giáo sư và phó giáo sư, 14,86% có trình độ trên đại học, còn lại là 67,14% chỉ có trình độ đại học và cao đẳng. Đội ngũ này bị biến thành thợ dạy [...] Việc nghiên cứu khoa học, tự học, đọc sách trong điều kiện hiện nay đang còn rất nhiều khó khăn [...] Đội ngũ cán bộ đầu đàn thì do tuổi tác cao đang chuẩn bị về hưu, nhưng vẫn chưa có lớp trẻ đủ trình độ thay thế [...] Về sách giáo khoa, điều kiện tối thiểu cho việc đào tạo là có một bộ sách giáo khoa chuẩn mực, chưa kể đến hàng loạt những tài liệu giáo trình đủ loại để tham khảo. Rất tiếc là sau 10 năm đổi mới, bộ sách như vậy chưa có, vẫn chỉ là một kỳ vọng của các trường đại học và các thể hệ sinh viên. Sở dĩ như vậy là vì nhiều lần chúng ta đã chia lại khối lượng kiến thức giữa phổ thông, đại học và cao học, cũng như thời gian dạy và học [...] càng điều chỉnh, càng đổi mới thì nội dung chương trình càng hỗn loạn, dẫn đến kết quả là không có sách. Hiện trạng ai biết gì dạy nấy không phải là hiếm, thậm chí cả những trung tâm đại học lớn như đại học quốc gia thì quả là khó bàn tới chất lượng đào tạo! Tại sao?. Việc ghép hơn 140 ngành nghề khác nhau vào 7 nhóm ngành, với ý đồ đào tạo đỡ tốn kém hơn và liên thông [...] dẫn đến làm rỗng khối kiến thức cơ bản và cơ sở [...] Về qui mô và hiệu quả, việc mở rộng qui mô đào tạo không tính đến điều kiện kinh tế cụ thể của xã hội đã làm mất cân đối nghiêm trọng cơ cấu ngành nghề. Số sinh viên khối ngành kinh tế chiếm 38,25%, khối ngành khoa học xã hội chiếm 32,99%, ngành kỹ thuật 14,33%, khối ngành khoa học cơ bản là 3,5%. Số

công nhân lành nghề, cán bộ kỹ thuật, kỹ sư, phó tiến sĩ đã được đào tạo theo mẫu "hình nón đảo ngược" (đào tạo cán bộ trung cấp ít, đào tạo kỹ sư và trình độ sau đại học quá nhiều). Lãng phí chất xám đang trở nên phổ biến. Theo kết quả điều tra lao động năm 1996, số không có việc làm đội ngũ này là 30989 người, trong đó có tới 22,9% trong lực lượng có trình độ kỹ thuật và người có trình độ đại học không có việc làm thực tế lớn hơn nhiều đối với công nhân kỹ thuật. Nghiêm trọng hơn, số người không việc làm tập trung chủ yếu vào các nhóm trẻ: 30,4% (nhóm 24-34 tuổi), 41,04% (35-44 tuổi), hầu hết ở khu thành thị (91%)".

Về tình trạng của đội ngũ các cán bộ giảng dạy, ta có thể đọc (4): "Hiện tượng lập các khoa theo "mốt", đào tạo theo khung chương trình mà thiếu đội ngũ giảng dạy ngày càng lan rộng và có hiệu quả xấu. Có khoa chưa đến chục cán bộ giảng dạy trong thời gian dài thường xuyên có hàng ngàn sinh viên [...] Đánh giá công tác phong học hàm trong 10 năm đổi mới vừa qua là một công việc không dễ dàng. Chúng ta đánh giá như thế nào khi Nhà nước có thêm một số lượng lớn (597 giáo sư và 2270 phó giáo sư) người được phong nhưng đến nay có thể nói hầu như không có một bộ môn nào, một khoa nào có được một bộ sách giáo khoa chuẩn của quốc gia, chứ chưa nói đến tiêu chuẩn quốc tế. Sách vở giáo trình thiếu một cách trầm trọng, từ năm thứ ba, sinh viên hầu như không có sách [...] Thư viện nhiều trường chỉ đảm bảo 10% nhu cầu của sinh viên. Trong khi đó thì số lượng bằng phó tiến sĩ của cả nước đã đến con số gần vạn, còn số lượng người được phong học hàm giáo sư, phó giáo sư những đợt vừa qua cũng đã có con số hàng nghìn".

Về hiện trạng và các liên hệ giữa công việc giảng dạy và nghiên cứu khoa học (4): "Do nhiều nguyên nhân khác nhau, tỷ lệ cán bộ giảng dạy đại học tham gia nghiên cứu khoa học nói chung còn ít. Điều đó ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng công tác đào tạo. Nhiều thầy giáo không có điều kiện tiếp cận những thành tựu mới của khoa học kỹ thuật dẫn đến tình trạng giáo trình ít được cải tiến [...] Mặt khác, tỷ lệ cán bộ nghiên cứu

trực tiếp tham gia công tác đào tạo cũng rất ít. Cán bộ nghiên cứu do đó mất đi một môi trường quan trọng là lớp trẻ [...] sự xuống cấp và lão hóa của đội ngũ nghiên cứu là không thể tránh khỏi. Cả hai mặt trên gây nên tình trạng lãng phí chất xám của đội ngũ cán bộ khoa học [...] không giúp xây dựng một đội ngũ kế cận mong muốn. Trong khi đó, cán bộ nghiên cứu, nhiều cơ sở giáo dục và đào tạo cứ phải triền miên ở trong tình trạng không ổn định bởi quá trình "kiện toàn cơ cấu tổ chức", nghĩa là "tách tách, nhập nhập" diễn ra không ngớt [...] Việc nghiên cứu khoa học có tính manh mún, tự phát. Cán bộ có chất lượng chuyên môn và đạo đức kém thì cái danh lại cao. Nhà nước lại muốn có nhiều công trình khoa học. Do vậy công trình dorm ngày càng nhiều, các đề tài nghiên cứu khoa học làm nghèo nhà nước hơn là đem lại lợi ích ... Vì vậy đầu tư của nhà nước ngày càng tăng nhưng hiệu quả thấp. Thường khoa học chỉ để báo cáo mà không có giá trị thực tiễn dù luôn được giải thích là có ý nghĩa thực tiễn cao".

Với thời đổi mới và sự xuất hiện của các xí nghiệp ngoại quốc, các đại học công và hầu hết các đại học tư đều hướng về các đào tạo gắn liền với nền kinh tế thị trường. Nhiều môn học mới liên quan tới các phát triển kinh tế như quản trị xí nghiệp, tin học, tài chính, kế toán, ngân hàng, ngoại thương, quản lý thị trường, du lịch, ngoại ngữ, luật, kỹ thuật ... được đưa vào chương trình giảng dạy và làm cho số sinh viên các đại học kinh tế và đại học luật tăng lên mau chóng để đạt đến điểm cao nhất vào niên khóa 1997-1998, rồi bắt đầu giảm dần vì sự suy giảm của các đầu tư ngoại quốc, nhiều xí nghiệp công và tư bị đóng cửa và vì cơn khủng hoảng kinh tế chung trong vùng châu Á. Báo Tuổi trẻ, ngày 6-3-1999 cho biết trong niên khóa 1997-1998 ở Sài Gòn, Đại học Kinh tế đã thu nhận (hệ chính qui) 6500 sinh viên, Đại học Luật, 1500 và Đại học Kỹ thuật, 1500. Trong niên khóa 1998-1999, các số tuyển sinh tương ứng là 5000, 1500 và 2000. Ngược lại, trong các ngành thông thường như y, dược, nông nghiệp, giáo dục, khoa học cơ bản, v.v., số sinh viên tham dự các kỳ thi tuyển giảm dần, nhiều trường phải

áp dụng các biện pháp hạ thấp trình độ tuyển sinh.

Tình trạng khan hiếm các giáo chức đại học ngày càng trầm trọng kể từ khi các đại học dần lập được phép hoạt động mặc dầu việc này cải tiến một phần nào đời sống vật chất của tầng lớp giáo chức. Tuy được gọi là đại học dân lập, độc lập về tài chính, nhưng trên thực tế đa số thành viên các ban quản trị các trường này đều là các đảng viên của Đảng Cộng sản Việt Nam đương chức trong các đại học công. Theo thống kê chính thức, các đại học tư có vào khoảng 3000 giáo chức mà phần lớn (70%) là các cán bộ đương chức ở các đại học công. Một số các giáo chức các đại học dân lập được đào tạo tại các quốc gia phát triển Tây Âu, rất được trọng dụng, có người phụ trách đến 1000 giờ giảng dạy hàng năm. Sinh hoạt của các đại học này được giới hạn trong một số lãnh vực như kinh tế, luật, quản trị xí nghiệp, tin học, ... liên quan tới nền kinh tế thị trường và cung cấp phần lớn nguồn nhân lực cho các xí nghiệp ngoại quốc.

### **Những sai lầm căn bản trong hệ thống đào tạo hiện nay**

Qua các dữ kiện trên đây, ta có thể đưa ra sau đây ba nhận xét để từ đó xác định các sai lầm trong hệ thống đào tạo bậc đại học hiện nay ở Việt Nam và tìm cách cải tiến dần dần.

Trước tiên, muốn đặt vấn đề một cách chính xác, ta phải xét lại các sản phẩm và mục tiêu của bậc trung học phổ thông vì đó là nguồn tuyển sinh chính của các đại học. Mục tiêu và trình độ đào tạo bậc đại học phải lấy căn bản từ đó. Nhận xét thứ nhất là, khi tốt nghiệp trung học phổ thông, các học sinh đã đến tuổi trưởng thành và được chính thức nhận lãnh mọi quyền của người công dân bình thường, nhất là trong lãnh vực văn hóa chính trị. Nói một cách khác, trên nguyên tắc, khi chấm dứt cấp trung học phổ thông, học sinh đã phải được hoàn tất các đào tạo văn hóa tổng quát để bước qua một giai đoạn mới: Đào tạo con người trên lãnh vực chuyên môn nghề nghiệp ... Như vậy, ta có thể quan niệm "mục tiêu căn bản của bậc trung học phổ thông là đào tạo con người trên lãnh vực văn hóa, giúp con người thấu hiểu những điều cơ bản nhất về môi trường

của cuộc sống cụ thể, trên cả hai khía cạnh, về môi trường thiên nhiên (liên hệ tới các khoa học chính xác và sự cấu tạo của vũ trụ) cũng như về môi trường xã hội (với các khoa học liên quan tới các cơ cấu tổ chức của các xã hội loài người)". Sự kiện thành lập giai đoạn đại học đại cương trong thời gian qua và sự hiện diện của các môn chính trị trong các đào tạo ở cấp đại học chứng tỏ rằng các mục tiêu nêu ra trên đây đã chưa đạt được ở cấp trung học phổ thông, ngay cả trong lãnh vực văn hóa chính trị. Vì vậy điều trước tiên phải làm là cải tổ bậc trung học phổ thông. Đó là một điểm mấu chốt định giới hạn giữa hai thời kỳ đào tạo và là nhận xét căn bản để giải quyết từ từ mọi vấn đề khó khăn trong hệ thống đào tạo đại học hiện nay.

Nhận xét thứ hai là phải giải tỏa cho hệ thống đào tạo đại học các liên hệ về ý thức hệ chính trị. Hiển nhiên, khi con người đã đạt đến tuổi trưởng thành thì "mọi mưu toan cưỡng bức làm thay đổi lập trường chính trị sau lứa tuổi này là trái với quyền công dân và không thể chấp nhận được". Các môn học với mục tiêu làm thay đổi lập trường chính trị là một điều vô vọng, các chính sách về lý lịch và ý thức hệ chỉ làm tăng sự hiềm khích giữa các tầng lớp và tạo sự bất ổn định trong xã hội. Như vậy, mục tiêu căn bản ở bậc đại học chỉ có thể là "đào tạo con người trên lãnh vực chuyên môn nghề nghiệp, giúp cho mỗi thành viên trong xã hội tìm được một chỗ đứng tương xứng với khả năng của mình trong sự phân công lao động, điều hòa cuộc sống chung". Vì vậy, các kiến thức đào tạo ở bậc đại học phải là những kiến thức kỹ thuật chuyên môn nghề nghiệp, độc lập với mọi lựa chọn về ý thức hệ. Mọi tiêu chuẩn tuyển chọn và kiểm tra kiến thức phải dựa trên khả năng và trình độ chuyên môn của các học viên. Có như vậy mới đào tạo được những lớp người hữu ích, tránh cho xã hội các lãng phí về thời gian cũng như về tài nguyên. Các nhận xét này cũng phải được áp dụng vào mọi hình thức đào tạo khác để tránh các bất công trong xã hội.

Nhận xét thứ ba muốn đề cập tới các quy mô đào tạo ở bậc đại học. Xây dựng một hệ thống đào tạo hiển nhiên là một công cuộc khó khăn, cần có thời gian để cải tiến cho thích hợp với các điều kiện

phát triển cụ thể. Nhất là trong lãnh vực truyền đạt kiến thức, mọi đào tạo phải có một căn bản thực dụng rõ rệt, không thể mở rộng bừa bãi các hình thức đào tạo khi chưa hội đủ các điều kiện chuyên môn cho đội ngũ cán bộ giảng dạy, khi người được đào tạo không đủ khả năng để tiếp nhận những kiến thức mới cũng như khi chưa có các phương tiện vật chất thích đáng để thực hiện, tránh mọi hình thức phô trương lực lượng bên ngoài. Vì vậy, mục tiêu của các hình thức đào tạo không chính qui như hiện nay cần phải được xét lại. Các đại học phải là nơi đào tạo các kiến thức chuyên môn thực tiễn để thúc đẩy các phát triển, không phải là nơi cấp phát các học vị để hợp thức hóa vai trò độc quyền của thành phần đang nắm giữ quyền lực xã hội. Một trong các căn bệnh trầm trọng khác ở bậc đại học Việt Nam không những là sự hiện diện quá nhiều về số lượng đào tạo không chính qui mà còn là sự phân tán của số quá ít cán bộ chuyên viên trong quá nhiều cơ sở (trường, khoa, tổ bộ môn, v.v.) đại học. Tất cả các hiện tượng này đã chỉ thổi phồng các số lượng thống kê trong khi thực chất của hệ thống vẫn luôn luôn ở trong một tình trạng báo động.

#### Tôn Thất Long

- (1) *50 năm phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo (1945-1995)*, Nhà Xuất bản Giáo dục. Hà Nội, 1995.
- (2) *Khoa cử và giáo dục Việt Nam*, Nguyễn Quốc Thắng, Nhà Xuất bản Văn hóa, Hà Nội, 1998.
- (3) *Education et formation professionnelle au Vietnam par Lâm Thanh Liêm et Jean Mais, Eglise d'Asie*, n°4, 2000, Paris.
- (4) *Kỷ yếu hội thảo khoa học*, Hội Khuyến Học Việt Nam, Hà Nội, 1998.

(tiếp theo trang 6)

bạo của ông cha ta và lời dạy của Bác Hồ với nhân dân phải kính trọng lễ phép họ cũng quên sao ?

Sáng ngày 9-5, một phóng viên nước ngoài gọi điện thoại hỏi thăm tôi và ông Vũ Cao Quận. Khi họ ngỡ ý muốn được phỏng vấn để loan tải cho cả thế giới cùng biết, tôi đã trả lời Vũ Cao Quận đã được trả tự do và việc bắt Vũ Cao Quận là chuyện nội bộ của đất nước tôi. Tuy nhiên, tôi không thể đồng ý với bà Phan Thúy Thanh, phát ngôn viên bộ ngoại giao khi trả lời các tổ chức quốc tế đã không những chối mà còn phê phán và lên án các tổ chức quốc tế. Thái độ vừa đối trá vừa đánh đá như vậy hoàn toàn bất lợi về mặt ngoại giao. Chẳng trách gì ta có nhiều kẻ thù và luôn luôn phải tính chuyện đối phó. Khác hẳn với thời Bác Hồ còn sống !

Dẫu sao, lệnh trả tự do ngay cho cựu chiến binh yêu nước Vũ Cao Quận cũng là một biểu hiện đổi mới tích cực và rất đúng đắn.

Một lần nữa xin hoan nghênh tân tổng bí thư Nông Đức Mạnh và trông chờ tổng bí thư tiếp tục có những việc làm hợp tình hợp lý để lấy lại lòng tin của nhân dân và của quốc tế vào chế độ ta và Đảng ta.

**Trần Dũng Tiến**

15-5-2001

Địa chỉ : 12 ngõ 95 phố Cự Lộc  
Thượng Đình - Thanh Xuân - Hà Nội  
Điện thoại : 84 4 586 321

(\*) Trong bài này, tác giả kêu gọi tân tổng bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam hãy đừng khai trương chức vụ mới của mình bằng một hành động bỉ ổi, tức bắt giam Vũ Cao Quận.

### **Giới thiệu sách : *Binh biến 11-11-1960***

*Khởi điểm một hành trình...*

Hồi ký chính trị của Vương Văn Đông

Trích lời tựa của Trần Thanh Hiệp: "Đọc *Binh Biến 11-11-60*, hiểu rõ thêm cường độ của thảm kịch đất nước, hiểu thấu nỗi u uất của những thế hệ đã bị hy sinh oan uổng trong thảm kịch ấy. Hiểu, không vì tác giả mà để hội nhập vào dòng suy nghĩ đã tự giải phóng khỏi những vong thân vì chiến tranh ủy nhiệm, cũng như chiến tranh ý hệ, từ đó đối chiếu quan điểm, chọn lựa thái độ mà hành động cho tương lai chung".

Sách dày 372 trang, giá 150 FF + 20 FF (cước phí gửi)

Xin hỏi tòa soạn *Thông Luận*

# "Tôn Tử binh pháp" và "Tôn Tần binh pháp"

Nguyễn Phi Phụng

Khi nói đến nghệ thuật chiến tranh, Đông và Tây thường hay nhắc tới hai nhân tài quân sự Tôn Tử (Sun Zi, Sun Tzu) hay Tôn Vũ (Sun Wu) và Clausewitz, dù hai người sinh ra cách nhau đến 23-24 thế kỷ. Không chắc Clausewitz (1780-1831), một tướng người Phổ (*Prusse*) nay là nước Đức, có đọc *Tôn Tử binh pháp* vì bản dịch do ông J.J.M. Amiot, một giáo sĩ người Pháp sống nhiều năm ở Trung Quốc cho xuất bản năm 1772 ở Paris và chỉ được dịch ra tiếng Đức năm 1910.

Người Việt Nam chúng ta, ai cũng có đọc qua bộ tiểu thuyết Đông châu Liệt quốc của tác giả Phùng Mộng Long và đều biết hai thiên tài quân sự Tôn Tử và Tôn Tần (Sun Bin) qua hai câu chuyện. Chuyện Tôn Tử cho chém hai ái thiếp của Ngô Hạp Lư để làm gương vì hai người này không nghe lệnh truyền quân của Tôn Tử và chuyện Tôn Tần bị bạn Bàng Quyên (Pang Juan) phản, phải giả điên và cuối cùng Bàng Quyên phải tử vong vì Tôn Tần ở trận "điên đảo bát môn". Đây là hai câu chuyện được tiểu thuyết hóa nhưng cơ bản có thực.

Trong một thời gian dài, một cuộc tranh luận giữa các sử gia Trung Quốc về sự chính xác của *Tôn Tử binh pháp* và *Tôn Tần binh pháp*. Một số sử gia cho *Tôn Tử binh pháp* không phải do Tôn Tử viết mà do một người khác viết vào thời Chiến Quốc trong khi một số sử gia khác thì nói Tôn Tử và Tôn Tần là một, dù hai người sinh ra có khoảng cách đến 160 năm. Tôn Tử sinh ra thời Xuân Thu, 770-481 trước công nguyên (TCN), cách đây ngoài 2500 năm cùng lúc với Khổng Tử (551-479) và Tôn Tần vào thời Chiến Quốc (481-221), đồng môn với Mạnh Kha hay Mạnh Tử (373-289), cách đây 2350 năm TCN. Hai người cùng sinh ở nước Tề và Tôn Tần là cháu của Tôn Tử.

Phải đợi tới tháng 4-1972, các nhà khảo cổ Trung Quốc mới tìm ra trong một cái mộ thuộc thời Tây Hán của Lưu Bang (206 TCN - 24 SCN) ở Ngán Tước Sơn (Yin Que Shan) thuộc huyện Lâm Nghi (Lin Yi) tỉnh Sơn Đông, cách

Khúc Phụ (Qu Fu), nơi Khổng Tử sinh ra về phía đông độ 200 cây số, hai binh pháp của Tôn Tử và Tôn Tần viết trên các lát tre. Với thời gian, những lát tre này bị hư hỏng nhiều và một số chữ đã mất đi. Các sử gia Trung Quốc dù phải mất mấy chục năm để tu bổ nhưng vẫn chưa tìm thấy đầy đủ. Trước đó, quyển *Tôn Tử binh pháp* đã được người ngoại quốc biết đến. Bản *Tôn Tử binh pháp* được đưa vào Nhật vào thế kỷ thứ 8. Một bản được người Nga dịch ra lần đầu tiên vào năm 1680 rồi sau đó có thêm các bản dịch tiếng Pháp (1772), tiếng Anh (1905) và tiếng Đức (1910). Trái lại, quyển *Tôn Tần binh pháp* chưa bao giờ xuất bản ra ngoài nước trước năm 1972. Nhà xuất bản Văn hóa Trung Quốc đã cho xuất bản hai lần 1975 và 1985 quyển *Tôn Tần binh pháp* bằng tiếng Hán hiện đại vì bản viết nguyên thủy viết bằng tiếng Hán cổ điển. Năm 1994, nhà xuất bản Trung Quốc Nhân dân cho in lại hai bản binh pháp có sửa chữa bằng tiếng Hán (cổ điển và hiện đại) và tiếng Pháp (có thể có nhiều tiếng khác). Chúng tôi dựa trên tư liệu này và một số tư liệu khác để trình bày và cống hiến độc giả về *Tôn Tử binh pháp* trong số này. Vì lý do kỹ thuật, *Tôn Tần binh pháp* sẽ được trình bày vào các số tới.

## Tranh luận về Tôn Tử (Tôn Vũ) binh pháp

Sử gia Tư Mã Thiên (Si Ma Qian, 145-85 TCN) trước công nguyên viết Tôn Vũ là người nước Tề và đã cống hiến quyển binh pháp của ông cho Hạp Lư vua nước Ngô vào cuối thời Xuân Thu. Nhưng một số học giả Trung Quốc, trong nhiều thế kỷ, vẫn còn đặt nhiều nghi vấn. Người đầu tiên chỉ trích Tư Mã Thiên là một người họ Diệp đời bắc Tống (thế kỷ 11). Ông Diệp cho quyển Tôn Vũ binh pháp chỉ được sáng tác vào thời kỳ Chiến Quốc. Ông dẫn chứng là tên Tôn Vũ không được nói tới trong tập sử biên niên Xuân Thu (còn gọi là tả truyện) của Tả Khâu Minh (Zuo Qiu Ming), một sử gia nước Lỗ ( ghi chép sự việc từ năm 722 đến năm 468 TCN) và

ông nói thêm là vào thời Xuân Thu quân đội đều do vua hay các con cháu vua thống lãnh, khác với thời kỳ Chiến Quốc. Ông Mai Nghiêu Thần (Mei Yao Chen, 1002-1060) thuộc viện Hàn lâm đời bắc Tống cho quyển binh pháp Tôn Vũ là một tập lý thuyết viết vào thời Chiến Quốc. Còn ông Diêu Tế Hằng (Yao Ji Heng), một binh luận gia sinh năm 1647 đời Thanh đặt hai nghi vấn về sự chính xác về Tôn Vũ. Cùng như họ Diệp đã chứng minh trước đây, ông nói tên Tôn Vũ không được nhắc tới trong tập sử của Tả Khâu Minh và nếu quả thật Tôn Vũ đã giúp Hạp Lư chiếm thủ đô Dinh của Sở năm 506 thì tại sao họ Tả không biết? Ông Diêu Nại (Yao Nai, 1732-1815) chấp nhận Tôn Vũ có thể đến hoặc sống ở nước Ngô, tuy nhiên quyển *Tôn Tử binh pháp* không phải của ông mà được viết vào thời Chiến Quốc. Tống Liêm (Song Lian), một sử gia đời Tống, cho Tôn Vũ có thật như trong quyển sử ký của Tư Mã Thiên đã nói đến. Bằng chứng là trong hai chương *Tôn Tử binh pháp* (chương VI và chương XI) có nói đến hai nước Ngô và Việt. Các sử gia hay các triết gia hiện đại vào cuối thế kỷ 19 hoặc đầu thế kỷ 20 như Lương Khải Siêu, Phùng Hữu Lan, cũng không quả quyết là quyển *Tôn Tử binh pháp* viết vào thời Xuân Thu. Họ Lương cho những sơ đồ chiến tranh, những chiến thuật và kế hoạch giao tranh của quyển binh pháp không thể đem áp dụng vào thời Xuân Thu. Phùng Hữu Lan trích dẫn sử gia thế kỷ 18, ông Chương Học Thành (Zhang Xue Cheng, 1738-1801) nói không ai viết sách với tư cách cá nhân vào thời đó.

Việc tìm ra hai bộ binh pháp trong một mộ vào đời tây Hán như đã nói trên chỉ chứng minh hai quyển binh pháp do hai người viết nhưng không chứng minh được quyển *Tôn Tử binh pháp* viết vào thời Xuân Thu. Lại nữa, chương 13 của *Tôn Tử binh pháp* có nói về cách sử dụng những người làm gián điệp trong khi phương thức này chỉ có vào thời Chiến Quốc (xem trường hợp của Tô

Tần - Su Qin -, người đồng môn của Tôn Tần).

### Bối cảnh của lịch sử đương thời

Thời Xuân Thu và Chiến Quốc trước công nguyên là thời kỳ vô cùng loạn lạc và cũng là thời kỳ sinh ra nhiều tư tưởng gia lớn của Trung Quốc như Khổng Khâu (Kong Qiu, 551-479), Mặc Dịch (Mo Ti, 479-381), Mạnh Kha (Meng Ke, 371-289), Trang Châu (Zhuang Zhou, 369-286), Tuân Huống (Xun Kuang, 315-236), Hàn Phi (Han Fei, 280-233). Riêng Lão Tử hay Lão Đam sinh vào cuối thời Xuân Thu còn thuộc về truyền thuyết mặc dù có nhiều sách viết về Lão Tử.

Trước thời Xuân Thu, nhà Châu (Zhou hay Tcheou) được chia ra hai thời kỳ. Thời kỳ thứ nhất là Tây Châu với thủ đô là Hạo hay Phong ở tỉnh Thiểm tây (Shan Xi)(1121-770). Sau đó thủ đô nhà Châu được dời về Lạc Ấp (Luoyi) nay là Lạc Dương (Luoyang) thuộc tỉnh Hà Nam. Triều đại này còn gọi là Cơ Châu (Ji Zhou) hay Đông châu và cũng được chia ra hai thời kỳ: thời kỳ Xuân Thu và Chiến Quốc. Từ khi thủ đô dời về Lạc Ấp, nhà Châu, sau một thời gian ngắn, không còn quyền lực vì các chư hầu đều bỏ rơi không đến triều cống và họ nổi lên xưng hùng xưng bá. Nhà Đông Châu chấm dứt vào năm 256 TCN sau ngoài 5 thế kỷ ngự trị với 25 vua.

Thời Xuân Thu có đến cả trăm chư hầu trong đó có 17 chư hầu xưng vương là: Tần (Qin hay Ts'in), Tấn (Jin hay Tsin), Yên (Yan hay Yen), Tề (Qi hay Ts'i), Lỗ (Lu hay Lou), Tào (Cao hay Ts'ao), Tống (Song hay Sung), Trịnh (Zheng hay Tch'eng), Trần (Chen hay Tchen), Vệ (Wei), Hứa (Xu hay Hiu), Thái (Cai hay Ts'ai), Đằng (Teng hay T'eng), Tỳ (Sui hay Souei), Sở (Chu hay Tch'ou), Ngô (Wu hay Wou), Việt (Yue hay Yueh).

Vào thời kỳ này, bốn nước đáng kể là Tề, Tần, Tấn, Sở trong đó hai nước hùng mạnh nhất là Tấn và Sở. Hai nước này trong nhiều thập niên tranh hùng làm bá chủ thiên hạ. Năm 632, Tấn thắng Sở ở Thành Bộc (Cheng Pu) nay là Lâm Bộc thuộc tỉnh Sơn Đông. Nhưng cuối cùng, Sở thắng Tấn năm 597 ở trận Tiết (Bi) gần Trịnh châu, thủ phủ tỉnh

Hà Nam và nước Sở của Sở trang vương trở nên hùng mạnh nhất. Vì chiến tranh tàn khốc giữa hai nước Tấn và Sở cho nên nước Tống ra sáng kiến lập một hội nghị hoà bình, năm 546, theo đó 8 nước nhỏ Tống, Trịnh, Lỗ, Vệ, Tào, Hứa, Trần, Thái chịu triều cống Tấn và Sở trong khi Tề và Tần hợp liên minh với Tấn và Sở. Nhờ đó mà hoà bình được vẫn hồi trong một thời gian ở lưu vực sông Hoàng Hà.

Về lãnh thổ của các nước, Tần, Tấn, Vệ, Yên nằm phía trên sông Hoàng Hà, 11 nước nằm giữa sông Hoàng Hà và sông Dương tử và hai nước Ngô và Việt nằm phía dưới sông Dương tử. Thủ đô của nước Ngô lúc đó là Tô Châu (Su Zhou) hiện nay, thuộc tỉnh Giang tô và thủ đô của nước Việt là Cối Kê nay là Thiệu Hưng (Shao Xing) thuộc tỉnh Chiết giang. Năm 494, nước Ngô của Hạp Lư (He Lu) thắng nước Việt của Câu Tiễn (Gou Qian) và bắt nước Việt phục tùng Ngô. Nhưng Câu Tiễn quyết tâm phục thù và cuối cùng diệt nước Ngô của Phù Sai (Fu Chai) vào năm 473.

Qua thời Chiến Quốc chỉ còn có 7 nước hùng mạnh nhất trong đó nước Tấn bị chia ra thành 3 nước vào năm 453 là Hàn (Han), Triệu (Zhao) và Ngụy (Wei). Bốn nước kia là Tần, Sở, Tề, Yên. Lịch sử Trung Quốc còn gọi là thời kỳ thất hùng tranh chấp làm bá chủ thiên hạ. Tôn Tần là tướng của Tề và Bàng Quyên là tướng của Ngụy vào thời kỳ này. Trong nhiều thế kỷ, các nước nhỏ vì bị các nước hùng mạnh sáp nhập cho nên lãnh thổ của bảy nước này rất rộng lớn. Nước Sở với thủ đô gần huyện Giang Lăng (Jiang Ling) nằm phía trên sông Dương Tử bao gồm nhiều tỉnh Hồ Bắc, Hồ Nam, An Huy, Giang Tô, Chiết Giang và một phần tỉnh Hà Nam và Giang Tây. Nước Tề với thủ đô Lâm Truy (Lin Zi) bao gồm tỉnh Sơn Đông. Nước Yên với thủ đô là Bắc Kinh hiện nay, bao gồm tỉnh Liêu Ninh, một phần tỉnh Hà Bắc và một phần xứ Triều Tiên. Nước Triệu với thủ đô Hàm Đan (Han Dan) chiếm phần lớn tỉnh Hà Bắc. Nước Hàn với thủ đô Lạc Dương chiếm một phần tỉnh Hà Nam. Nước Ngụy với thủ đô Khai Phong (Kai Feng) bao gồm phía bắc tỉnh Hà Nam và phía nam tỉnh Sơn Tây. Riêng nước Tần chiếm tỉnh

Thiểm Tây, một nước còn trong tình trạng bán khai, nhưng sau đó nhờ nhiều nhân tài trợ giúp như Thương Ưởng (Shang Yang), Lý Tư (Li Si), Hàn Phi v.v, nên nước Tần và cuối cùng Tần Thủy Hoàng nhờ đó đã thành công thống nhất xứ sở vào năm 221 TCN.

### Về nhân vật Tôn Vũ

Tôn Vũ là người nước Tề và được Ngũ Tử Tư hay Ngũ Viên tiến cử cho Hạp Lư, vua nước Ngô. Hạp Lư có ý định đánh Sở nhưng lo ngại hai tướng Ngũ Viên và Bá Hi, người nước Sở, không thực lòng. Hiểu được ý Hạp Lư, Ngũ Viên tiến cử Tôn Vũ. Tôn Vũ đem 13 chương binh pháp của mình cho Hạp Lư và Ngũ Viên xem. Hạp Lư rất hài lòng và bảo Tôn Vũ cho dụng binh để xem. Trong việc dụng binh này, Tôn Vũ cho chém hai ái thiếp của Hạp Lư để làm gương nên Hạp Lư không có ý muốn dùng Tôn Vũ. Ngũ Viên khuyên Hạp Lư, vì đại sự, nên trọng dụng Tôn Vũ và cuối cùng được tấn phong làm đại tướng cầm quân đánh Sở.

Năm 506 TCN, Hạp Lư bỏ nhiệm Ngũ Tử Tư làm quân sư và Tôn Vũ làm đại tướng đem quân chinh phạt Sở. Trong 5 lần giao tranh, quân Ngô của Tôn Vũ và Ngũ Viên đều thắng và chiếm thủ đô Dĩnh của Sở. Vua Sở Chiêu vương phải bỏ chạy sang nước Tỳ. Nhờ quân Tần đem quân cứu viện và quân Việt của Câu Tiễn thừa cơ có loạn ở Ngô đem quân bao vây thủ đô nên quân Ngô bắt buộc phải rút quân về cố thủ. Nước Sở nhờ đó còn tồn tại thêm 2 thế kỷ (Năm 278, quân Tần chiếm thủ đô Dĩnh và tiêu diệt Sở). Trong việc dụng binh, Tôn Vũ thường vận dụng mưu lược hơn là giao tranh trực tiếp với địch quân. Để chiếm thủ đô của Sở, Tôn Vũ nghĩ ra một kế, cho quân lính đắp đê chặn nước một con sông rồi sau đó cho nước tràn ngập thủ đô làm dân chúng phải bỏ chạy. Tôn Vũ lại là người có nhân nghĩa và thức thời. Khi chiếm thủ đô của Sở, ông khuyên can Hạp Lư không nên phá hủy các đền thờ của Sở. Ông nói việc binh nên lấy điều nghĩa làm trọng và sau khi trở về Ngô xin từ quan về ở ẩn. Ngũ Viên trái lại ham giàu sang phú quý và cuối cùng phải chết về tay của Phù Sai, con của Hạp Lư.

## Triết lý của "Tôn tử binh pháp"

*Tôn Tử binh pháp* có 13 chương như sau: *Thủy kế* (Shi ji), *Tác chiến* (Zuo zhan), *Mưu công* (Mou gong), *Quân hình* (Jun xing), *Binh thế* (Bing shi), *Hư thực* (Xu shi), *Quân tranh* (Jun zheng), *Cửu biến* (Jiu bian), *Hành quân* (Xing jun), *Địa hình* (Di xing), *Cửu địa* (Jiu di), *Hỏa công* (Huo gong), *Dụng gian* (Yong jian). Mỗi chương đều có giảng rõ một chiến thuật để người cầm quân có thể đem ra áp dụng.

Triết lý nghệ thuật chiến tranh của Tôn Tử có thể tóm lược trong một câu ngắn gọn: Chiến tranh không phải là mục tiêu chính ngoại trừ bất buộc phải dùng đến nếu không còn giải pháp nào khác. Khi bất buộc phải dùng đến thì người cầm quân tài giỏi phải biết tận dụng mọi mưu lược kể cả phương thức gián điệp để thắng địch nhanh chóng, tránh làm tổn hại nhân mạng và tài sản mà dân chúng phải mang gánh nặng.

Quyển *Tôn Tử binh pháp* mở đầu bằng một đoạn dẫn đường cho chìa khóa triết lý của ông ta. Chiến tranh là mối ưu tư nghiêm trọng cho quốc gia, cần phải thấu triệt. Như vậy là công nhận chiến tranh bằng vũ lực không phải là một hành động bất thường mà là một hành động có ý thức và có thể tái phạm. Do đó, cần phải phân tích một cách hợp lý.

Tôn Tử xem sức mạnh tinh thần và trí năng của con người là những nhân tố quyết định trong trường hợp có xung đột vũ lực. Nếu biết tận dụng những nhân tố này chắc chắn sẽ đưa đến thắng lợi. Chiến tranh không thể xem thường mà cần phải dự trù để làm chiến thắng trở thành dễ dàng hơn. Những người tài giỏi trong nghệ thuật chinh phục thiên hạ sẽ đánh bại kế hoạch của địch bằng cách làm tan rã liên minh của địch, làm chia rẽ giữa vua và quần thần, giữa người cầm quân và thủ hạ và đồng thời đưa gián điệp khắp mọi nơi để thu thập tin tức, gieo rắc bất hòa và xúi giục bạo loạn. Địch thủ bị cô lập, mất tinh thần, mất ý chí kháng cự. Như vậy, không cần phải giao chiến mà địch quân sẽ bị chế ngự, thành thị bị chiếm đóng và cuối cùng quốc gia bị sụp đổ. Chỉ khi nào không thể chiến thắng địch thủ bằng những phương thức nói trên thì mới dùng quân đội. Nhưng chủ yếu là phải

thắng nhanh chóng làm ít hao tổn về tài chính và nhân mạng cũng như không làm địch tổn thất nhiều. Theo Tôn Tử, đoàn kết quốc gia là một trong những điều kiện thiết yếu của thắng lợi. Nó chỉ có thể thực hiện dưới một chế độ vì dân và không áp chế dân.

Tôn Tử rất quan tâm đến sự hao tổn tài chính mà dân chúng phải mang gánh nặng. Năm nhân tố mà Tôn Tử cho là chính yếu là hai nhân tố về con người (đạo lý và thống lãnh), hai nhân tố về điều kiện vật lý (địa thế và thời tiết) và cuối cùng là tổ chức.

Tuy nhiên, Tôn Tử không nghĩ rằng hành động quân sự có mục tiêu hủy diệt quân đội, đốt phá thành phố và thiêu hủy đồng bằng của địch. Vũ khí là một công cụ hung bạo, chỉ đem ra dùng khi không còn giải pháp nào khác. Nghệ thuật chiến tranh dựa vào sự lừa bịp. Một tướng lãnh có tài phải thấu triệt nghệ thuật man trá và che giấu bằng cách tạo dựng hiện tượng bên ngoài để làm địch lạc hướng. Chẳng hạn như che giấu những bố trí và mục tiêu cuối cùng của mình, phải giả vờ bất lực, phải làm địch khó nhận thấy xa, gần qua sự di chuyển vô hình và yên lặng. Mục tiêu đầu tiên là tấn công tinh thần của chủ tướng địch. Điều kiện chiến thắng là do thành quả của sự tưởng tượng của tướng cầm quân. Phải chọn con đường quanh co để đi đến mục đích. Chẳng hạn như chọn con đường khúc khuỷu xa xôi mà không gặp sự kháng cự của địch để đánh úp địch ở vào vị trí thuận lợi. Người tướng lãnh khôn ngoan không thể bị thao tác, chẳng hạn như rút lui bằng cách di chuyển nhanh quân lính mà địch không thể đuổi theo. Việc rút lui có mục tiêu dụ quân địch để làm địch mất phương hướng và tạo thời thế thuận lợi để phản công. Thực tế là tấn công địch để lấy chiến thắng về phần mình. Mục tiêu là chiến thắng chứ không phải để kéo dài hành quân vô tận. Người cầm quân phải biết rằng hành quân càng kéo dài càng làm hao tổn ngân quỹ và làm quân lính mệt mỏi. Không một chiến tranh kéo dài nào làm lợi ích cho bất cứ nước nào. Người cầm quân tài giỏi chỉ tấn công khi chắc chắn thắng mà điều kiện chiến thắng phải tự do chính mình tạo ra. Trước khi ra trận, vị tướng tài phải biết phân tán lực lượng của địch.

Như vậy, địch thủ tìm cách mưu toan chống đỡ mọi nơi trở thành yếu đuối. Địch sẽ bị tan rã vào những nơi đã được chọn lựa trước. Nhưng sự tan rã của địch không nhất thiết phải do sức mạnh của vũ khí. Tướng địch có thể là người do dự, thiếu suy nghĩ, hấp tấp, ngạo nghễ, bướng bỉnh hoặc dễ bị lợi dụng. Cũng có thể là một số phần tử quân địch không được huấn luyện tốt, bất mãn, nhút nhát hoặc bị người cầm quân hướng dẫn một cách vô lý như chọn lựa một địa thế tầm thường để dàn quân mà vận tải lương thực thiếu kém làm quân lính kiệt quệ. Chừng ấy, người tướng giỏi phải biết lợi dụng yếu điểm để điều chỉnh lối xử thế hầu đưa đến thắng lợi.

Công cụ chiến thuật của người cầm quân là lực lượng chính quy (Zheng) và lực lượng đặc biệt (Qi). Việc sử dụng sáng suốt hai lực lượng này giúp người tướng tài có thể chịu đựng sự xung kích của địch mà không bị tán loạn. Theo thông lệ, lực lượng chính quy dùng để giao tranh, quân đặc biệt dùng để chiến thắng. Lối dụng binh này có mục đích để đánh lạc địch hầu cho địch những đòn vừa bất ngờ vừa chí tử để giành thắng lợi cuối cùng. Lý luận về sự thích nghi của tình thế là một phương diện quan trọng của tư tưởng Tôn Tử. Trong chiến tranh, phải biết mềm dẻo, phải biết thích nghi chiến thuật với tình thế của địch. Tùy theo hoàn cảnh, có thể nhượng bộ một thành phố, hy sinh một phần quân lực hoặc bỏ một vị trí chiếm đóng để đạt mục tiêu cao hơn. Tôn Tử còn công nhận sự bất ngờ và ưu thế của thời tiết. Người cầm quân giỏi phải biết đánh giá địa thế để đưa địch quân vào nơi hiểm yếu mà quân mình không vào, biết chọn lựa địa thế thuận lợi nơi mình muốn giao chiến.

Để kết thúc, Tôn Tử đưa vào binh pháp việc sử dụng lực lượng gián tiếp làm nội ứng mà phương Tây, cả chục thế kỷ sau, gọi "đạo quân thứ năm". Khái niệm thám tử mật của địch mà ta dùng hay phản gian (agent double) đã có vào thời kỳ này.

Quyển *Tôn Tử binh pháp* bàn về nghệ thuật chiến tranh đã trải qua 25 thế kỷ và đã được đem ra ứng dụng vào những thế kỷ sau đó và ngay cả giữa thế kỷ 20. Những tướng lãnh có tiếng kế tiếp sau đó trong lịch sử Trung Quốc

như Tôn Tân, Ngô Khởi, Bạch Khởi, Hàn Tín, Hạng Vũ, Chung Lý Muội, Tào Tháo, Khổng Minh, Châu Du, Lỗ Tồn v.v. đều có đọc qua quyển *Tôn Tử binh pháp*. Trong chiến tranh với Nhật, Mao đã đem *Tôn Tử binh pháp* ra áp dụng với câu nói thường được nhắc tới là "*Địch tiến, ta lùi, địch dừng chân, ta quấy rối, địch tránh giao tranh, ta tấn công, địch thoái lui, ta vượt đuổi*". Ở Việt Nam, tướng Giáp chắc chắn cũng có đọc qua quyển này và đem ra áp dụng một cách hữu hiệu trong thời kỳ chiến tranh chống Pháp.

Ngày nay, *Tôn Tử binh pháp* còn được áp dụng trong đời sống chính trị và kinh tế và trở thành quyển sách "đầu giường" của các chính trị gia hay các tổng giám đốc đại công ty (1). Chỉ cần thay một số danh từ như chiến trận trở thành thị trường, địch thủ là người cạnh tranh, địa thế là hiện tượng toàn cầu hóa, nghệ thuật đối trá là chuyển xí nghiệp ra nước ngoài hoặc thao túng thị trường chứng khoán, lực lượng gián tiếp làm nội ứng trở thành gián điệp kỹ thuật và kinh tế v.v.

Hai mươi lăm thế kỷ qua, câu nói "*biết người, biết ta trăm trận trăm thắng, biết một bên, một thắng một bại, không biết cả hai bên, trăm trận trăm thua*" (2) còn được áp dụng trong bất cứ hoàn cảnh nào chứng tỏ triết lý của Tôn Tử

quả thật là sâu sắc cần được mọi người suy ngẫm.

#### **Nguyễn Phi Phụng**

1) Trong quyển sách *Tôn Tử binh pháp* do ông Jean Lévi dịch và bình luận (Hachette Littératures 2000), có nhắc lại từ *Nhật báo Mới* ở Geneva đặt một số câu hỏi vào cuối năm 1995 về sở thích của giới trẻ trong đó có câu hỏi "*Nhân vật nào đã đánh dấu tuổi trẻ của anh?*". Đa số đã trả lời là nhân vật Tôn Tử.

(2) Câu này ở trong chương ba của *Tôn Tử binh pháp* "*Zhi bi zhi ji zhe, bai zhan bu dai ; bu zhi bi er zhi ji, yi sheng yi fu, bu zhi bi, bu zhi ji, mei zhan bi dai*"

Chú thích : về sự phân chia thời kỳ Xuân Thu và Chiến Quốc, nhiều sách viết khác nhau.

- *Trung Hoa sử cương (Zhong Hua shi gang)* của ông Lý Định Nhất, Nhà Xuất bản Đại học Bắc kinh 1997 chia thời Xuân Thu từ 770-481 và Chiến Quốc từ 469-221 trước công nguyên.

- *Précis d'histoire de la Chine* của ông Bạch Thọ Di nhà xuất bản Editions étrangères Bắc Kinh năm 1988 chia thời kỳ Xuân Thu từ 722-481 và Chiến Quốc từ 481-221 TCN.

- *La civilisation de la Chine classique* của hai người Pháp Vadime và Danielle Elisseeff, Nhà Xuất bản Arthaud 1987 chia thời Xuân Thu từ 770-473 và Chiến Quốc từ 473-221 TCN.

(tiếp theo trang 14)

đó, chúng tôi đang ăn cơm cùng với gia đình thì thằng cháu làm công an xã hốt hải chạy vào và nói : "*Cậu Man ơi, có an ninh tỉnh về tìm cậu*". Tôi đặt bát đũa xuống mâm và nhìn ra cổng. Hai người mặc thường phục đang đi vào. Tôi ra cửa mời họ vào nhà. Sau khi ngồi xuống ghế, với thái độ nhà nhận, một người tự giới thiệu họ là người của cơ quan công an tỉnh Thái Bình được giao nhiệm vụ đến gặp hai vợ chồng tôi. Cùng khá nhà nhận, họ yêu cầu chúng tôi cho xem giấy tờ tùy thân. Tôi đưa cuốn thông hành tị nạn của tôi và cuốn hộ chiếu của vợ tôi cho họ. Họ lật đi lật lại, xem xét tỉ mỉ tất cả các trang. Họ so tên tuổi, nguyên quán, địa chỉ ở Việt Nam của chúng tôi với tờ giấy họ mang theo mà tôi đoán công an ở cửa khẩu Nội Bài đã gửi về cho công an tỉnh Thái Bình. Cuốn thông hành của tôi do cơ quan hữu quan

của Đức cấp theo qui chế tị nạn của chính phủ Đức. Các trang đều ghi bằng hai thứ tiếng Đức và Anh. Có lẽ hai nhân viên an ninh không đọc được một trong hai thứ ngữ đó, nên họ thân nhiên trả lại chúng tôi giấy tờ mà không hề hỏi gì thêm, chẳng hạn tại sao tôi lại có giấy tờ tị nạn ở Đức vì lý do chính trị v.v. Sau đó, họ hỏi chúng tôi có biết các tổ chức hay báo chí chính trị nào ở hải ngoại không. Chúng tôi đáp, chúng tôi không quan tâm đến việc đó, nên không biết. Rồi họ giải thích, họ đến gặp chúng tôi vì thủ tục là phải thế, chứ họ biết ở hải ngoại đa phần người Việt là tốt, chỉ có một số ít chống chế độ thời. Cuộc gặp gỡ với hai nhân viên an ninh diễn ra chóng vánh, nhạt nhèo và tôi cảm thấy không được thoải mái lắm, vì cảm thấy mình bị rình rập, để ý.

Bốn tuần lễ về thăm quê trôi qua thật nhanh. Chẳng mấy chốc đã đến ngày

## **THÔNG LUẬN**

Phát hành đầu tháng, mỗi năm 11 số (tháng 7 & 8 chỉ ra một số)

Bạn đọc tại Hoa Kỳ và Canada có thể liên lạc và góp ý kiến với Thông Luận qua địa chỉ:  
**Thong Luan, P.O. Box 7592  
Fremont, CA 94537 - 7592**  
e-mail: qml@juno.com  
Khi thanh toán tiền mua báo (40 USD hay 50 CAD), xin đề tên:  
**Mrs Quan-My-Lan**

## **THÔNG LUẬN**

### **Ấn bản Hòa Lan**

do Hội Bảo Vệ Nhân Quyền Việt Nam (Stichting Mensenrechten voor Vietnam) Đại diện nhóm chủ trương: **Phan Bá Việt**  
Địa chỉ liên lạc: Thông Luận Hòa Lan  
Braamlanden 76  
7542 CJ Enschede  
Telefax: 053.476 75 56 - 024.373.06 52  
Giá báo một năm: 30 Euro,  
xin chuyển vào trương mục của hội:  
**Giro nr 6234112**

Bạn đọc tại Úc xin liên lạc với đại diện Thông Luận tại Úc:  
**Mr. Võ Thanh Liêm**  
5 Fira Court  
Narre Warren VIC 3805

chúng tôi phải trở lại châu Âu. Cuộc chia tay nào cũng bịn rịn. Kể ở người đi ai cũng xúc động. Nhưng nghĩ tới nhiều người Việt Nam đang chạy hết cửa này cửa nọ như đèn cù để được viên du sang xứ người mong làm một cuộc đổi đời, sẵn sàng "hy sinh đời bố (hoặc mẹ) để củng cố đời con", thì chúng tôi vẫn còn thanh thản và may mắn hơn nhiều.

Chiếc máy bay rung nhẹ rồi nâng mình lao vào không trung. Đất Mẹ lùi xuống phía dưới, xa dần, xa dần. Nhìn biển mây trắng ngàn ngoài ô cửa máy bay tôi bỗng nảy ra ý nghĩ: chỉ có máy là không có quê hương.

#### **Nguyễn Văn Man**

(1) Sân bay lớn cách thành phố Hà Nội khoảng 30 cây số về phía Tây Bắc.

(2) Nhà bác học người Nga (1849-1936) tìm ra cơ chế phân xạ có điều kiện và không điều kiện ở động vật. Năm 1904, ông đoạt giải Nobel về y học.

## Việt Nam cần tạo thế cân bằng giữa Trung Quốc và Hoa Kỳ

Vũ Thiện Hàn

Trong hai tháng vừa qua nhiều chỉ dấu chứng tỏ rằng Hoa Kỳ đang thay đổi chiến lược về mặt quân sự của họ tại Á châu để đối phó với ý đồ bá quyền của Trung Quốc tại vùng này. Đầu tiên là thái độ cứng rắn của Hoa Thịnh Đốn trong vụ đụng độ giữa một phi cơ thám thính của Hoa Kỳ với một phi cơ chiến đấu của Trung Quốc trên không phận quốc tế gần đảo Hải Nam của Trung Quốc, vào ngày 1 tháng 4 năm 2001. Sau đó là việc tổng thống George W Bush chấp thuận bán cho Đài Loan một số tàu ngầm và khu trục hạm cùng như việc ông ta không ngăn cản ông Trần Thủy Biển, tổng thống Đài Loan, viếng thăm Nữu Ước và Houston vào cuối tháng 5 vừa qua. Ngoài ra ông Bush đã chính thức tiếp Đức Đạt Lai Lạt Ma ở Tòa Bạch Cung và cử người liên lạc với chính phủ lưu vong của Tây Tạng. Mặt khác, về ngoại giao, Hoa Kỳ đang mở một cuộc vận động và thăm dò qui mô. Vào giữa tháng 5, thứ trưởng ngoại giao Richard Armitage, thuộc xu hướng "điều hòa" của đảng Cộng Hòa, đã đi một vòng qua các thủ đô Á châu như Đông Kinh, Hán Thành và Tân Đê Li. Cùng lúc đó một phái đoàn 9 người, do ông James Kelly, phụ tá ngoại trưởng, cầm đầu đi qua Trung Quốc và sau đó xuống Việt Nam, để bàn về lịch trình thông qua Hiệp định thương mại Việt-Mỹ tại quốc hội mỗi bên. Một điều đáng lưu ý nữa là ngoại trưởng Mỹ, ông Colin Powell sẽ thăm viếng các nước Á châu vào đầu tháng 6 và sẽ tới Hà Nội khoảng giữa tháng 7, vào lúc có buổi họp của khối ASEAN tại thủ đô của Việt Nam.

Chính sách mới về Á châu của chính phủ Bush sẽ rõ nét hơn sau các thăm dò và vận động nói trên. Nhưng ngay từ bây giờ người ta có thể nghĩ rằng với xu hướng bảo thủ và chủ trương bảo vệ quyền lợi của mình trước tiên (không chịu ký kết vào hiệp ước Kyoto về môi sinh, không chịu miễn nợ cho các nước nghèo và chậm tiến nhất, v.v.) tổng thống Bush có thể sẽ tăng cường sự hiện diện quân sự của Hoa Kỳ tại Đông Á. "Chiến tranh lạnh mới" giữa hai cường quốc Hoa Kỳ và Trung Quốc có khả năng "leo thang" trong những năm sắp tới.

Thật ra cuộc tranh giành ảnh hưởng

này đã manh nha từ đầu thập niên 90 và chính ông Đặng Tiểu Bình, vào tháng 9 năm 1991, đã gọi nó là cuộc "chiến tranh lạnh mới". Có nhiều lý do. Đầu tiên là sự tăng trưởng liên tục về kinh tế và sau đó về quân sự của Trung Quốc, bắt đầu từ gần cuối thập niên 70, qua chính sách mở cửa, đổi mới về kinh tế của ông Đặng Tiểu Bình. Mặc dầu về kinh tế Trung Quốc còn thua xa Nhật Bản nhưng với tiềm lực và dân số hiện hữu, Trung Quốc đang trở thành cường quốc số một tại Châu Á. Khả năng quân sự hiện tại của Trung Quốc đã có thể đe dọa an ninh của các nước ở Đông và Nam Á châu. Mặt khác, khuynh hướng "truyền thống" của các lãnh đạo Trung Quốc là coi Đông và Nam Á như là vùng thuộc ảnh hưởng "tự nhiên" của họ nên thường có xu hướng bá quyền. Việc này đe dọa, trong trung và dài hạn, quyền lợi của Hoa Kỳ.

Về phía nội bộ Hoa Kỳ, sau sự sụp đổ của khối Liên Xô, giới tư bản trong kỹ nghệ vũ khí và cánh "điều hòa" trong chính giới Hoa Kỳ cần tìm một đối thủ có tầm vóc để họ có thể biện hộ cho việc đòi giữ nguyên hoặc gia tăng ngân sách quốc phòng hầu duy trì quyền lợi và ảnh hưởng của họ. Từ gần mười năm nay và ỉt ra là trong một, hai thập niên sắp tới, nước Nga, vì những khó khăn nội bộ và tình trạng chậm tiến về mọi mặt, không còn là một đối thủ đáng kể của Hoa Kỳ nữa. Cho nên, sau I Rắc, Trung Quốc và Bắc Triều Tiên gần đây trở thành mối quan tâm hàng đầu trong chính sách quân sự của Hoa Kỳ. Theo dự trù của Ngũ Giác Đài thì tới năm 2005, Bắc Kinh có thể có ưu thế về mặt quân sự ở eo biển Đài Loan nếu họ tiếp tục tăng cường ngân sách quốc phòng để hiện đại hóa quân đội Trung Quốc.

Tuy nhiên, vì quyền lợi kinh tế và nhu cầu chính trị nội bộ, chính sách của Hoa Kỳ đối với Trung Quốc cũng như chính sách của Trung Quốc đối với Hoa Kỳ, từ đầu thập niên 90 cho tới nay, lại rất giống nhau trên một điểm cơ bản. Đó là việc hai bên vừa coi nhau như địch thủ số một trong tương lai vừa đồng lòng tiếp tục tăng cường rất nhiều quan hệ thương mại vì cả hai bên đều có lợi. Với tương quan lực lượng quân sự hiện tại (mà phía Hoa Kỳ và đồng minh còn giữ ưu thế

tuyệt đối), tình trạng này có thể kéo dài thêm một hai thập niên nữa mặc dầu những tranh chấp nhỏ, cục bộ, có thể sẽ xảy ra nhiều hơn trước. Trong chiến lược tranh chấp dài hạn này, mỗi cường quốc sẽ tranh thủ để lôi kéo các nước trung và nhỏ vào hàng ngũ của mình. Hoa Kỳ có thể thúc dục Nhật Bản tăng cường ngân sách quốc phòng, giúp Ấn Độ về kỹ thuật vũ khí, có thể làm áp lực để Tân Gia Ba, Mã Lai, Phi Luật Tân, Thái Lan, v.v, chấp nhận mở các hải cảng cho tàu chiến của mình. Trung Quốc có thể giúp Pakistan làm hỏa tiễn, giúp Bắc Triều Tiên về kỹ nghệ chế tạo vũ khí, v.v.

Mặc dầu khả năng Trung Quốc dùng quân sự để xâm chiếm một nước trong vùng rất ỉt, cuộc chạy đua về vũ trang trong vùng là mối đe dọa trực tiếp cho phát triển kinh tế và sự ổn định chính trị. Vì rằng ngân quỹ quốc phòng sẽ là một gánh nặng có thể cản trở hay chặn đứng phát triển kinh tế của các nước còn chậm tiến hay mới phát triển. Mặt khác, chạy đua về vũ trang sẽ tăng cường ảnh hưởng của giới quân nhân và có nguy hiểm là cho phép các nhóm quân phiệt, viện có an ninh quốc gia, giành lấy quyền lực tại các nước mới đi vào dân chủ. Trước khả năng leo thang của "chiến tranh lạnh mới", vấn đề chiến lược tổng quát được đặt ra cho các nước khác ở trong vùng tranh chấp mà không đặt ra cho Hoa Kỳ cũng như Trung Quốc. Câu hỏi là đường lối nào để tiếp tục phát triển kinh tế và không trở thành nạn nhân của cuộc tranh giành giữa hai đại cường quốc? Để trả lời thỏa đáng người Việt Nam cần nhìn rõ hoàn cảnh đất nước cũng như quyền lợi và đòi hỏi của cả hai phe.

Quyền lợi của Hoa Kỳ chủ yếu về mặt kinh tế (đòi hỏi trước mắt của giới tư bản) và văn hóa (có tính chất lâu dài để duy trì quyền lợi trên). Là cường quốc kinh tế số một, Hoa Kỳ cần nhiên liệu, cần thị trường cho sản phẩm của mình. Mặt khác, vì là một nước dân chủ mà những giá trị phổ cập như tự do, dân chủ và nhân quyền được dư luận và các tổ chức phi chính phủ bảo vệ, chính phủ Hoa Kỳ, trong chính sách đối với các nước khác, buộc phải đề cao và tôn trọng ỉt nhiều những giá trị đó. Điều này thực sự không khó khăn gì cho chính quyền Hoa Kỳ vì khi những giá trị phổ cập này được tôn trọng trong một quốc gia, nó thường dẫn tới việc mở cửa thị trường và tự do kinh tế, nghĩa là phù hợp với quyền lợi của Hoa Kỳ cũng như của quốc gia

đó.

Chính sách ngoại giao của Trung Quốc tế nhị và có lợi một chiều hơn. Trung Quốc buộc các nước thuộc vùng ảnh hưởng của họ phải thực hiện những đòi hỏi như sau:

- ủng hộ chủ trương toàn vẹn lãnh thổ của Trung Quốc nghĩa là phải công nhận rằng Tây Tạng và Tân Cương thuộc Trung Quốc và phải tán thành đường lối nhằm sát nhập Đài Loan vào lục địa Trung Hoa.

- chấp nhận chủ quyền của Trung Quốc trên các đảo ở phần biển thuộc phía Nam của họ (vì khả năng có dầu, khí và vị trí chiến lược của vùng biển này).

- không vào các liên minh quân sự có ý đồ chống Trung Quốc.

- ủng hộ Trung Quốc trong các tranh chấp với Tây phương về kinh tế, nhân quyền (giá trị của Á châu) và về việc cấm tán phát vũ khí nguyên tử...

- chấp nhận ưu thế về mặt quân sự của Trung Quốc (không làm vũ khí nguyên tử hay mua những vũ khí cổ điển có khả năng thách thức ưu thế này).

- áp dụng chính sách thương mại và đầu tư phù hợp với quyền lợi của Trung Quốc. (Bắc Kinh thường không ngăn chặn việc xuất cảng lậu hàng hóa Trung Quốc sang các nước láng giềng).

- không ngăn cản việc di dân từ Trung Quốc.

- cấm và loại bỏ các tổ chức hay phong trào chống Hoa kiều tại xứ của mình.

- tôn trọng quyền của các Hoa kiều sinh sống trên đất nước của mình cùng như cho họ có quyền có những liên hệ mật thiết và đặc biệt với quê hương cũ của họ.

- khuyến khích việc dùng tiếng Quan Thoại để bỏ túc hay thay thế tiếng Anh trong thương mại và trao đổi v.v.

Những yêu sách trên thể hiện ý đồ bá quyền của Trung Quốc và chúng đã gây bối rối và khó khăn không ít cho các nước "đàn em" và cho cả những nước chỉ muốn giữ quan hệ thương mại tốt với cường quốc này. Mức độ phụ thuộc càng cao thì sự tuân thủ các yêu sách trên càng nhiều. Xin lấy một thí dụ. Gần đây tổng thống Bush tuyên bố rằng Hoa Kỳ sẽ nghiên cứu để thiết lập một hệ thống "hòa tiền chống hòa tiền". Trung Quốc lên án, phản đối gay gắt. Đó là chuyện bình thường, dễ hiểu vì chương trình này, nếu thành công, sẽ làm mất sự "thăng bằng về sự hải" do các hòa tiền

nguyên tử xuyên lục địa của đôi bên. Mặc dầu không có hỏa tiễn và trong tương lai xa Việt Nam cũng không có khả năng chế tạo vũ khí tấn công hiện đại này, bộ ngoại giao Việt Nam đã phải lên án chương trình hỏa tiễn phòng không mới của Hoa Kỳ tuy việc này không có ảnh hưởng gì tới Việt Nam cả.

Thực sự quan hệ Việt-Trung không đơn giản. Do vị trí ở sát cạnh Trung Quốc và tương quan lực lượng trong vùng cùng như những quan hệ phức tạp của đảng Cộng Sản Việt Nam với đảng Cộng Sản Trung Quốc từ hơn nửa thế kỷ (vừa cầu cạnh, bắt chước vừa kháng cự ít nhiều để giữ một phần nào chủ quyền và độc lập), Việt Nam không có chọn lựa hữu lý nào khác ngoài việc nhanh chóng thiết lập và giữ cân bằng giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc để khỏi bị lôi kéo vào một cuộc chiến "ủy nhiệm" một lần nữa. Trách nhiệm ở trong tay lớp lãnh đạo hiện tại cùng như tương lai của Việt Nam. Với chính sách đổi mới kinh tế và ra nhập ASEAN..., Việt Nam đã tỏ ý muốn ra khỏi quỹ đạo của Trung Quốc. Nhưng dưới thời ông Lê Khả Phiêu, Việt Nam lại nghiêng hẳn về phía Trung Quốc và đã bỏ lỡ cơ hội tạo thêm thế thăng bằng qua việc ký kết Hiệp định thương mại với Hoa Kỳ dưới nhiệm kỳ của tổng thống Clinton. Chính sách thay đổi và nửa vời như vậy không có lợi cho Việt Nam. Nhưng chậm còn hơn không, hiện nay Việt Nam chỉ còn cách: một mặt, nhanh chóng mở cửa kinh tế, thương mại hơn nữa không những về phía Hoa Kỳ mà còn về phía các khối, các nước có văn hóa Tây phương như Liên Hiệp Âu châu và Úc; mặt khác, dân chủ hóa đất nước để có điều kiện chống mafia, chống tham nhũng hầu phát triển bền vững. Hội nhập nhanh chóng trào lưu dân chủ và tiến bộ của thế giới văn minh là cách tốt nhất để có thêm bè bạn trên thế giới giúp Việt Nam giữ được độc lập và để chống lại các thành phần cực đoan trong nội bộ đảng cầm quyền. Vì quyền lợi riêng, các thành phần này có thể mượn cớ ý thức hệ và lý do an ninh quốc gia để kéo hẳn đất nước vào quỹ đạo của Trung Quốc. Nếu giả thiết này xảy ra thì tình trạng Việt Nam sẽ tồi tệ như Bắc Triều Tiên và chắc chắn tuyệt đại đa số người Việt không muốn và không thể chấp nhận viễn tượng đen tối này. Do đó, trách nhiệm chung là phải bằng mọi cách ngăn chặn để nó không thể xảy ra.

*Vũ Thiện Hân*

*(tiếp theo trang 3)*

trước các vấn đề của quốc gia trong khuôn khổ giáo hội? Không có giải pháp.

Linh mục Nguyễn Văn Lý đã chọn lên tiếng phản đối chính sách đàn áp tôn giáo và vi phạm nhân quyền của chính quyền cộng sản ngoài khuôn khổ giáo hội, để tiếng nói của ông bay cao và đi xa hơn. Ông đã chọn vị trí của một công dân, trong cương vị một tu sĩ, để tranh đấu với hy vọng được đồng đạo những người dân chủ Việt Nam ủng hộ, nhưng vẫn tuân hành kỷ luật của giáo hội ông như chấp nhận truyền chuyển từ Nguyệt Biều về An Truyền. Ủng hộ linh mục Nguyễn Văn Lý, trước hết là ủng hộ cuộc đấu tranh của một công dân Việt Nam chống lại áp bức chứ không phải của một linh mục chỉ đòi tự do tôn giáo.

Qua vụ Nguyễn Văn Lý, một vấn đề lương tâm đặt ra cho mọi người Việt Nam là tại sao phải chờ tu sĩ của các tôn giáo lên tiếng phản đối chính sách đàn áp tôn giáo hay vi phạm nhân quyền của chính quyền cộng sản mới dấy lên một phong trào ủng hộ rộng khắp? Trong khi những người đấu tranh cho tự do và dân chủ không phải là tu sĩ, cũng can trường như vậy, đôi khi còn chịu đựng những hy sinh và mất mát lớn hơn, lại không nhận được sự ủng hộ cần thiết? Có một cái gì đó không bình thường. Hoặc là chúng ta mất lòng tin vào những người đấu tranh chính trị, hoặc là chúng ta không còn quan tâm đến tương lai đất nước. Hoặc là chúng ta hèn? Hèn có lẽ quá nặng theo nhận định của nhiều người, nhưng nhắm mắt làm ngơ hay không có phản ứng trước một dân tộc bị tước đoạt quyền tự do và bị chà đạp nhân phẩm là thái độ của một người hèn. Chế độ nào xứng đáng với dân tộc đó. Trước sau gì cũng có một ngày chúng ta và con cái chúng ta phải trả giá cho sự thờ ơ hay thái độ hèn nhát này nếu không có một hành động tích cực hơn.

Lúc này hơn bao giờ hết, chúng ta, những người dân chủ Việt Nam, phải đầu tư suy nghĩ tìm cho ra một công thức mới để kết hợp lại thành một lực lượng có tầm vóc dẫn đưa cuộc đấu tranh vì tự do và dân chủ tiến tới thành công mà không qua các tu sĩ.

*Nguyễn Văn Huy*

## Tạp ghi

Dân chúng cũng như các chức sắc Chánh thống Hy Lạp, đã dự tính đón tiếp giáo hoàng Gioan-Phaolô II một cách hết sức lạnh nhạt. Ngoài các mối thù do lịch sử để lại, họ còn phiền trách chủ nghĩa bành trướng của Giáo hội Công giáo La Mã tại các nước Chánh thống cựu cộng sản. Trong cuộc gặp gỡ với Gioan-Phaolô II, giáo chủ Giáo hội Chánh thống Hy Lạp đã chỉ trích dữ dội thái độ hiện tại và đã qua của Giáo hội Công giáo La Mã. Nhưng Gioan-Phaolô II đã gỡ được cái "bẫy ngoại giao" này bằng cách xin lỗi giáo dân Chánh thống Hy Lạp vì những tội ác của người Công giáo đối với cộng đồng Chánh thống. Những lời lẽ cảm động của ông đã khiến cho giáo chủ Christodulos đành phải vô tay tán thưởng. Kể từ lúc đó, cuộc viếng thăm đầy rũi ro của Gioan-Phaolô II diễn ra một cách tốt đẹp và kết thúc với một bản tuyên bố chung của giáo hoàng và tổng giám mục Nhà Điện. Ai nấy còn giữ trong trí hình ảnh giáo chủ Christodulos ân cần giúp đỡ Gioan-Phaolô II bước lên các bậc cầu thang đưa đến thượng thành Acropolis. Sám hối luôn luôn nâng cao con người. Nó thường xuất phát từ những người thực sự tự tin. Đôi khi, đó còn là một "khí giới" chánh trị hữu hiệu.

Tình hình Israel-Palestine kẹt cứng. Chủ tịch Chánh quyền Palestine, Yasser Arafat đã bỏ lỡ một cơ hội lịch sử khi từ chối những đề nghị của cựu thủ tướng Israel Yehud Barak, tức là thiết lập một nhà nước Palestine độc lập lấy lần ranh 1967 làm biên giới và phía Đông thành phố Jerusalem - mà người Ả Rập gọi là Al-Quods - làm thủ đô. Những cuộc điều đình đã vấp phải nhượng bộ duy nhất mà Israel không thể chấp nhận, đó là việc cho phép người tỵ nạn Palestine trở về lãnh thổ Israel vì điều đó sẽ thay đổi hoàn toàn cấu trúc dân số Israel và từ đó, phá tan dự án thành lập quốc gia Do Thái. Người Palestine có lý khi lưu ý rằng họ chỉ đòi hỏi cái quyền mà người Do Thái được cả thế giới thừa nhận sau mấy ngàn năm lưu vong trong khi chính họ chỉ đã rời bỏ mảnh đất này từ vài thập niên nay. Mặt khác, người ta

có thể chờ đợi nhiều hy sinh ở một quốc gia nhưng người ta không thể đòi hỏi họ tự vận, nhất là khi quốc gia đó đang chiếm thế thượng phong tuyệt đối. Sự thất bại của các cuộc hòa đàm đã đưa Ariel Sharon "lên ngôi". Ông Sharon là một con "điều hâu" trong những con "điều hâu" nhưng dân chúng Israel đã muốn tin ông khi ông hứa sẽ đem lại an ninh lẫn hòa bình bằng cách đàn áp một cách mạnh mẽ người Palestine mỗi khi có một vụ khủng bố. Nhưng người Pháp có câu : *"người ta có thể làm nhiều chuyện với một con dao, ngoại trừ ngồi trên nó"*. Và khi một dân tộc đã tuyệt vọng đến mức coi rẻ mạng sống của mình thì tất cả những khí giới tối tân nhứt cũng vô hiệu. Rốt cuộc thì Ariel Sharon cũng phải tìm cách dàn xếp. Ông ra lệnh đình chiến. Hàng ngàn người chết để trở lại điểm cũ. Tất cả chỉ vì hai phe đã quên rằng không thể có người thắng kẻ thua hoàn toàn trong một cuộc chiến giữa hai dân tộc đã sống từ ngàn năm trên cùng một mảnh đất.

Ông Wahid Abdurrahman có chức tổng thống Nam Dương nhưng ông đã được bầu như một thủ tướng, thêm nữa, bởi một nghị viện trong đó chánh đảng của ông chỉ chiếm thiểu số. Ông sắp sửa bị cách chức qua một tiến trình mang nặng cái mâu thuẫn ban đầu đó : nó bắt đầu bằng một vụ tham nhũng nhưng lại kết thúc như một nghị quyết bất tín nhiệm sau khi mà bộ tư pháp đã xác nhận rằng người ta không có bằng chứng để buộc tội ông Wahid. Bây giờ, tổng thống Nam Dương bị các dân biểu chỉ trích nào là bất tài, nào là bất nhứt. Vấn đề là trong một chế độ tổng thống, người có thẩm quyền xét xử những yếu kém chánh trị của vị quốc trưởng không phải là dân biểu mà là quốc dân qua lá phiếu. Mặt khác, trong một chế độ đại nghị đảng hoàng, người cầm đầu hành pháp phải là một nhân vật thuộc lực lượng mạnh nhứt ở quốc hội. Trong trường hợp này, đó là bà Sukarnoputri Megawati, phó tổng thống và chủ tịch Đảng Dân chủ Nam Dương - Chiến đấu, người sẽ thay thế ông Wahid nếu tiến trình truất phế đi đến cùng. Cách đây 19 tháng, bà đã không được các đại biểu Nam Dương bầu làm tổng thống vì bị coi là ... thiếu bản lãnh. Ông Wahid

không vô lý hoàn toàn khi cho rằng quốc hội Nam Dương là một "vuồn trẻ". Nhưng ông cũng đã tỏ ra thiếu tư cách khi muốn tuyên bố tình trạng khẩn cấp trong khi những kẻ gây rối lại là các thành phần ủng hộ ông.

Liên hiệp Âu châu tiếp tục hình thành. Một lần nữa, thành phần chủ động là cặp Đức-Pháp. Nhưng kỳ này, nó hành động như một ngẫu lực, nói theo ngôn ngữ cơ học. Người phát pháo đầu tiên là ngoại trưởng Đức, Joschka Fisher. Ông chủ trương tiến tới hình thức liên bang, với một hiến pháp Âu châu, một tổng thống và một nghị viện được bầu qua phổ thông đầu phiếu. Ngoại giao Pháp bị sự sống chung giữa một tổng thống và một thủ tướng thuộc khuynh hướng chánh trị khác nhau, làm tê liệt. Tổng thống Chirac chỉ biết ú ớ một *"liên bang nhà nước - quốc gia"* ba phải nhưng mâu thuẫn ngay trong từ ngữ. Thủ tướng Jospin giữ im lặng, một phần vì thận trọng là một đặc tánh của ông, một phần vì ông dựa vào một liên minh gồm có những lực lượng ủng hộ tiến trình hội nhập Âu châu cũng như những đảng phái chống nó. Ông để cho Đức qua mặt một lần thứ hai. Với sự đồng ý của thủ tướng Gerhard Schröder, Đảng Xã hội Dân chủ Đức chủ trương một liên bang Âu châu trong đó, hội đồng bộ trưởng trở thành một thượng nghị viện ! Kỳ này, ông Jospin đành phải trình bày quan điểm của mình. Những người chờ đợi những đề nghị táo bạo chắc đã thất vọng. Lionel Jospin chủ trương giữ lại vai trò của ba định chế hiện tại, hội đồng bộ trưởng, ủy hội và nghị viện Âu châu. Ông còn cố vô để củng cố hội đồng bộ trưởng, cơ quan mang nặng tánh chất quốc gia nhứt trong bộ ba nói trên. Còn lại là một số biện pháp cụ thể để gia tăng tiến trình hội nhập Âu châu như một hệ thống cảnh sát và một tòa án chung ... Và một số đoạn văn hùng hồn : *"Âu châu, trước hết là một dự án chánh trị, một công trình của trí tuệ, một mô hình xã hội và một nhân sinh quan"*. Chúng gọi tới quan niệm quốc gia của Dự án Chánh trị Dân chủ Đa nguyên *Thành công Thế kỷ XXI* do Tập hợp Dân chủ Đa nguyên chủ trương.

**Diệp Tường Bảo**

# THỜI SỰ ... TIN TỨC ... THỜI SỰ

## **Hoa Kỳ càng cứng rắn, Bắc Kinh càng nhẫn nhục**

Kể từ khi chiếc máy bay thám thính EP-3 của Mỹ bắt buộc phải đáp xuống đảo Hải Nam ngày 1-4-2001, bang giao Trung-Mỹ càng ngày càng xấu đi rõ rệt. Khác xa với thời kỳ bang giao "trắng mặt" của ông Clinton, Bắc Kinh không còn là "một người đối thoại chiến lược" mà là "một đối thủ chiến lược". Từ việc đòi hỏi Mỹ phải "xin lỗi", Bắc Kinh cuối cùng phải hài lòng với từ ngữ "hối tiếc" và hy vọng sự kiện chiếc máy bay thám thính cũng chỉ là một rủi ro. Nhưng Bắc Kinh hoàn toàn sai lầm. Chính quyền Bush mỗi ngày càng tỏ ra cứng rắn với Trung Quốc trong khi Bắc Kinh, vì không biết làm cách nào khác, đành cắn răng cam chịu nhẫn nhục. Việc đầu tiên làm Bắc Kinh phẫn nộ là Mỹ cho phép cựu tổng thống Đài Loan Lý Đăng Huy trở lại thăm viếng đại học Cornell, trường cũ của ông. Người ta còn nhớ, trong năm 1995, ông Lý cùng đã làm như vậy và Bắc Kinh đã không ngần ngại làm cho bang giao Trung-Mỹ trở nên lạnh nhạt trong một thời gian và sau đó còn hăm dọa Đài Loan bằng cách bắn hai hoả tiễn ngoài khơi của hai thành phố Cơ Long (Kee Lung) và Cao Hùng (Kao Hsiung) trong dịp tuyển cử tổng thống đầu tiên theo phổ thông đầu phiếu vào tháng ba năm 1996. Tiếp theo đó, chính quyền Bush, trước khi gửi thư trưởng ngoại giao James Kelly sang Bắc Kinh để thông báo là Mỹ quyết tâm thực hiện hệ thống phòng thủ hỏa tiễn, đã cho phép Đài Loan mua một số vũ khí quan trọng kể cả tiềm thủy đình và máy bay chống tàu ngầm với trị giá ngoài bốn tỷ Mỹ kim ngoại trừ loại khu trục hạm có trang bị phi đạn chống hỏa tiễn Aegis. Dĩ nhiên, Bắc Kinh chống lại chương trình này vì nó sẽ làm vô hiệu hóa những nỗ lực trang bị vũ khí tối tân của họ. Ba sự kiện gần đây cũng làm Bắc Kinh phẫn nộ là : Mỹ cho phép đương nhiệm tổng thống Đài Loan Trần Thủy Biển nhập cảnh vào cuối tháng 5 trên đường đi thăm viếng một số nước Trung Mỹ và cho phép ông tiếp xúc với các dân biểu và thượng nghị sĩ ; tổng

thống Bush chính thức tiếp đức Đạt Lai Lạt Ma ở tòa Bạch Ốc ngày 23-5 trong lúc Bắc Kinh đang cử hành lễ kỷ niệm 50 năm "giải phóng" Tây Tạng ; ông Bush đã bổ nhiệm bà Paula Dobransky làm "phối hợp viên đặc biệt", đặc trách quan hệ với chính phủ lưu vong của Đạt Lai Lạt Ma. Đối với Bắc Kinh, hai nhân vật này biểu tượng cho sự "phân cách" đất nước. Cuối cùng, quan hệ giữa Mỹ và Ấn Độ được cải thiện rõ rệt mà ý đồ của Mỹ là dùng Ấn Độ để chống lại Bắc Kinh. Đây là một loạt sự kiện mà Bắc Kinh gọi là những khiêu khích của Mỹ để làm bang giao Trung-Mỹ thêm xấu. Quan hệ Trung-Mỹ còn dành những bất ngờ khác từ đây đến tháng 10 trước khi cuộc viếng thăm chính thức của ông Bush ở lục địa nhân dịp hội nghị thượng đỉnh APEC ở Thượng Hải.

## **Bắc Triều Tiên một năm sau hội nghị thượng đỉnh**

Cách đây hơn một năm, cộng đồng thế giới hân hoan chào đón cuộc gặp gỡ thượng đỉnh giữa hai lãnh tụ Kim Đại Trung và Kim Chính Nhật ở Bình Nhưỡng sau hơn nửa thế kỷ khép kín. Tiếp theo đó, hai bên trao đổi những chuyến thăm viếng của một số phái đoàn kinh tế và quân sự. Một số gia đình may mắn của hai miền được gặp lại thân nhân. Lẽ ra họ Kim miền Bắc phải viếng thăm Hán Thành để trả lễ như đã được dự trù. Nhưng cho đến nay, Kim Chính Nhật vẫn im hơi bất tiếng. Một trong nhân tố làm Bắc Triều Tiên đang do dự là thái độ của ông Bush về vấn đề viên đồng nói chung và vấn đề bán đảo Triều Tiên nói riêng. Trong một cuộc gặp gỡ với tổng thống Kim Đại Trung sau khi vừa nhậm chức, ông Bush nói thẳng ông không tin tưởng chính sách "Ánh sáng Mặt trời" (bắt tay với miền Bắc) của Kim Đại Trung. Đối với ông Bush, phải xem qua hành động của miền Bắc chứ không xem qua lời hứa suông. Ông không cho vấn đề Bắc Triều Tiên là một vấn đề khẩn cấp. Để trả đũa, Kim Chính Nhật "đòi" Mỹ phải rút 35 000 quân đóng ở Nam Hàn và ký hợp tác quân sự với Nga. Về phía Liên hiệp Âu châu,

một bước lớn đã được thực hiện qua sự công nhận chính thức chính quyền Bình Nhưỡng sau khi một phái đoàn đại diện Liên hiệp Âu châu do thủ tướng Thụy Điển, Göran Persson, cầm đầu, viếng thăm xứ này đầu tháng 5-2001. Về phía các quốc gia, chỉ còn Pháp và Ai Nhĩ Lan là chưa công nhận Bình Nhưỡng. Như vậy thì từ khi cuộc gặp gỡ thượng đỉnh với miền Nam, Bắc Triều Tiên có quan hệ thêm với hơn 15 nước.

Trong khi tình hình không biến chuyển khả quan hơn thì một việc linh tinh đã khiến mọi người chú ý. Đó là việc một con trai của Kim Chính Nhật là Kim Chính Nam (Kim Jong Nam) năm nay 30 tuổi, con trai của Kim Chính Nhật với nữ diễn viên điện ảnh, bà Thành Huệ Lâm (Sung Hye Lim), người vợ thứ hai cưới năm 1971, bị trục xuất ra khỏi Nhật Bản. Vì không chịu nổi sự khắc nghiệt của chế độ Bắc Triều Tiên, bà Thành đã bỏ "thiên đường" Bình Nhưỡng để trốn sang Thụy Sĩ năm 1996. Lý do Kim Chính Nam bị trục xuất là vì tên "tiểu tướng" này dùng thông hành Cộng hòa Đô Mi Ni Ca Na giả. Người ta cũng không biết rõ lý do tại sao Kim Chính Nam sang Nhật với thông hành giả. Các chuyên gia về Bắc Triều Tiên cho rằng "tiểu tướng" Kim Chính Nam, người được xem là "thái tử kế vị", trước đây có học ở Thụy Sĩ và Nga về ngành tin học và đã sang Nhật để thăm dò những kỹ thuật mới trong ngành này.

## **Gia đình hoàng gia Nê Pan bị tàn sát**

Thủ phạm là thái tử Dipendra. Sau khi bắn chết vua Birendra, hoàng hậu Aishwarya, em trai Nirajan, em gái Shruti và năm người khác trong gia đình, Dipendra đã tự sát nhưng không chết. Tuy là kẻ giết vua và đã rơi vào tình trạng hôn mê nhưng Dipendra vẫn được tôn xưng làm vua. Chú của ông, hoàng tử Gyanendra đã được chọn làm hoàng nhiếp chính. Theo những cuộc điều tra đầu tiên, Dipendra đã có hành động điên cuồng này vì gia đình đã không muốn để cho thái tử cưới người yêu của mình, một cô gái thuộc dòng dõi cai trị nhưng có mẹ Ấn Độ.

# THỜI SỰ ... TIN TỨC ... THỜI SỰ

## Phản ứng bối rối của chính quyền cộng sản về vụ Vũ Cao Quận

Ngày 7-5-2001, bà Phạm Thúy Thanh, phát ngôn viên bộ ngoại giao Việt Nam, đã tuyên bố bác bỏ nguồn tin theo đó ông Vũ Cao Quận đã bị bắt ngày 24-4. Bà Phạm Thúy Thanh còn nhấn mạnh là nguồn tin này hoàn toàn bịa đặt.

Sự chối cãi này một lần nữa đã lộ bịch hóa chính quyền Hà Nội. Từ đây lời nói của chính quyền cộng sản Việt Nam còn giá trị gì? Ai có thể tin vào những lời tuyên bố của bộ ngoại giao?

Việc ông Vũ Cao Quận bị bắt là có thực 100%. Ông đã bị giam giữ và thẩm vấn trong vòng mười ngày từ 24-4 đến 4-5-2001. Ông đã chỉ được trả tự do dưới áp lực của dư luận trong nước và phản ứng quyết liệt của anh em dân chủ trong nước với sự hỗ trợ của cộng đồng người Việt hải ngoại.

*Thông Luận* có thể đưa thêm những chi tiết cụ thể sau đây:

Ông Vũ Cao Quận đã tổ chức một cuộc thảo luận về vấn đề dân chủ hóa đất nước tại Hải Phòng hồi tháng 2-2001 với sự tham dự của hai ông Trần Độ và Nguyễn Thanh Giang đến từ Hà Nội. Đây là cuộc thảo luận công khai về dân chủ đầu tiên tại Hải Phòng. Từ đó ông đã bị công an liên tục sách nhiễu và đã dự đoán có thể sẽ bị bắt sau khi đại hội 9 của Đảng Cộng sản kết thúc.

Ngày 22-4, đúng ngày bế mạc đại hội 9 của Đảng Cộng sản Việt Nam, ông Quận đi lên Hà Nội gặp gỡ nhiều thân hữu trong hai ngày, trong đó có một buổi tọa đàm tại nhà ông Phạm Quế Dương với sự tham gia của khoảng mười người.

Ngày 24-4, trên đường về Hải Phòng, ông Quận bị chặn bắt lúc 17 giờ tại bến xe Quán Toan, cách Hải Phòng 20 cây số. Trong người ông Quận có nhiều bài viết và sách báo do các bạn tại Hà Nội cho. Trước đó, hồi 15 giờ, công an đã tới khám xét nhà ông Vũ Cao Quận và tịch thu nhiều tài liệu.

Hồi 21 giờ cùng ngày, bà Vũ Cao Quận được mời lên trụ sở công an để khuyên ông ăn cơm vì ông Quận tuyệt

thực và từ chối trả lời công an. Sau cuộc gặp gỡ này, ông Quận bằng lòng ăn cơm và nói chuyện với công an.

Sau đó ông Quận được giải tới giam giữ tại trại giam Trần Phú. Ngày hôm sau thêm bốn thân hữu của ông Quận bị bắt tới để thẩm vấn và đối chất với ông Quận. Tất cả đều không nhìn nhận một tội trạng nào và cho rằng việc họ gặp nhau thảo luận là một quyền công dân. Những người này được cho về.

Trong suốt một tuần lễ kế tiếp, ông Quận đã bị thẩm vấn liên tiếp. Những câu hỏi được lặp lại nhiều lần là: Ông Quận tổ chức những ai tại Hải Phòng? Ông lên Hà Nội họp với những ai, ở đâu? Ông và các bạn của ông âm mưu những gì? Ai đã cho ông cuốn *Tổ quốc Ân nhân* của Nguyễn Gia Kiểng mà công an bắt được trong hành lý của ông? Ông liên hệ gì với người ở nước ngoài? v.v. Ông Quận đã liên tiếp bác bỏ không trả lời những câu hỏi này. Ông chỉ nói là ông không làm điều gì phạm pháp, chỉ hành xử những quyền công dân được qui định trong hiến pháp.

Đến ngày 4-5, ông Vũ Cao Quận được trả tự do sau mười ngày bị giam giữ. Ông từ chối không chịu cam kết điều gì. Vì liên lạc bị gián đoạn nên năm thân hữu của ông Quận tại Hà Nội là Nguyễn Thanh Giang, Trần Dũng Tiến, cụ đại tá Nguyễn Thế Kỳ (người đã đưa ra ánh sáng vụ di chúc của ông Hồ Chí Minh do Đảng Cộng sản Việt Nam phổ biến là giả) và hai vị đại tá khác đã rủ nhau thuê xe xuống Hải Phòng để ủy lạo gia đình ông Vũ Cao Quận. Đến nơi họ thấy ông Quận đã được về nhà. Ông Quận cho biết đã được trả tự do từ ba ngày trước đó nhưng không có phương tiện liên lạc. Trên đường về Hà Nội, cũng tại bến xe Quán Toan, cả năm người đã bị bắt giữ lại và giải về đồn công an. Lý do chính thức là xe chạy quá tốc độ, mặc dù xe chạy rất chậm. Sau vài giờ xét hỏi lý lịch và giấy tờ, họ được cho đi tiếp về Hà Nội, sau khi công an đã hỏi ý kiến cấp trên.

Việc Hà Nội phủ nhận đã bắt giam ông Vũ Cao Quận thực là lộ bịch. Làm sao chính quyền có thể chối cãi một sự

kiện rõ rệt như vậy? Nhưng điều tích cực là chính quyền sau cùng đã phải trả tự do cho ông Quận. Những người dân chủ tại Hà Nội và Hải Phòng, đặc biệt là các cựu chiến binh, đã dự định sẽ tranh đấu quyết liệt đòi trả tự do cho ông Quận. Họ đón nhận việc phóng thích ông Quận như một thắng lợi và càng thêm quyết tâm đấu tranh đòi dân chủ.

## Điều kiện quan trọng để kinh tế Việt Nam phát triển

Đó là sự đối xử bình đẳng giữa các thành phần kinh tế. Hay nói cách khác, các thành phần kinh tế ở Việt Nam hiện nay cần có môi trường kinh doanh bình đẳng và công khai.

Mới đây, Hội thảo "Cải cách thể chế - kinh nghiệm quốc tế và khả năng áp dụng ở Việt Nam" đã được Viện nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương và Chương trình phát triển Liên hiệp quốc phối hợp tổ chức tại Hà Nội. Tiến sĩ S. Jacobs, giám đốc chương trình cải cách pháp luật của Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD) đã nêu ra những lý do phải cải cách thể chế và những bài học về cải cách thể chế ở một số nước. Nếu cải cách thể chế được thực hiện đúng đắn, theo ông S. Jacobs, nó sẽ trở thành một công cụ mạnh nhất để phát triển kinh tế. Vì cải cách thể chế tạo ra các ngành nghề kinh doanh mới, từ đó mang đến cho người dân những công việc làm ăn mới, thúc đẩy sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, hình thành vòng quay xã hội khép kín. Ông S. Jacobs cho rằng, kinh tế Việt Nam không thể phát triển, nếu không tiến hành cải cách thể chế theo ba nhóm sau đây:

- Cải cách thể chế về kinh tế, can thiệp trực tiếp các lĩnh vực của thị trường như: định giá, cạnh tranh, tham gia vào thị trường hoặc rút ra khỏi thị trường.

- Cải cách thể chế về xã hội để bảo hộ những lợi ích công cộng như an ninh, môi trường, sức khỏe, sự gắn kết xã hội.

- Cải cách thể chế về hành chính, tăng cường khả năng điều hành của các cơ quan chính phủ, điều chỉnh những quan niệm pháp lý cho phù hợp.

# THỜI SỰ ... TIN TỨC ... THỜI SỰ

Đối với tình hình thực tế ở Việt Nam hiện nay, cải cách thể chế là việc không dễ. Bởi vì, hệ thống luật chẳng những rườm rà, mà còn do nhiều tầng nấc ban hành, nên việc đăng ký kinh doanh khó khăn, tình trạng thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, "hành doanh nghiệp" diễn ra vô tội vạ, nhất là đối với các doanh nghiệp nhỏ và thuộc thành phần kinh tế cá thể, gây nhiều trở ngại cho việc kinh doanh v.v.

Ông S. Jacobs nêu rõ tác hại của sự phân biệt đối xử trong kinh doanh. Theo ông, kinh tế thị trường không vận hành được nếu doanh nghiệp nhà nước không được coi là cơ sở thương mại. Mặt khác, các doanh nghiệp tư nhân sẽ không tham gia vào những khu vực đã được DNNN bảo hộ. Các doanh nghiệp nhà nước cũng phải được quản lý chặt chẽ về ngân sách, hoạt động trên cơ sở pháp lý hoàn toàn bình đẳng đối với doanh nghiệp tư nhân. Nếu thua lỗ, doanh nghiệp nhà nước cũng bị phá sản, không được vay vốn với lãi suất thấp và không được hưởng các ưu đãi khác.

## Mô hình giáo dục đại học thế kỷ mới ?

Trong khi có nhiều ưu đãi để phát triển, nhưng vẫn bị dư luận xã hội phàn nàn, thậm chí bất bình, ngành giáo dục ở Việt Nam đã cố gắng nhìn nhận những thách thức của giáo dục đại học trong thế kỷ này thông qua một hội thảo với chủ đề "Giáo dục đại học và những thách thức đầu thế kỷ 21". Có ý kiến cho rằng, một trong những thách thức đó là sự bất tương đồng giữa qui mô đào tạo và chất lượng. Về qui mô, hiện nay tỉ lệ sinh viên đại học ở Việt Nam là 166/một vạn dân. So với Thái Lan với tỉ lệ 225/một vạn dân, Nga 300/một vạn dân, Mỹ 534/một vạn dân, Hàn Quốc 610/một vạn dân, thì tỉ lệ sinh viên so với dân số ở Việt Nam còn thấp. Nhưng con số hàng vạn sinh viên ra trường hàng năm lại không đáp ứng được nhu cầu của xã hội, vì chất lượng đào tạo mà họ hấp thụ được khi ngồi trên ghế các trường đại học khá thấp. Đến nỗi, thay vì gọi họ là sinh viên tốt nghiệp đại học, người ta gọi họ là "học sinh cấp 4". Các vùng

miền núi hiện rất thiếu bác sĩ. Nhưng ở đó người ta cũng không nhận các sinh viên tốt nghiệp y khoa ở Hà Nội lên làm việc, vì chất lượng đào tạo không đảm bảo. Một số nguyên nhân dẫn đến chất lượng đào tạo thấp đã được chỉ ra là : thiếu giảng viên đại học, quan hệ giữa giảng viên và sinh viên ngày càng tệ nhạt v.v. Quan điểm được cho là mới trong hội thảo là làm sao các trường đại học phải phục vụ tốt các thành phần kinh tế khác nhau, thay vì chỉ phục vụ thành phần kinh tế nhà nước. Vì vậy, các trường đại học phải là trung tâm nghiên cứu khoa học có chất lượng cao và chuyển hướng từ nghiên cứu theo sở thích sang nghiên cứu theo nhu cầu của xã hội. Một ý kiến khác được đưa ra là giáo dục đại học phải là của toàn dân, đảm bảo được tính công bằng và dân chủ. Các trường đại học phải xem sinh viên như khách hàng và đáp ứng như cầu của nhiều loại người học bằng các chương trình đào tạo thích hợp. Các trường đại học phải là nơi chọn lọc và đề xuất ý tưởng mới cho xã hội. Về loại hình đào tạo, các ý kiến cho rằng có hai dòng chính: đào tạo theo truyền thống và đào tạo mở, từ xa. Để cải tiến phương pháp giảng dạy và áp dụng những công nghệ mới, người ta đề nghị phải mở cho các trường đại học một hành lang pháp lý mới. Theo đó, các trường đại học được phép hợp tác với các trung tâm đại học nước ngoài theo phương châm tự chủ, tự chịu trách nhiệm.

## Quả gấc Việt Nam, những bất ngờ

Người ta đã biết đến tác dụng chữa bệnh của cây gấc từ lâu. Rễ cây chữa ung nhọt, viêm tuyến hạch, màng đỏ của hạt gấc chữa bệnh trẻ em chậm lớn, khô mắt, quáng gà, kém ăn, mệt mỏi, hạt gấc chữa quai bị, trĩ, làm tan khối máu tụ khi bị chấn thương v.v. Trước đây, hai tác giả Đinh Ngọc Lâm và Hà Văn Mạo đã nghiên cứu ra chế phẩm Gravit từ gấc để khắc phục tác hại của chất dioxin, phòng chữa xơ gan, ung thư gan nguyên phát, giảm tác hại của việc chữa ung thư bằng tia phóng xạ.

Tại Hội nghị Quốc tế về Phòng

chống Thiếu Vitamin A và Thiếu Máu Dinh dưỡng lần thứ 20 được tổ chức ở Hà Nội gần đây, tiến sĩ dinh dưỡng học Vương Thúy Lệ, một người Mỹ gốc Việt đang làm việc tại trường đại học Davis (California), đã trình bày công trình nghiên cứu của bà về quả gấc Việt Nam. Bà đã tiến hành những cuộc thực nghiệm về tác dụng của loại dầu được ép ra từ quả gấc có hàm lượng beta caroten tương đương với 50 nghìn đơn vị vitamin A (cao nhất trong các loại hoa quả tự nhiên mà người ta đã biết đến hiện nay) đối với một số gia đình có trẻ em suy dinh dưỡng ở hai xã Tân Trào, Đoàn Kết thuộc tỉnh Hải Dương và hai xã Tân Minh, Bắc Sơn thuộc huyện Sóc Sơn, ngoại thành Hà Nội. Kết quả cho thấy, lượng hồng cầu, beta caroten, vitamin A trong máu của những trẻ em đó tăng lên rõ rệt sau thời gian 30 ngày ... ăn xôi gấc. Ngoài ra, trong quả gấc còn có chất lycopene với hàm lượng đáng kể, một chất thường được dùng để chế biến các mỹ phẩm như kem dưỡng da, son môi v.v. Quả gấc là một loại quả rất bình thường và quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày của người Việt Nam, nay có thể đã có cơ hội "lên ngôi".

## Nhạc Việt Nam khó xuất ngoại

Cho đến bây giờ, các doanh nghiệp sản xuất băng, đĩa ở Việt Nam vẫn chỉ dừng lại ở các ca khúc nhạc Việt lời Anh, hoặc lời nửa Việt, nửa Anh dành cho người Việt hải ngoại. Đã có một số ca sĩ hợp tác với nước ngoài để sản xuất chương trình ca nhạc, nhưng số tiền đầu tư để một băng hình ca nhạc đạt tiêu chuẩn khoảng 40 nghìn USD. Việc phát hành băng hình ca nhạc đó cũng không dễ dàng. Nhưng trở ngại lớn nhất là phần lớn ca sĩ Việt Nam hiện nay mới chỉ "thường thường bậc trung". Không những thế, họ lại "na ná" giống nhau, "na ná" giống các ca sĩ nước ngoài và chất Á Đông ở họ khi trình diễn không còn bao nhiêu. Thành thử, các hãng sản xuất chương trình ca nhạc của nước ngoài ít quan tâm đến nhạc Việt Nam, và vì thế nhạc Việt Nam vẫn chỉ dành cho người ... Việt Nam.

## Hòa thượng Quảng Độ : "Phải trút bỏ cái sợ đi để sống tự do !"

Qua một liên lạc với *Thông Luận* ngày thứ sáu 18-5-2001, hòa thượng Thích Quảng Độ cho biết ông vừa trải qua một "buổi làm việc" kéo dài hai giờ, từ 14 đến 16 giờ cùng ngày, tại trụ sở công an quận Phú Nhuận. Hòa thượng đã đáp ứng một giấy triệu tập của công an quận. Cuộc đối đáp đã chủ yếu xoay quanh dự định của hòa thượng Quảng Độ là sẽ ra Quảng Ngãi đón hòa thượng Huyền Quang về Sài Gòn. Công an thông báo cho hòa thượng Quảng Độ rằng dự định này là trái pháp luật và họ tuyên bố cấm ông không được làm.

Hòa thượng Quảng Độ đã trả lời rằng dự định của ông hoàn toàn hợp pháp, ông có quyền làm và nhất định sẽ làm. Ông nêu lý do hòa thượng Huyền Quang hiện nay không còn ràng buộc gì cả, lệnh quản chế đối với hòa thượng Huyền Quang đã chấm dứt từ năm 1997, như vậy ông có toàn quyền trở về nơi cư trú trước đây, nghĩa là Sài Gòn. Hòa thượng nói thêm rằng: "*Nếu thầy Huyền Quang là một người tù đang thọ án thì tôi sẽ không làm gì cả, nhưng ngày nay ông là một người có đầy đủ quyền công dân. Hơn nữa thầy Huyền Quang đã 83 tuổi, lại rất đau yếu mà phải sống một mình trong chùa Quan Phước không ai chăm sóc thì rất nguy hiểm*". Hòa thượng Quảng Độ nhấn mạnh: "*Rõ ràng các ông muốn giết thầy Huyền Quang bằng cách cô lập ông trong tình trạng già cả và yếu bệnh. Các ông thực vô nhân đạo đã đành, nhưng nếu tôi chấp nhận tình trạng này thì chính tôi cũng hèn nhát và vô nhân đạo*". Hòa thượng Quảng Độ thông báo với công an quận Phú Nhuận rằng ông đã viết thư gửi các cấp lãnh đạo đảng và nhà nước cộng sản báo trước ý định sẽ đón hòa thượng Huyền Quang về Sài Gòn, nhưng vì vừa có sự thay đổi lãnh đạo trong đảng nên ông sẽ viết một thư khác gửi tân tổng bí thư Nông Đức Mạnh, và dù được trả lời ra sao hay không được trả lời ông cũng vẫn sẽ ra Quảng Ngãi đón hòa thượng Huyền Quang về. Nếu công an chặn ông lại ở đâu ông sẽ ngồi xuống chỗ đó để cầu nguyện chứ không trở về Thanh Minh Thiền Viện. Sau đó, trước khi ra về, hòa thượng Quảng Độ đã nói và viết vào

biên bản "buổi làm việc" rằng ông chỉ nhìn nhận trong biên bản những gì liên hệ tới việc đón hòa thượng Huyền Quang mà thôi và bác bỏ mọi điểm khác.

Ngoài dự định đi đón hòa thượng Huyền Quang, công an còn buộc tội hòa thượng Quảng Độ đã tuyên truyền chống nhà nước qua lời kêu gọi đòi dân chủ được phổ biến gần đây và lời kêu gọi chung của bốn tôn giáo được phổ biến năm 2000. Hòa thượng Quảng Độ nói rằng những điều đó hoàn toàn là quyền của các ông và các ông tự thấy không cần giải thích. Công an quận cùng một lần nữa ra lệnh cho hòa thượng Quảng Độ không được lấy danh nghĩa là viện trưởng Viện Hóa Đạo Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất nữa nhưng hòa thượng Quảng Độ cực lực bác bỏ lệnh cấm vô lý này. Ông nói rằng Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất đã có từ lâu và chưa hề giải tán và việc ông làm viện trưởng Viện Hóa Đạo là vấn đề hoàn toàn nội bộ của Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất. Sau cùng ông tuyên bố rằng từ nay ông sẽ không tuân hành những lệnh triệu tập của công an nữa. Ông nói: "*Lần này tôi đem theo giấy triệu tập của ông là vì tôi muốn tôn trọng luật pháp và cùng để ông thấy rằng tôi không có gì phải giấu giếm hay sợ sệt cả. Nhưng từ nay tôi sẽ không đến gặp ông nữa. Nếu ông thấy tôi có tội xin cứ bắt, giải tòa, xử án và bỏ tù. Tôi sẵn sàng chấp nhận tất cả*". Hòa thượng nhấn nhủ với những người dân chủ trong và ngoài nước như sau: "*Đầu tháng 6 sắp tới nhất định tôi sẽ đi đón hòa thượng Huyền Quang về. Anh em hãy ủng hộ chúng tôi và vận động dư luận thế giới ủng hộ chúng tôi. Họ tàn nhẫn với hòa thượng Huyền Quang quá rồi, chúng tôi không thể nhìn nhục được nữa*". Và một lời nói với tuổi trẻ Việt Nam: "*Tôi kêu gọi tuổi trẻ Việt Nam hãy đứng dậy nói thẳng thắn với chế độ cộng sản rằng "chúng tôi không sợ các ông". Họ lộng hành chỉ vì chúng ta sợ, phải trút bỏ cái sợ đi để sống tự do !*" Hiện nay, để ngăn ngừa hòa thượng Quảng Độ lên đường đi đón hòa thượng Huyền Quang, trước cửa Thanh Minh Thiền Viện lúc nào cũng có hai công an

## Mục lục

1. *Ủng hộ LM Lý và HT Quảng Độ*  
**Thông Luận**
2. *Nhìn lại Giáo hội Công giáo VN*  
**Nguyễn Văn Huy**
4. *Lời phản kháng*  
**Linh mục Chân Tín**
5. *15 linh mục ủng hộ cha Lý*
6. *Vũ Cao Quận được trả tự do*  
**Trần Dũng Tiến**
7. *Một thời để nói*  
**Võ Thanh Liêm**
9. *Luồng tư tưởng Nguyễn Gia Kiểng*  
**Sông Lô**
11. *Giới thiệu tác giả Nam Dao*  
**Nguyễn Gia Kiểng**
13. *Một thoáng quê hương*  
**Nguyễn Văn Man**
15. *Vấn đề phát triển bền vững VN*  
**Nguyễn Ngọc Hiệp**
18. *Việc đào tạo bậc đại học VN*  
**Tôn Thất Long**
22. *Tôn Tử binh pháp*  
**Nguyễn Phi Phụng**
26. *VN giữa Trung Quốc và Hoa Kỳ*  
**Vũ Thiệu Hán**
28. *Tạp ghi*  
**Diệp Tường Bảo**
29. *Thời sự*
32. *Kêu gọi của hòa thượng Quảng Độ*

túc trực. Ban ngày họ ngồi trong một quán nước, ban đêm trải chiếu và giăng màn ngủ ngay trước cửa chùa bên kia đường. Hòa thượng Quảng Độ đã nói với các công an rằng: "*Các anh cứ về đi, sao lại ngủ ngoài đường khổ sở như vậy, tôi không lên ra đi đâu, tôi sẽ báo trước ngày giờ lên đường*". Hòa thượng cho biết sẽ thông báo cho đồng bào trong và ngoài nước ngày và giờ ông sẽ rời Thanh Minh Thiền Viện để lên đường đi đón hòa thượng Huyền Quang. Ông biết trước công an sẽ chặn lại ngay cửa chùa và ông hy vọng rằng đồng bào sẽ được thông báo đầy đủ để vào lúc đó nghĩ đến ông. Ông tin rằng vào ngày giờ đó cả triệu tấm lòng trong và ngoài nước sẽ hiện diện bên ông.